

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Chủ tịch

PGS.TS NGUYỄN HỒNG SƠN

Các Ủy viên

TS. NGUYỄN ĐỨC HIỂN

THS. LÊ THANH TÙNG

THS. BÙI QUỐC DŨNG

TS. ĐẶNG ĐỨC LONG

TS. NGUYỄN TÚ ANH

THS. NGUYỄN VĂN TIẾN

THS. HÀ HẢI AN

TS. ĐOÀN NGỌC XUÂN

PGS.TS NGÔ TRÍ TUỆ

GS.TS. LÊ QUỐC HỘI

PGS.TS. PHAN CHÍ ANH

Tổng Biên tập:

PGS.TS. Ngô Trí Tuệ

Thư ký Tòa soạn:

Đặng Việt Dũng

Tòa soạn:

Tầng 9, tòa nhà A3,
phố Nguyễn Cảnh Chân,

quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 080 44754

Mỹ thuật:

Mai Văn Bình

Thư Tòa soạn,

Quý bạn đọc kính mến!

Trên tay quý bạn đọc là Tạp chí Kinh tế số 74, ấn phẩm được xuất bản với chủ đề triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2024 - năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

Chuyên mục Triển vọng kinh tế năm 2024 giới thiệu các bài viết của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý đánh giá khách quan các kết quả đạt được trong năm 2023 và dự báo triển vọng tăng trưởng kinh tế đất nước năm 2024 cùng những khó khăn, thách thức trong bối cảnh đầy biến động của kinh tế thế giới.

Chuyên mục Phát triển kinh tế - xã hội các địa phương giới thiệu kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết Đại hội Đảng bộ địa phương nhiệm kỳ 2020-2025 về phát triển kinh tế - xã hội.

Chuyên mục Thực tiễn - Kinh nghiệm với các bài viết giới thiệu kinh nghiệm trong công tác tham mưu và công tác quản trị, điều hành gắn với thực tiễn hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất kinh doanh và bảo đảm an sinh xã hội.

Chuyên mục Thông tin quốc tế giới thiệu với bạn đọc các bài nghiên cứu của chuyên gia về kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam về quản lý và phát triển công nghệ tài chính (công nghệ chuỗi khối với tiền kỹ thuật số), về phát triển công nghiệp bán dẫn trong quá trình thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tạp chí Kinh tế rất mong nhận được sự quan tâm đóng góp của quý bạn đọc để có thể phục vụ ngày càng tốt hơn.

Trân trọng.

TẠP CHÍ KINH TẾ



TRONG SỐ NÀY

TRIỂN VỌNG KINH TẾ NĂM 2024

04. NGUYỄN ĐỨC HIỂN VÀ NHÓM NGHIÊN CỨU

Kinh tế Việt Nam năm 2023 và triển vọng năm 2024

10. TRẦN QUỐC PHƯƠNG

Ưu tiên tăng trưởng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế trong thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

15. ĐÀO MINH TÚ

Hệ thống ngân hàng đồng hành cùng sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và định hướng cho năm 2024

24. NGUYỄN BÍCH LÂM

Kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và triển vọng năm 2024

35. NGUYỄN TÚ ANH

Kinh tế thế giới và những vấn đề đặt ra đối với kinh tế Việt Nam

PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

45. DƯƠNG VĂN THÁI

Phát huy tiềm năng, lợi thế, nội lực, phấn đấu trong năm 2024 hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025

50. NGHIÊM XUÂN THÀNH

Những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hậu Giang năm 2024, phấn đấu về đích sớm các chỉ tiêu kinh tế - xã hội trọng yếu của nhiệm kỳ 2020 - 2025

55. MAI THỊ HƯƠNG GIANG

Thành phố Nha Trang: Phát huy giá trị văn hóa biển, đảo trong phát triển kinh tế biển xanh và bền vững



Thiết kế bìa 1: Mai Văn Bình



KINH NGHIỆM - THỰC TIỄN

61. LÊ MẠNH HÙNG

Petrovietnam - Thành công từ quản trị biến động

67. NGUYỄN QUANG HUY, ĐÀO THỊ NHUNG VÀ NHÓM NGHIÊN CỨU

Thực trạng công tác tham mưu của các cơ quan Đảng Trung ương về phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa qua 40 năm đổi mới

73. LÊ DUY BÌNH

Đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm tạo việc làm, góp phần bảo đảm an sinh xã hội

THÔNG TIN QUỐC TẾ

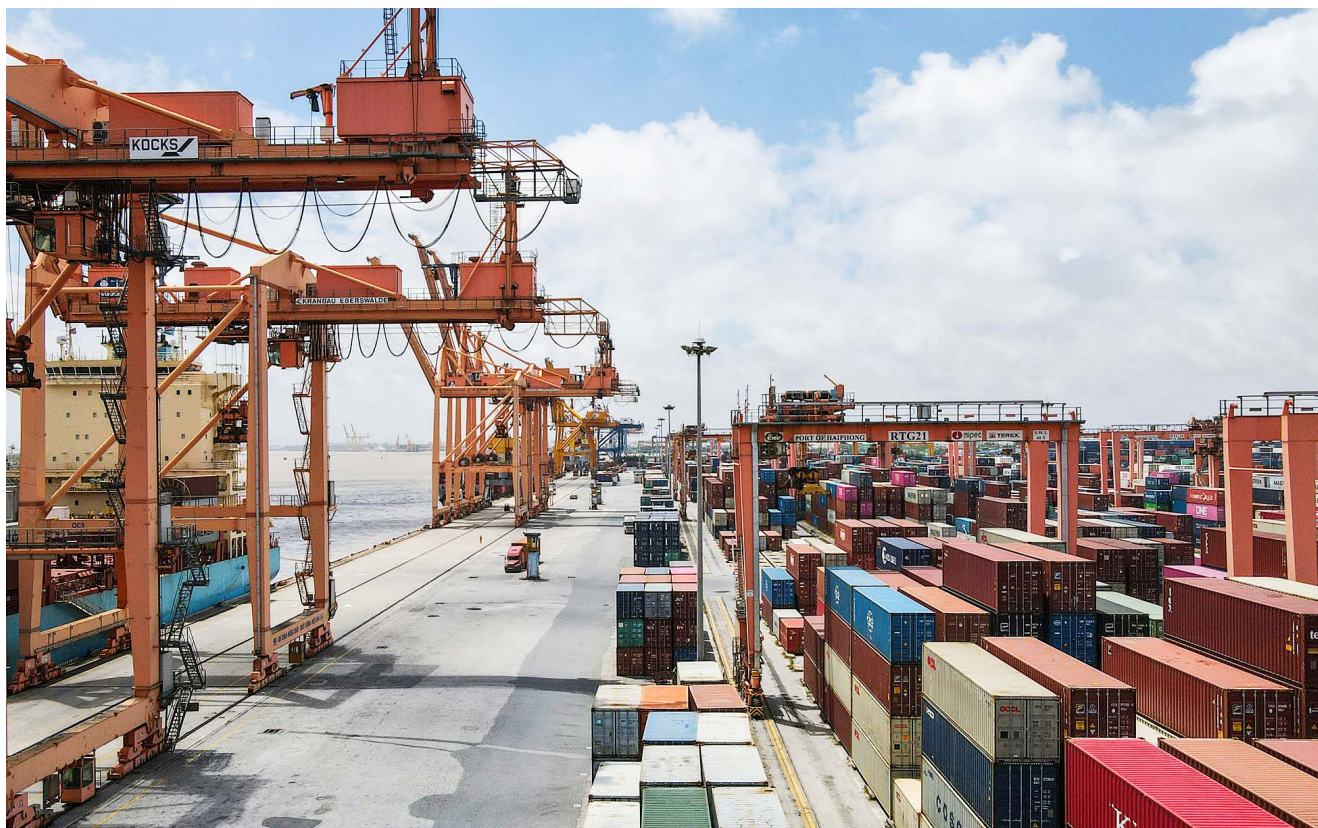
81. HOÀNG CÔNG GIA KHÁNH VÀ TRẦN HÙNG SƠN

Quản lý công nghệ tài chính: Nghiên cứu trường hợp tiền mặt mã

87. NGUYỄN HỒNG QUANG VÀ NGUYỄN ĐỨC HUY

Quá trình phát triển của ngành công nghiệp bán dẫn Mỹ và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam





KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2023 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2024

● **NGUYỄN ĐỨC HIỂN^(*) VÀ NHÓM NGHIÊN CỨU^(**)**

Năm 2023, tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn, nền kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng 5,05%, cao hơn nhiều so với trung bình các nước trên thế giới. Các động lực tăng trưởng kinh tế năm 2023 đến từ xuất khẩu, đầu tư công và tiêu dùng trong nước. Mặc dù tăng trưởng kinh tế năm 2023 của Việt Nam có xu hướng tích cực, quý sau cao hơn quý trước, nền kinh tế vẫn đang phải đối mặt với một số tồn tại như: chất lượng tăng trưởng kinh tế còn thấp và chưa được cải thiện, cơ cấu nền kinh tế chưa thực sự hợp lý, việc cải thiện môi trường kinh doanh chưa đạt được kỳ vọng của doanh nghiệp,... Bài nghiên cứu này sẽ phân tích thực trạng một số tồn tại, bất cập của nền kinh tế Việt Nam, từ đó đưa ra các đề xuất trong điều hành nền kinh tế trong thời gian tới.

(*) Tiến sỹ, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương

(**) TS. Nguyễn Quang Huy và TS. Nguyễn Trung Hậu, Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế tổng hợp, Ban Kinh tế Trung ương

1. Một số kết quả nổi bật về kinh tế năm 2023

Năm 2023, GDP Việt Nam có xu hướng tăng tốc ổn định qua các quý⁽¹⁾ đã góp phần đưa tốc độ tăng trưởng GDP cả năm lên mức 5,05% trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu rất khó khăn, giúp Việt Nam vẫn thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao trong khu vực⁽²⁾ và thế giới⁽³⁾.

Năm 2023 còn ghi nhận tình hình kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; lạm phát 3,25%, thấp hơn mục tiêu Quốc hội đề ra (4,5%); nợ công khoảng 37% GDP (thấp hơn nhiều so với mức trần 60% do Quốc hội đề ra), bội chi ngân sách nhà nước được kiểm soát ở mức 4,4% GDP; các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm; đầu tư công được giải ngân cao kỷ lục gần 580 nghìn tỷ đồng (đến 31/12/2023) nhờ sự quyết liệt của Chính phủ, các bộ, ngành và chính quyền địa phương. Khu vực nông nghiệp là điểm sáng và tiếp tục là trụ đỡ vững chắc của nền kinh tế trong khó khăn (tăng 3,83%, cao nhất trong 10 năm qua); khu vực dịch vụ phát triển khá sôi động (tăng 6,82%); khu vực công nghiệp và xây dựng từng bước phục hồi qua từng quý, cả năm tăng 3,02%; xuất khẩu nông sản lập kỷ lục (trên 53 tỷ USD) góp phần đáng kể vào mức xuất siêu khoảng 26 tỷ USD, vốn FDI đăng ký tăng mạnh và vốn FDI được giải ngân ở mức kỷ lục (23,18 tỷ USD) trong bối cảnh thương mại đầu tư toàn cầu bị thu hẹp.

Với các yếu tố tích cực nói trên, xếp hạng môi trường kinh doanh Việt Nam tăng 12 bậc trên toàn cầu.

2. Những thách thức và vấn đề đặt ra

Mặc dù đạt được một số kết quả nổi bật nói trên, nền kinh tế Việt Nam vẫn còn một số tồn tại, bất cập nhất định.

2.1. Tăng trưởng GDP của Việt Nam ở mức thấp nhất trong 17 năm, chất lượng tăng trưởng còn hạn chế

Tăng trưởng GDP năm 2023 đạt mức 5,05%, thấp nhất trong 17 năm qua; chất lượng, hiệu quả tăng trưởng còn thấp, chưa đạt mục tiêu:

- Tỷ lệ đóng góp của TFP vào tăng trưởng giảm (chỉ đạt 35,69%), thấp hơn nhiều so với giai đoạn 2016-2020 (45,7%) và kế hoạch giai đoạn 2021-2025 (45%).

- Tốc độ tăng năng suất lao động chỉ đạt 3,68%⁽⁴⁾, thấp hơn so với kế hoạch đề ra (5-6%) và là năm thứ ba liên tiếp không đạt mục tiêu tốc độ tăng năng suất lao động xã hội.

- Hệ số ICOR ở mức 4,4, cao hơn Hàn Quốc⁽⁵⁾ và Nhật Bản⁽⁶⁾ trong giai đoạn tăng trưởng nhanh.

- Tăng trưởng kinh tế chủ yếu dựa vào đầu tư công (đầu tư tư nhân chỉ đạt 2,7%, thấp nhất so với giai đoạn từ 2019 – 2023) và chủ yếu được hướng vào lĩnh vực hạ tầng giao thông, chưa chú trọng cho hạ tầng xã hội như y tế, giáo dục, nhất là ở vùng nông thôn và hạ tầng số.

2.2. Hoạt động thương mại quốc tế còn bất cập

Trong kim ngạch xuất khẩu, nhóm hàng công nghiệp chế biến

chiếm tỷ trọng cao nhất 88,3%; tiếp theo là nhóm hàng nông sản, lâm sản chiếm 7,9%; nhóm hàng thủy sản ước chiếm 2,5% và nhóm hàng nhiên liệu và khoáng sản chiếm 1,3%. Trong kim ngạch nhập khẩu, nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm 93,8% (trong đó nhóm hàng máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng chiếm 45,8%, nhóm hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm 48%); nhóm hàng vật phẩm tiêu dùng chiếm 6,2%. Tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam vẫn tồn tại những hạn chế, khó khăn như: (i) Khối doanh nghiệp FDI (kể cả dầu thô) vẫn chiếm khoảng 73% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước; (ii) Giá trị gia tăng trong xuất khẩu chưa được như kỳ vọng; (iii) Khu vực sản xuất trong nước phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu từ bên ngoài, (iv) Cán cân thương mại xuất siêu chủ yếu do nhập khẩu giảm mạnh hơn so với xuất khẩu, cho thấy những khó khăn trong sản xuất hàng hóa phục vụ xuất khẩu.

(1) Lần lượt đạt mức 3,41%; 4,25%;

5,47% và 6,72%. Đây là xu hướng trái ngược so với 5 năm trở lại đây.

(2) Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) ước tính tăng trưởng kinh tế Châu Á năm 2023 là 4,9%.

(3) Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 theo ước tính của World Bank là 2,1%, theo ước tính của OECD là 2,9%, theo ước tính của IMF là 3,0%...

(4) Mức tăng năng suất lao động giai đoạn 2016-2020 là 5,85%

(5) ICOR Hàn Quốc ở mức 2,7 trong giai đoạn 1960-2000

(6) ICOR Nhật Bản ở mức 3,0 trong giai đoạn 1955-1973



2.3. Các cực tăng trưởng có mức tăng trưởng thấp, chưa phát huy được vai trò liên kết và thúc đẩy các vùng

Trong năm 2023, trong số 04 vùng động lực quốc gia⁽⁷⁾, vùng động lực miền Trung và vùng động lực phía Nam có mức tăng tương ứng là 1,1% và 4,0%, thấp hơn bình quân của toàn vùng và cả nước; vùng động lực Đồng bằng sông Cửu Long có mức tăng 6,6%, bằng bình quân của toàn vùng và cao hơn cả nước; vùng động lực miền Bắc có mức tăng 9,2%, cao hơn bình quân của toàn vùng và cả nước. Tuy nhiên, nếu trên góc độ các địa phương được xác định là cực tăng trưởng của các vùng động lực (Hà Nội, Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh và Cần Thơ), thì 3/4 địa phương có mức tăng trưởng GRDP thấp hơn của toàn vùng (lần lượt Hà Nội là 6,3% so với

6,7%; Đà Nẵng là 2,6% so với 6,1% và Cần Thơ là 5,8% so với 6,6%).

2.4. Thu-chi ngân sách còn thiếu bền vững

Thu ngân sách phụ thuộc nhiều vào các khoản thu một lần⁽⁸⁾, đặc biệt ở cấp địa phương. Dư địa thu NSNN (đặc biệt là thu NSTW) không nhiều, công tác quản lý thu vẫn chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

Khả năng điều chỉnh cơ cấu chi NSNN khó khăn do: Chi thường xuyên vẫn chiếm tới xấp xỉ 60% tổng chi NSNN giai đoạn 2021-2023, dẫn đến chi đầu tư phát triển vẫn chỉ ở mức dưới 30% tổng chi NSNN; chi trả nợ năm 2021 và 2022 lần lượt là 18,63% và 13,43% tổng chi NSNN gây áp lực cho NSNN. Chi cho khoa học và công nghệ ở mức rất thấp (khoảng 0,8% GDP).

2.5. Cải thiện môi trường kinh doanh chưa đạt kỳ vọng của doanh nghiệp

Việc cắt giảm, đơn giản hóa

(7) Vùng động lực phía Bắc (Tam giác Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh); Vùng động lực phía Nam (Tứ giác Thành phố Hồ Chí Minh - Bình Dương - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu); Vùng động lực miền Trung (khu vực ven biển Thừa Thiên - Huế - Đà Nẵng - Quảng Nam - Quảng Ngãi) và Vùng động lực đồng bằng sông Cửu Long (Tam giác Cần Thơ - An Giang - Kiên Giang).

(8) Thu từ đất luôn chiếm gần 15% trong 2 năm 2021-2022 và hơn 8% trong 9 tháng đầu năm 2023

(9) Theo Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại thời điểm ngày 25/12/2023

(10) Các Bộ: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao, Nội vụ, Tài chính, Tư pháp

quy định, thủ tục hành chính chưa được thực hiện triệt để và nhiều bộ, ngành quan trọng (Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp) chưa hoàn thành. Trên 550 thủ tục hành chính (chiếm trên 50%) tại 111 văn bản quy phạm pháp luật⁽⁹⁾ chưa được thực thi phương án đơn giản hóa; một số bộ, cơ quan⁽¹⁰⁾ chưa thực hiện phân cấp thủ tục hành chính theo Quyết định số 1015/QĐ-TTg. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của bộ, ngành và địa phương còn hạn chế⁽¹¹⁾; tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia còn ở mức thấp⁽¹²⁾. Một số quy định pháp luật có quan điểm trái chiều từ phía cơ quan quản lý và doanh nghiệp được sửa đổi vào phút chót, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp⁽¹³⁾.

Cơ chế hỗ trợ DN NVV không thực sự hiệu quả, một số doanh nghiệp xin không được vào danh sách được hỗ trợ. Hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chưa được duy trì thường xuyên và mới chỉ tiếp cận đến được với một số ít doanh nghiệp. Công tác truyền thông còn bất cập dẫn đến một bộ phận doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa quan tâm hoặc chưa có điều kiện quan tâm tới hoạt động hỗ trợ pháp lý từ phía Nhà nước.

Kết quả hoạt động của một số tổ công tác do Thủ tướng Chính phủ thành lập⁽¹⁴⁾ nhằm xử lý những vấn đề cấp bách chưa đạt kết quả như mong muốn. Điều này dẫn đến việc doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn, vướng mắc liên quan đến các thủ tục pháp lý, tiếp cận tín dụng, nhất là thủ tục

giao đất, cho thuê đất, xác định giá đất nên thị trường bất động sản còn gặp nhiều khó khăn.

2.6. Cơ cấu lại, sắp xếp lại, cổ phần hóa, thoái vốn doanh nghiệp nhà nước không đạt mục tiêu đề ra

Mặc dù khung khổ pháp lý để triển khai kế hoạch cơ cấu lại, sắp xếp lại, cổ phần hóa, thoái vốn DNNN giai đoạn 2021-2025 được ban hành⁽¹⁵⁾, nhưng chỉ có 10/19 tập đoàn, tổng công ty quy mô lớn, hoạt động trong những lĩnh vực then chốt⁽¹⁶⁾ được phê duyệt đề án cơ cấu lại trong năm 2023⁽¹⁷⁾. Việc xử lý các dự án, DNNN kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài⁽¹⁸⁾ tiếp tục không đạt được yêu cầu theo Nghị quyết 12-NQ/TW⁽¹⁹⁾ dù đã quá hạn 03 năm, mới có 8/12 dự án kém hiệu quả ngành công thương được giao cho doanh nghiệp chịu trách nhiệm xử lý, còn 4/12 dự án⁽²⁰⁾ vẫn trong giai đoạn trình phương án xử lý.

2.7. Tăng trưởng tín dụng chưa đạt mục tiêu đặt ra và ở mức thấp trong 10 tháng đầu năm

Tăng trưởng tín dụng đến ngày 31/12/2023 đạt 13,71%, thấp hơn cùng thời điểm năm 2022 với nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ các yếu tố như: (i) Tác động của cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh, tiêu dùng suy giảm; (ii) Một số nhóm khách hàng có nhu cầu nhưng chưa đáp ứng điều kiện vay vốn; (iii) Khả năng hấp thụ vốn của nhóm bất động sản ở mức thấp trong giai đoạn đầu năm; (iv) TCTD gặp khó khăn trong cho vay do không hạ

được chuẩn tín dụng để đảm bảo

(11) Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến của bộ, ngành đạt 30,4%; địa phương đạt 37,4%

(12) tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng DVCQG tại các bộ, ngành đạt 45,22%; các địa phương đạt 26,86%

(13) Chẳng hạn như việc sửa đổi các quy định trong Khoản 8, 9 và 10 Điều 8 Thông tư 06/2023/TT-NHNN liên quan đến hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp bất động sản.

(14) Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện dự án bất động sản cho các địa phương, doanh nghiệp (thành lập theo Quyết định 1435/QĐ-TTg); Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và thúc đẩy thực hiện dự án đầu tư tại các bộ, ngành và địa phương (thành lập theo Quyết định 1242/QĐ-TTg); Tổ công tác cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ (thành lập theo Quyết định 1010/QĐ-TTg)...

(15) Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022; Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022.

(16) Chẳng hạn như: Tập đoàn dầu khí Việt Nam; Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam; Tổng công ty Lương thực miền Bắc; Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;...

(17) <https://thuenhanuoc.vn/tapchi/chuyen-muc/tai-chinh-tien-te/041d-1c5c-d4e8-45f1-9a91-06cd0e22312c>

(18) Theo Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 29/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

(19) "Mục tiêu đến năm 2020: Tập trung xử lý dứt điểm các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, các dự án, công trình đầu tư của doanh nghiệp nhà nước kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài"



an toàn hệ thống dẫn đến tình trạng dư thừa vốn tại NHTM vẫn tiếp diễn.

2.8. Thị trường trái phiếu chưa phát triển như kỳ vọng

Phát hành trái phiếu trên thị trường sơ cấp đã bước đầu hồi phục, nhưng tốc độ chậm, với tổng giá trị phát hành đạt 311,2 nghìn tỷ đồng nhờ Nghị định 08/2023/NĐ-CP ngày 05/3/2023⁽²¹⁾ và hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ đi vào vận hành tháng 7/2023. Về cơ cấu phát hành, các tổ chức tín dụng tiếp tục là nhóm tổ chức phát hành chiếm tỷ trọng lớn nhất (tương đương 56,5% tổng giá trị phát hành), tiếp theo là nhóm các doanh nghiệp bất động sản (chiếm 23,5%). Tỷ lệ vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ trái phiếu tiếp tục xu hướng gia tăng, với nhóm phi ngân hàng chiếm hơn 20%⁽²²⁾ và chưa tính đến tổng giá trị TPDN được đàm phán lại để giãn, hoãn theo quy định của Nghị định 08. Trong đó, bất động sản là nhóm ngành có rủi ro cao hơn khi tỷ lệ vi phạm nghĩa vụ nợ ở mức 22,67%, tương đương với 95,6 nghìn tỷ đồng⁽²³⁾.

2.9. Tỷ lệ đô thị hoá khó đạt mục tiêu vào năm 2025

Tỷ lệ đô thị hoá ước tính giai đoạn 2021-2023 ở mức 38,5%, cao hơn giai đoạn 2016-2020 (36,8%), nhưng cách xa mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025 là 45%. Tốc độ đô thị hoá diễn ra chậm (7,5%), tập trung ở một số thành phố lớn và đô thị hóa chưa gắn kết chặt chẽ, đồng bộ với công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Số lượng đô thị tăng từ 862 vào cuối năm 2020 lên 902 vào cuối năm 2023.

3. Dự báo tăng trưởng năm 2024 và một số lưu ý về điều hành vĩ mô

Dựa trên phân tích về các động lực tăng trưởng, những thuận lợi và khó khăn, thách thức của nền kinh tế quốc tế và trong nước, Nhóm Nghiên cứu Ban Kinh tế Trung ương dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2024 đạt 5,5-6,0%. Để đạt được mức tăng trưởng này, việc điều hành kinh tế năm 2024 cần lưu ý một số vấn đề về điều hành kinh tế vĩ mô sau:

Thứ nhất, thực hiện chính

sách tài khóa mở rộng, có trọng tâm, trọng điểm, gắn với đẩy mạnh giải ngân đầu tư công; thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, nói lỏng thận trọng, tiếp tục giảm lãi suất, đảm bảo tăng trưởng tín dụng thực chất hơn và cần nhắc mở rộng tín dụng tín chấp đối với các doanh nghiệp.

Thứ hai, củng cố các động lực tăng trưởng cũ trên cơ sở ban hành, thực thi khuôn khổ chính sách, pháp luật để khuyến khích các thay đổi hành vi trong đầu tư, tiêu dùng, sản xuất, xuất khẩu. Theo đó: (i) Phát huy vai trò của đầu tư trong nước (đặc biệt là đầu tư công) là một trong những trụ cột quan trọng để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong dài hạn, trong đó cần tập trung hơn vào các lĩnh vực khoa học công nghệ, hạ tầng số, hạ tầng năng lượng để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong dài hạn. Ngoài ra, cần có chính sách hợp lý để

(20) gồm: Nhà máy Gang Thép Thái Nguyên - Tisco giai đoạn 2; dự án Nhà máy Thép Việt Trung; dự án Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp tàu thủy Dung Quất; Dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam.

(21) Sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

(22) Theo FiinGroup vào thời điểm 17/11/2023.

(23) Tính trên tổng số 422 nghìn tỷ đồng trái phiếu bất động sản đang lưu hành, bao gồm cả riêng lẻ và công chúng (nguồn: Báo cáo của FiinGroup).

khởi thông dòng vốn tư nhân vào những lĩnh vực được dẫn dắt bởi đầu tư công. (ii) Tiếp tục các giải pháp kích cầu; phát triển mạnh mẽ thị trường nội địa, thúc đẩy tiêu dùng trong nước, tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng. Thúc đẩy hình thành chuỗi giá trị trong nước nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế. (iii) Có kế hoạch thu hút đối với nhà đầu tư chiến lược lớn theo hướng không ưu đãi theo diện rộng, dần trải đến các phân ngành công nghiệp, mà tập trung vào các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên theo Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của BCH Trung ương khóa XIII. (iv) Tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại đến các thị trường xuất khẩu, hỗ trợ hàng hóa trong nước tiếp cận mạng lưới hệ thống bán lẻ tại nước ngoài.

Thứ ba, có biện pháp thúc đẩy, khai thác hiệu quả những động lực tăng trưởng mới, đặc biệt là các động lực như phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế ban đêm. Thực hiện các chính sách ưu đãi đủ mạnh để phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, các mô hình

kinh doanh mới. Khẩn trương ban hành khung pháp luật cho phát triển sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh, xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn quốc gia về sản xuất thông minh; đẩy nhanh hoàn thiện các tiêu chuẩn, định mức kinh tế-kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực sát với thực tiễn, tiệm cận với chuẩn mực quốc tế.

Thứ tư, mạnh dạn triển khai thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù cho các vùng, địa phương khi cần thiết để phát triển kinh tế theo tinh thần nêu tại Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 17/11/2022, tương tự cơ chế đặc thù về quản lý đầu tư, tài chính, ngân sách, quản lý đô thị... đối với Thành phố Hồ Chí Minh nêu tại Nghị quyết số 98/2023/QH15.

Thứ năm, thực hiện thí điểm, cơ chế, chính sách mới, đặc thù về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại một số địa phương, trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp được giao nghiên cứu về công nghệ lõi, công nghệ nguồn; triển khai các dự án đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm chiến lược, sản phẩm trọng điểm quốc gia.

Thứ sáu, đẩy nhanh xây dựng đề án phát triển doanh nghiệp dân tộc; phát huy vai trò của

doanh nghiệp trong nước, tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các nguồn lực như vốn, tín dụng, đất đai để tiến hành sản xuất kinh doanh.

Thứ bảy, khởi thông nguồn vốn cho nền kinh tế, trọng tâm là thực hiện nâng hạng thị trường cổ phiếu từ cận biên lên mới nổi; tiếp tục cải cách, nâng cao tính minh bạch thị trường trái phiếu; ban hành nghị định mới thay thế Nghị định 24/2012/NĐ-CP về quản lý thị trường vàng.

Kết luận

Mặc dù đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ trong năm 2023 về tốc độ tăng trưởng kinh tế, đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu, nền kinh tế Việt Nam vẫn phải đối mặt với những khó khăn, tồn tại nhất định. Bằng cách tập trung vào ổn định kinh tế vĩ mô, cải thiện môi trường kinh doanh, làm mới các động lực tăng trưởng cũ, thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, mạnh dạn thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù, các giải pháp này không chỉ giúp tăng cường sức cạnh tranh của nền kinh tế mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo của Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội năm 2023 tại các phiên họp thường kỳ.
2. Ngân hàng Phát triển Châu Á (2023). *Triển vọng Phát triển Châu Á (ADO)*. Tháng 12/2023
3. Ngân hàng Thế giới (2023). *Đề đầu tư công thúc đẩy tăng trưởng*. Tháng 8/2023.
4. Ngân hàng Thế giới (2023). *Các báo cáo cập nhật kinh tế vĩ mô hàng quý*.
5. Báo cáo tình hình kinh tế vĩ mô hàng quý của: Tổng Cục Thống kê, Viện Đào tạo và nghiên cứu BIDV...



ƯU TIÊN TĂNG TRƯỞNG GẮN VỚI ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, KIỂM SOÁT LẠM PHÁT, BẢO ĐẢM CÁC CÂN ĐỐI LỚN CỦA NỀN KINH TẾ TRONG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

● TRẦN QUỐC PHƯƠNG(*)

1. Bối cảnh, tình hình và yêu cầu thúc đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế năm 2024

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) năm 2024 được xây dựng và thực hiện trong bối cảnh thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, tiềm ẩn nhiều rủi ro tác động

đến triển vọng tăng trưởng và ổn định toàn cầu và khu vực. Nhiều nền kinh tế lớn dự báo tăng trưởng chậm lại, thậm chí đã rơi vào suy thoái như Anh, Nhật Bản...; kinh tế Trung Quốc đối mặt với rủi ro giảm phát và suy giảm tăng trưởng trong trung hạn. Xu hướng

phân mảnh địa kinh tế toàn cầu diễn ra nhanh hơn; căng thẳng địa chính trị gia tăng, xung đột tại Biển Đỏ, dải Gaza tiếp tục leo thang, đe dọa an toàn hàng hải trong khu vực, chuỗi cung ứng hàng hóa, dầu thô, an ninh năng lượng toàn cầu. Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí

(*) Thạc sỹ, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

hậu ngày càng khó lường, hậu quả nặng nề hơn.

Khoa học công nghệ, kinh tế số, trí tuệ nhân tạo (AI) tiếp tục phát triển mạnh mẽ, là cơ hội nhưng cũng là thách thức lớn đối với các nước đang phát triển để bắt kịp với các xu thế lớn, thu hẹp khoảng cách phát triển với thế giới và khu vực.

Trong nước, nước ta tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng, khá toàn diện trong năm 2023 và từ năm 2020 đến nay, trong đó có những thành tựu nổi bật về đối ngoại, ngoại giao kinh tế, thu hút FDI, quy hoạch... từng bước giải quyết những tồn tại, hạn chế của nền kinh tế trong ngắn hạn, đồng thời hình thành nền tảng quan trọng cho phát triển đất nước trong trung và dài hạn.

Tuy nhiên, khó khăn, thách thức còn rất lớn, đến từ cả bên ngoài và nội tại bên trong nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế năm 2023 đạt 5,05%, là mức cao thuộc nhóm đầu thế giới và khu vực, nhưng vẫn thấp hơn mục tiêu đề ra (6,5%); tăng trưởng bình quân 03 năm 2021-2023 chỉ đạt 5,2%, tạo thách thức, áp lực rất lớn lên mục tiêu tăng trưởng bình quân 5 năm (6,5-7%). Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu đặt ra; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân 03 năm 2021-2025 chỉ đạt 4,4% (mục tiêu 5 năm khoảng 6,5%). Cùng với đó, là nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn, thách thức già hóa dân số, không tận dụng hết thời cơ “dân

số vàng”, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế thế giới hiện nay. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, hạn hán, bão lũ, sạt lở tiếp tục diễn biến bất thường, ảnh hưởng nặng nề hơn...

Nền kinh tế có những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn; trong khi năm 2024 là năm tăng tốc, bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025.

Năm 2024, bối cảnh, tình hình quốc tế dự báo tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, bao gồm cả các yếu tố thuận lợi và khó khăn.

Bối cảnh đó đặt ra yêu cầu phải thúc đẩy mạnh các động lực tăng trưởng về đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu gắn với cải cách mạnh mẽ các yếu tố nền tảng về thể chế, hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực, khoa học công nghệ..., nâng cao năng lực nội tại, tính tự chủ của nền kinh tế để đạt được tốc độ tăng trưởng cao trong cả ngắn hạn, trung và dài hạn, hướng tới thực hiện đạt kết quả cao nhất các mục tiêu phát triển 05 năm, 10 năm đã đặt ra. Bên cạnh đó, cần theo dõi sát diễn biến, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, tăng cường năng lực phân tích, dự báo để có chính sách, giải pháp kịp thời, từ sớm, từ xa khắc phục các khó khăn, tận dụng các thời cơ, cơ hội.

Trên cơ sở đánh giá, dự báo tình hình thế giới, trong nước, kết quả phát triển KTXH năm

2023, yêu cầu thực hiện Kế hoạch 05 năm 2021-2025, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu, báo cáo Chính phủ trình Ban Chấp hành Trung ương, Quốc hội quyết nghị mục tiêu tăng trưởng năm 2024 là 6-6,5.

2. Định hướng ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn trong Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024

Nghị quyết số 103/2023/QH15 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển KTXH năm 2024 xác định các định hướng lớn trong thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn là:

(1) Tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu, bám sát định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

(2) Nắm chắc tình hình, phản ứng chính sách kịp thời, phù hợp; phối hợp đồng bộ, hài hòa, linh hoạt, chặt chẽ các chính sách kinh tế vĩ mô, trong đó tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, cân đối hài hòa giữa việc giảm lãi suất và ổn định tỷ giá, thực hiện chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, nỗ lực giải quyết các điểm nghẽn, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, tăng trưởng kinh tế.

(3) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN, kiểm soát chặt chẽ bội chi, nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia trong giới hạn cho phép; đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

(4) Phát triển mạnh thị trường trong nước; thúc đẩy xuất khẩu gắn với đa dạng hóa chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu, phấn đấu thặng dư thương mại bền vững.

Trên cơ sở đó, Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ đã xác định các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để thúc đẩy mạnh tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Trong đó, nhấn mạnh một số nhiệm vụ, giải pháp sau đây:

Một là, thúc đẩy mạnh mẽ và làm mới các động lực tăng trưởng về đầu tư, tiêu dùng và xuất khẩu.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2024, đặc biệt là các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, đường cao tốc, liên vùng, ven biển và các chương trình mục tiêu quốc gia; phấn đấu giải ngân trên 95% kế hoạch được giao; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án và giải ngân vốn đầu tư công; kiên quyết không đầu tư dàn trải, loại bỏ những dự án không thật sự cần thiết, điều chuyển vốn các dự án không giải ngân được sang các dự án có khả năng giải ngân, không để lãng

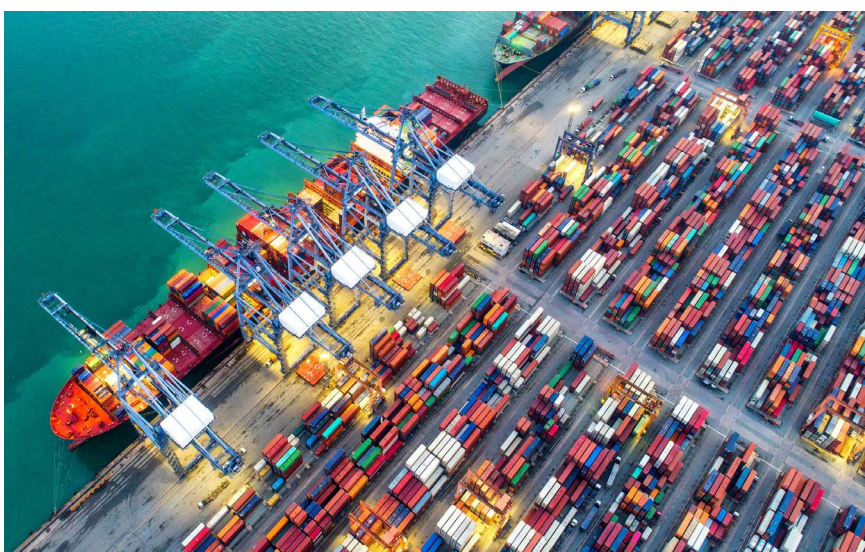
phí, kém hiệu quả. Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết về mặt bằng, mỏ vật liệu, nhân công... để thực hiện ngay sau khi được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn.

Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án hạ tầng quy mô lớn, đặc biệt là trong công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất rừng, đất lúa, bảo đảm nguồn cung và kiểm soát giá nguyên vật liệu, kịp thời rà soát điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất để phù hợp với mục tiêu phát triển. Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách và giải pháp thiết thực, hiệu quả; đẩy mạnh phát triển các dự án kết cấu hạ tầng theo phương thức đối tác công tư; nghiên cứu xây dựng và ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường cao tốc. Chủ động xây dựng, báo cáo cấp có thẩm quyền về việc ban hành cơ chế đặc thù hoặc bổ sung nguồn lực để thực hiện các công trình trọng điểm quốc gia trong trường hợp cần thiết.

Tiếp tục theo dõi diễn biến thị trường vật liệu xây dựng, bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường, đặc biệt là các vật liệu chủ yếu; có các giải pháp đồng bộ bảo đảm vật liệu xây dựng (cát, đất đắp nền) cho các công trình hạ tầng, nhất là các công trình trọng điểm ngành giao thông; rà soát, đề xuất các giải pháp quản lý việc đầu tư phát triển các sản phẩm vật liệu xây dựng. Rà soát lại các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong lĩnh vực vật liệu xây dựng để bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Tăng cường xúc tiến, thu hút dự án FDI có quy mô lớn, công nghệ cao, nhất là trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử, bán dẫn, Hydrogen... Phát huy cao nhất hiệu quả nguồn lực của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước để đầu tư các dự án lớn trong các ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính. Tiếp tục tập trung xử lý các dự án, doanh nghiệp thua lỗ, kém hiệu quả.

- Tiếp tục triển khai quyết liệt các giải pháp để thúc đẩy tăng



trường tín dụng hợp lý, tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp, người dân. Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy phát triển thị trường bất động sản theo Nghị quyết số 33/NQ-CP, phấn đấu hoàn thành khoảng 130 nghìn căn hộ nhà ở xã hội trong năm 2024.

- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại; tiếp tục đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, sản phẩm, chuỗi cung ứng; củng cố và mở rộng thị phần hàng hóa Việt Nam tại các thị trường truyền thống; tạo bước đột phá mở rộng các thị trường xuất khẩu mới có tiềm năng; ưu tiên khai thác và tận dụng tối đa các cơ hội từ các thị trường xuất khẩu trọng điểm, chiến lược. Đẩy mạnh đàm phán, ký kết các Hiệp định, cam kết, liên kết thương mại mới; hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng hiệu quả các cam kết trong các FTA đã ký kết, đặc biệt là CPTPP, EVFTA, UKVFTA... Chủ động tháo gỡ khó khăn nhằm đẩy nhanh thông quan hàng hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động xuất nhập khẩu tại khu vực cửa khẩu, đặc biệt là đối với các mặt hàng nông sản, thủy sản có tính chất thời vụ; chuyển nhanh, chuyển mạnh sang xuất khẩu chính ngạch. Kịp thời thông báo, tuyên truyền nâng cao nhận thức của các nhà sản xuất, xuất khẩu về các loại rào cản của các thị trường nhập khẩu, nhất là các yêu cầu mới đối với việc “xanh hóa” sản xuất.

Đa dạng hóa thị trường nhập khẩu, đặc biệt là thị trường nhập khẩu nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất; từng bước cải thiện cán cân thương mại với các thị

trường Việt Nam nhập siêu theo hướng cân bằng hơn. Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng hàng nhập khẩu; khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về kiểm tra chuyên ngành, đảm bảo phù hợp với thông lệ quốc tế để rút ngắn thời gian thông quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Đẩy mạnh phát triển thị trường nội địa. Theo dõi sát tình hình thị trường, thực hiện các biện pháp bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa; kịp thời triển khai các giải pháp kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy thương mại trong nước. Thực hiện tốt công tác chống gian lận xuất xứ hàng hóa, phòng vệ thương mại; tăng cường quản lý thị trường, kiểm tra, kiểm soát thị trường có trọng tâm, hiệu lực, hiệu quả, nhất là các lĩnh vực, mặt hàng thiết yếu, tác động lớn đến KTXH, sản xuất trong nước và quyền lợi người tiêu dùng; đấu tranh, xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, đầu cơ, thao túng, tăng giá bất hợp lý.

- Đổi mới về nội dung và phương thức quảng bá, xúc tiến du lịch. Tổ chức các chương trình giới thiệu du lịch Việt Nam, kích cầu du lịch để thu hút du lịch quốc tế; đa dạng hóa việc khai thác các thị trường khách du lịch quốc tế. Tăng cường truyền thông, cung cấp đầy đủ thông tin về chính sách mở cửa, yêu cầu đối với khách quốc tế đến Việt Nam.

Hai là, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế.

- Nắm chắc và theo dõi sát diễn biến tình hình kinh tế, giá cả, lạm phát thế giới, khu vực, tăng cường năng lực phân tích dự báo, nắm chắc tình hình, đánh giá kỹ tác động có phản ứng chính sách kịp thời, phù hợp, hiệu quả với diễn biến, tình hình thực tế, các vấn đề mới phát sinh, bảo đảm các cân đối lớn, nhất là về lương thực, năng lượng... Sẵn sàng phương án sản xuất, cung ứng điện, không để xảy ra tình trạng thiếu điện, cắt điện cục bộ, nhất là khi năm 2024 tiếp tục được dự báo bị tác động mạnh bởi El Nino.

- Chủ động tính toán, chuẩn bị các phương án giá, lộ trình điều chỉnh giá các mặt hàng do nhà nước định giá, các dịch vụ công, tránh điều hành giật cục, bị động, chủ động điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - NSNN; quản lý thu NSNN chặt chẽ, chống thất thu, quyết liệt thu hồi nợ đọng thuế; bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, khai thác tối đa nguồn thu còn dư địa và có giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu hiệu quả, bền vững, phấn đấu thu NSNN năm 2024 vượt ít nhất 5% dự toán; triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên, năm 2024 cắt giảm, tiết kiệm 5% ngay từ đầu năm dự toán chi thường xuyên so với dự toán được giao; kiểm soát bội chi, nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia trong giới hạn cho phép; thực hiện hiệu quả việc mua lại, hoán đổi, thanh toán trái phiếu Chính

phủ; chi trả kịp thời các nghĩa vụ nợ của NSNN.

Ba là, khai thác tối đa thời cơ, cơ hội, thuận lợi mới từ những thành tựu đối ngoại, ngoại giao kinh tế của đất nước nhằm thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới trong trung và dài hạn của kinh tế số, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn...

- Khẩn trương xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư, Đề án Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế, Đề án phát triển nhân lực cho ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030 để thu hút, đón đầu dòng vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp nước ngoài.

- Hoàn thành và trình phê duyệt 05 quy hoạch vùng trong quý I năm 2024; triển khai kịp thời, hiệu quả các quy hoạch đã ban hành.

- Tập trung nghiên cứu đổi mới công tác điều hành tăng trưởng tín dụng; đẩy mạnh xử lý nợ xấu; bảo đảm tiến độ xử lý các

ngân hàng yếu kém, ngân hàng thuộc diện kiểm soát đặc biệt. Qua đó, nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, sự ổn định, an toàn của hệ thống ngân hàng, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu cung ứng vốn tín dụng của nền kinh tế, các ngành, lĩnh vực ưu tiên; thực tiễn phát triển, hội nhập quốc tế và xây dựng trung tâm tài chính quốc tế, khu vực đặt ra.

- Nghiên cứu, tham mưu đổi mới tổng thể chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phù hợp với lợi thế cạnh tranh của nước ta, sự dịch chuyển dòng vốn đầu tư, bối cảnh thuế tối thiểu toàn cầu và xu hướng chính sách mới trong thu hút đầu tư của các quốc gia.

- Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ thị trường cận biên lên thị trường mới nổi trong thời gian sớm nhất, nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài, các quỹ đầu tư tổ chức.

- Khẩn trương nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban

hành cơ chế, chính sách đột phá nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn trong thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm, công nghiệp nền tảng và công nghệ mới nổi (chip bán dẫn...).

Bốn là, đẩy mạnh hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật, cải cách hành chính, cắt giảm thủ tục hành chính. Khẩn trương xây dựng, ban hành đồng bộ, đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành các Luật đã được Quốc hội thông qua, nhất là Luật Đất đai (sửa đổi), Luật các Tổ chức tín dụng (sửa đổi), Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Nhà ở, Luật giao dịch điện tử...

Tập trung rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, không để phát sinh thủ tục, quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật mới không cần thiết, không phù hợp, thiếu tính khả thi.

Tiếp tục tích cực rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để phục hồi và phát triển ổn định, lành mạnh, bền vững các loại thị trường, nhất là thị trường trái phiếu doanh nghiệp, quyền sử dụng đất, bất động sản, lao động, khoa học công nghệ, năng lượng... góp phần nâng cao hiệu quả huy động, sử dụng các nguồn lực cho sản xuất kinh doanh.

Cuối cùng, tăng cường thông tin, tuyên truyền, nhất là công tác truyền thông chính sách, nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội ■





HỆ THỐNG NGÂN HÀNG ĐỒNG HÀNH CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHO NĂM 2024

● ĐÀO MINH TÚ(*)

Năm 2023 là năm bản lề, có ý nghĩa rất quan trọng trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Năm qua, mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sáng suốt của Đảng, Nhà nước, Chính phủ cùng sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và toàn dân, đất nước ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Những kết quả này có sự đóng góp không nhỏ của ngành Ngân hàng thông qua những nỗ lực, quyết tâm thực hiện các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế và đảm bảo sự phát triển an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng. Trong bối cảnh dự báo tình hình kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục còn nhiều khó khăn, thách thức,

(*) Tiến sỹ, Phó Thống đốc thường trực NHNN Việt Nam

ngành Ngân hàng sẽ tiếp tục nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm 2024 và cả giai đoạn 2021-2025.

1. Ngành Ngân hàng đồng hành cùng sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong năm 2023

Hệ thống Ngân hàng có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trên khía cạnh kinh tế, hệ thống ngân hàng đóng vai trò huyết mạch của nền kinh tế; là kênh dẫn vốn chủ yếu phục vụ sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, nâng cao đời sống nhân dân. Trên khía cạnh xã hội, hoạt động ngân hàng mang tính đại chúng rất cao, gắn trực tiếp với người dân, doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế, đồng thời cũng rất nhạy cảm, dễ tác động tới tâm lý người dân và các vấn đề xã hội. Vì vậy, việc điều hành hệ thống ngân hàng hoạt động lành mạnh, an toàn, bền vững là nhiệm vụ trọng yếu và xuyên suốt nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói riêng và Chiến lược tổng thể phát triển Việt Nam nói chung.

Năm 2023, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm, lạm phát cao, thương mại toàn cầu sụt giảm, giá cả hàng hóa cơ bản biến động mạnh, xung đột địa chính trị, chính sách an ninh lương thực thắt chặt. Trong nước, nền kinh tế chịu tác động tiêu cực từ quốc tế song song với những vấn đề nội tại. Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt,

sáng suốt của Đảng, Nhà nước, Chính phủ cùng sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và toàn dân, đất nước ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng với những dấu ấn nổi bật như: là điểm sáng của kinh tế toàn cầu với nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đạt và vượt kế hoạch đề ra; các ngành, lĩnh vực mới nổi như khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số... được tập trung thúc đẩy; công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách được chú trọng xứng tầm đột phá chiến lược; công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế diễn ra sôi động và thành công toàn diện; công tác xử lý, tháo gỡ khó khăn, khơi thông nguồn lực được quyết liệt triển khai;...

Trong những thành tựu đó có sự đóng góp tích cực và quan trọng của ngành Ngân hàng với những nỗ lực, quyết tâm cao. Cụ thể là:

Góp phần hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội

Năm 2023, Việt Nam được nhiều tổ chức quốc tế uy tín ghi nhận là quốc gia đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong phát triển kinh tế - xã hội với những dấu ấn gắn liền với công tác điều hành CSTT và tín dụng. Trên cơ sở phân tích, đánh giá những khó khăn, thách thức phải đối mặt, NHNN đã điều hành CSTT chắc chắn, chủ động, linh hoạt, hiệu quả, phối hợp đồng bộ,

chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế hợp lý. Trong đó: (i) Điều hành nghiệp vụ thị trường mở linh hoạt để hỗ trợ thanh khoản cho các tổ chức tín dụng (TCTD), góp phần ổn định thị trường tiền tệ và thực hiện mục tiêu CSTT; (ii) Điều hành giảm lãi suất⁽¹⁾, tạo điều kiện để giảm mặt bằng lãi suất cho vay của thị trường⁽²⁾, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế; (iii) Tiếp tục điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với tình hình thị trường trong và ngoài nước, can thiệp linh hoạt nhằm ổn định thị trường ngoại tệ; (iv) Theo dõi sát diễn biến thị trường

(1) Cụ thể: (i) Liên tục điều chỉnh giảm 04 lần các mức lãi suất điều hành với tổng mức giảm từ 0,5-2,0%/năm trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao; (ii) Chỉ đạo các TCTD tiếp tục tiết giảm chi phí để giảm mặt bằng lãi suất cho vay; (iii) Có công văn yêu cầu các TCTD tiếp tục triển khai các biện pháp để giảm mặt bằng lãi suất, nhất là đối với các khoản cho vay đang còn dư nợ hiện hữu và các khoản cho vay mới (phần đầu mức giảm lãi suất tối thiểu từ 1,5-2%/năm); phối hợp với Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam kêu gọi các tổ chức hội viên tiếp tục giảm lãi suất cho vay, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân phục hồi sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

(2) Lãi suất tiền gửi và cho vay mới của các NHTM giảm khoảng 2,5%/năm so với cuối năm 2022.



vàng và chuẩn bị sẵn sàng các giải pháp can thiệp thị trường để triển khai khi cần thiết; (v) Phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành về điều hành CSTT, thực hiện tốt vai trò thành viên Tổ điều hành thị trường trong nước nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho Bộ Tài chính phát hành trái phiếu Chính phủ với lãi suất rất thấp, giảm áp lực về chi phí lãi vay cho ngân sách nhà nước.

Nhiều giải pháp, chính sách, chương trình tín dụng đã được NHNN triển khai đồng bộ, quyết liệt, tập trung mọi nguồn lực để đảm bảo cung ứng đủ vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân. Ngay từ đầu năm, NHNN đã thông báo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cho các TCTD và chỉ đạo các TCTD hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế theo chủ trương của Chính phủ, đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi

ro; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng. Đến tháng 7/2023, nhằm đẩy mạnh cung ứng thêm vốn cho nền kinh tế qua đó góp phần tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, NHNN đã điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2023 cho các TCTD với mức giao toàn hệ thống bằng chỉ tiêu định hướng đề ra từ đầu năm 2023. Trong quá trình triển khai, NHNN đã linh hoạt điều hòa chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng từ TCTD không sử dụng hết chỉ tiêu sang các TCTD cần tăng thêm chỉ tiêu nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn của nền kinh tế.

Kết quả, điều hành CSTT và tín dụng đã góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cả năm đạt khoảng 5% - mức tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Lạm phát bình quân năm 2023 được kiểm soát ở mức 3,25%, thấp hơn mục tiêu 4,5% do Quốc hội và Chính phủ đề ra. Dự trữ ngoại hối nhà nước gia tăng, thị trường tiền tệ, ngoại hối được giữ ổn định và hạn chế được các biến động lớn

trong ngắn hạn của tỷ giá. Đồng Việt Nam mất giá khoảng 2,89% so với USD; tương đối ổn định so với các đồng tiền khác trong khu vực, góp phần tiếp tục xây dựng môi trường đầu tư ổn định, hấp dẫn, tạo niềm tin cho nhà đầu tư nước ngoài. Trên cơ sở kết quả này, tổ chức Fitch Ratings đã nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam lên mức BB+ (từ mức BB), với triển vọng “Ổn định”. Giá trị thương hiệu quốc gia Việt Nam đạt 431 tỷ USD, tăng 1 bậc lên thứ 32/100 thương hiệu quốc gia mạnh trên thế giới.

Góp phần thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Năm 2023 ghi những dấu ấn mới trong cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển những ngành, lĩnh vực mới nổi, thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Chuyển đổi số quốc gia được tích cực thúc đẩy, ước cả năm 2023 tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 15% GDP. Là một trong những lĩnh vực tiên phong trong chuyển đổi số, ngành Ngân hàng đã chú trọng thực hiện chuyển đổi số toàn diện trên nhiều mặt. Theo đó, NHNN tiếp tục tổ chức triển khai tích cực các Đề án, Chương trình, Kế hoạch, chính sách nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số ngành Ngân hàng⁽³⁾. NHNN cũng đã ban hành Thông tư cho phép các ngân hàng cho vay, bảo lãnh bằng phương thức điện tử (eKYC)⁽⁴⁾ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ mới, thúc đẩy chuyển đổi số nhưng vẫn đảm bảo an ninh,

an toàn.

Các hạ tầng dùng chung như Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, Hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử, Hệ thống thông tin tín dụng quốc gia... thường xuyên được NHNN tổ chức vận hành, đầu tư, nâng cấp, bổ sung tiện ích, dịch vụ theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, áp dụng tiêu chuẩn quốc tế để nâng cao hiệu quả hoạt động, chất lượng dịch vụ. Hệ sinh thái số, thanh toán số đã được thiết lập kết nối giữa dịch vụ ngân hàng với nhiều dịch vụ khác, nhiều nghiệp vụ cơ bản đã được số hóa hoàn toàn 100%⁽⁵⁾, nhiều ngân hàng Việt Nam có tỷ lệ trên 90% giao dịch khách hàng thực hiện trên kênh số. Các công nghệ của cách mạng công nghệ 4.0⁽⁶⁾ được các ngân hàng Việt Nam ứng dụng mạnh mẽ và rộng rãi vào các dịch vụ ngân hàng cốt lõi như thanh toán, tín dụng, nhận tiền gửi.

NHNN đã ban hành các Kế hoạch, Chỉ thị triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Đề án 06⁽⁷⁾; tích cực chỉ đạo các TCTD, trung gian thanh toán ứng dụng dữ liệu quốc gia về dân cư, thẻ căn cước công dân gắn chip, tài khoản định danh điện tử (VNeID) phục vụ dịch vụ công, nghiệp vụ thông tin tín dụng và các nghiệp vụ ngân hàng.

Đối với hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM), khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách cho hoạt động TTKDTM tiếp tục được rà soát, bổ sung, hoàn thiện, tạo sự đồng bộ và điều kiện thuận lợi cho phát triển TTKDTM, ứng

dụng công nghệ mới và đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán⁽⁸⁾. Hạ tầng mạng lưới thanh toán tiếp tục được đầu tư, phát triển. Các hệ thống thanh toán quan trọng⁽⁹⁾ được vận hành ổn định, thông suốt và an toàn; hệ thống ATM, POS kết nối liên thông và phân bố đến tất cả các huyện, tỉnh trên toàn quốc. Thanh toán dịch vụ công tiếp tục được NHNN chỉ đạo các ngân hàng thương mại (NHTM), các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, các doanh nghiệp thí điểm dịch vụ Mobile-Money chú trọng mở rộng, triển khai rộng rãi, đặc biệt trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, an sinh xã hội, thu ngân sách nhà nước...

Kết quả, các chỉ số TTKDTM tăng trưởng khả quan; năm 2023, số lượng giao dịch TTKDTM tăng từ 50,3-99,1%, giá trị tăng từ 5,4-10,8% tùy phương thức thanh toán; các hệ thống thanh toán được vận hành ổn định, thông suốt và an toàn. Nhiều sản phẩm, dịch vụ cung ứng cho khách hàng đã được số hóa (trong đó nhiều nghiệp vụ đã số hóa 100%) góp phần hỗ trợ khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng, giảm chi phí cho nền kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Góp phần xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách

Năm 2023, công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, cơ chế, chính sách của nước ta được chú trọng với nhiều đổi mới trong chỉ đạo, cách làm. Quán triệt tinh thần đó, NHNN tiếp

tục tập trung hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách, kịp thời trình cấp có thẩm quyền/ban hành các văn bản quy phạm pháp luật⁽¹⁰⁾ phù hợp với thực tiễn và từng bước áp dụng chuẩn

(3) Kế hoạch Chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch của ngành Ngân hàng triển khai Quyết định 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030,...

(4) Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023.

(5) Như tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi có kỳ hạn; mở và sử dụng tài khoản thanh toán; thẻ ngân hàng; ví điện tử; chuyển tiền; quản lý nhân sự; kế toán – tài chính...

(6) Như trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa quy trình bằng Rô-bốt (Robotic Process Automation), công nghệ chuỗi khối (Blockchain Technology)...

(7) Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

(8) NHNN đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 101/2012/NĐ-CP về TTKDTM; dự thảo Nghị định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng.

(9) Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH), Hệ thống thanh toán ngoại tệ; Hệ thống thanh toán tiền giao dịch chứng khoán; hệ thống chuyển mạch tài chính và bù trừ điện tử (CMTC&BTĐT); Hệ thống bù trừ, chuyển mạch giao dịch tài chính.



mục quốc tế. Đặc biệt, năm 2023, NHNN đã tập trung xây dựng dự thảo Luật các TCTD (sửa đổi) với mục tiêu hoàn thiện cơ chế cơ cấu lại TCTD yếu kém; nâng cao năng lực quản trị, điều hành của TCTD, tăng cường các biện pháp để hạn chế thao túng, chi phối trong hoạt động của TCTD, ngăn ngừa nguy cơ tập trung tín dụng, đảm bảo an toàn trong hoạt động của TCTD. Ngày 18/1/2024, dự án Luật các TCTD (sửa đổi) đã được Quốc hội chính thức thông qua. Hệ thống pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng tiếp tục được chú trọng hoàn thiện, vừa bảo đảm hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn, vừa bám sát yêu cầu thực tiễn, đáp ứng kịp với xu thế và chuẩn mực, thông lệ quốc tế.

Công tác cải cách hành chính (CCHC) tiếp tục được NHNN đẩy mạnh triển khai bám sát chỉ đạo của Chính phủ. Năm 2023, NHNN đã ban hành và triển khai các kế hoạch về CCHC; kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC); xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản

hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh⁽¹¹⁾. Cơ chế một cửa của NHNN tiếp tục được đổi mới, hiện đại hóa; đẩy mạnh số hóa, điện tử hóa quy trình, các thành phần hồ sơ, văn bản hình thành trong quá trình giải quyết TTHC và kết quả giải quyết TTHC. Theo kết quả công bố Chỉ số CCHC (Par Index) năm 2022 của Bộ Nội vụ, NHNN đứng thứ nhất về chỉ số Par Index và là lần thứ 7 dẫn đầu các Bộ về chỉ số này.

Góp phần vào sự thành công của công tác đối ngoại và hội nhập

Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam trong năm 2023 được triển khai sôi động, bài bản, liên tục và thành công toàn diện. Để đóng góp vào thành công này, NHNN đã tiếp tục tập trung thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ Việt Nam tại các tổ chức quốc tế, duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế, đẩy mạnh huy động các nguồn lực tài chính và kỹ thuật cho Việt Nam, tăng cường hợp tác với các cơ quan quản lý tiền

tệ và NHTW các nước, tham gia sâu vào các hiệp định thương mại tự do trong lĩnh vực ngân hàng, góp phần đẩy mạnh quá trình hội nhập khu vực và quốc tế, tăng cường vị thế của NHNN và Việt Nam trên trường quốc tế. Cụ thể, NHNN đã (i) Huy động/ triển khai các chương trình, dự án, hỗ trợ tư vấn, kỹ thuật của các đối tác quốc tế cho Việt Nam và ngành Ngân hàng nhằm huy động các nguồn lực hỗ trợ Chính phủ thực hiện các mục tiêu ưu tiên phát triển kinh tế-xã hội; (ii) Triển khai công tác hội nhập kinh tế quốc tế ngành Ngân hàng thông qua đàm phán, ký kết các FTA thế hệ mới, các thỏa thuận quốc tế; qua đó duy trì mức mở cửa thị trường hợp lý và tiếp tục phát triển môi trường kinh doanh lành mạnh cho các nhà đầu tư nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng trong nước.

Góp phần tháo gỡ khó khăn, khơi thông nguồn lực

Năm qua, Chính phủ đã tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương tập trung rà soát, phát hiện, xử lý kịp thời những bất cập, khó khăn, vướng mắc nhằm khơi thông nguồn lực, hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng. Đồng thời, Chính phủ cũng chỉ đạo tập trung xử lý, tháo gỡ những khó khăn, hạn chế, bất cập nhằm phát triển các thị

(10) 03 Nghị định, 01 Quyết định và 23 Thông tư.

(11) NHNN đã trình ban hành/ban hành 02 Nghị định và 07 thông tư, cắt giảm, đơn giản hóa 33 TTHC.

trường đồng bộ, an toàn, lành mạnh, bền vững, trong đó có thị trường tiền tệ.

Quản trị chỉ đạo của Chính phủ, NHNN đã triển khai quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn tín dụng, tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp, cụ thể như: (i) Rà soát, hoàn thiện thể chế pháp luật trong hoạt động cấp tín dụng nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của các TCTD, đáp ứng nhu cầu vay vốn của người dân, doanh nghiệp⁽¹²⁾; (ii) Ban hành chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ (Thông tư 02/2023/TT-NHNN) nhằm tạo điều kiện cho khách hàng được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, kéo dài thời gian trả nợ mà không bị chuyển nhóm nợ xấu, được tiếp cận các khoản vay mới phục vụ sản xuất kinh doanh, tiêu dùng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế⁽¹³⁾; (iii) Tổ chức hàng trăm chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp tại 63 tỉnh, thành phố; các Hội nghị tín dụng chuyên đề (lĩnh vực bất động sản, doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, nông sản xuất khẩu chủ lực,...) nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng; (iv) Chỉ đạo các TCTD triển khai một số chương trình tín dụng kịp thời đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh, phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng chính đáng của người dân, doanh nghiệp⁽¹⁴⁾; (v) Chỉ đạo các TCTD đơn giản hóa quy trình, thủ tục cho vay; rà soát để cắt, giảm các loại phí, lệ phí không cần thiết. Ngoài ra,

các chương trình, chính sách tín dụng như Chương trình Hỗ trợ lãi suất theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP, các chương trình tín dụng chính sách tại Ngân hàng Chính sách xã hội, các Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi cũng được tích cực triển khai, góp phần tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Song song với đó, nhằm khơi thông dòng vốn tín dụng, hỗ trợ thúc đẩy phát triển kinh tế của đất nước, NHNN tiếp tục triển khai đồng bộ, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng, ngăn ngừa, hạn chế nợ xấu mới phát sinh⁽¹⁵⁾. Đồng thời, NHNN đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình nợ xấu, xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD, trong đó có đánh giá thực trạng nợ xấu, xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD và các giải pháp, biện pháp nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng.

Để đảm bảo thanh khoản thông suốt, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống các TCTD, NHNN đã triển khai chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về việc cơ cấu lại, xử lý các TCTD yếu kém, bảo đảm ổn định tình hình hoạt động và hỗ trợ các TCTD này từng bước phục hồi. NHNN cũng tích cực đổi mới, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng, góp phần bảo đảm an ninh, kỷ luật trên thị trường tiền tệ, ngân

(12) Trong đó: (i) Chủ trì xây dựng dự thảo Luật Các TCTD (sửa đổi) theo hướng: Bỏ quy định về áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi cấp tín dụng; Đơn giản hóa thủ tục các khoản cho vay tiêu dùng, cho vay nhỏ lẻ phục vụ đời sống; Sửa đổi, bổ sung quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng, thực hiện các hoạt động kinh doanh ngân hàng bao gồm hoạt động cấp tín dụng bằng phương tiện điện tử; (ii) Ban hành Thông tư 03/2023/TT-NHNN; 06/2023/TT-NHNN, 10/2023/TT-NHNN để tháo gỡ tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường bất động sản, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng tiếp cận vốn vay, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

(13) Lũy kế đến thời điểm 30/11/2023, đã có 175.581 lượt khách hàng được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Thông tư 02/2023/TT-NHNN, với tổng giá trị nợ gốc và lãi được cơ cấu là 171.083 tỷ đồng.

(14) Đến cuối tháng 11/2023, dư nợ cho vay phục vụ nhu cầu đời sống tăng 2,93% so với cuối năm 2022 và chiếm 21,06% (cùng kỳ năm 2022: tăng 20,12% và chiếm tỷ trọng 21,37%).

(15) Cụ thể: (i) Ban hành nhiều văn bản chấn chỉnh, cảnh báo TCTD về một số vấn đề rủi ro trong hoạt động, bảo đảm mở rộng tín dụng đi đôi với kiểm soát chất lượng tín dụng, tích cực triển khai các biện pháp để hạn chế tối đa việc phát sinh mới nợ nhóm 2, nợ xấu; kiểm soát chặt chẽ việc cấp tín dụng đối với một số lĩnh vực rủi ro...; (ii) Làm việc trực tiếp với TCTD để đánh giá tình hình nợ xấu, công tác xử lý nợ xấu, chú trọng đến TCTD/chi nhánh TCTD có tỷ lệ nợ xấu cao, tiếp tục tăng nhanh; (iii) Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp xử lý nợ xấu theo Nghị quyết 42 về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD; (iv) Phối hợp với các cấp chính quyền địa phương, các



hàng. Công tác thanh tra tiếp tục tập trung nguồn lực vào các đối tượng, lĩnh vực có tiềm ẩn rủi ro cao, dễ phát sinh sai phạm, hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đại lý bảo hiểm và hoạt động tư vấn, giới thiệu, cung cấp thông tin trái phiếu doanh nghiệp đối với khách hàng⁽¹⁶⁾. Công tác giám sát tiếp tục được tăng cường và kết nối chặt chẽ với công tác thanh tra. Nội dung giám sát không chỉ dừng lại ở việc giám sát tình hình tuân thủ, chấp hành các quy định về an toàn trong hoạt động mà còn chú trọng đến việc giám sát, đánh giá rủi ro trong hoạt động của các TCTD, tập trung giám sát các lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro như tín dụng trung, dài hạn, tín dụng đối với nhóm khách hàng lớn, tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản.

Năm 2023, mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo quyết liệt, cụ thể, đúng đắn, kịp thời của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cùng sự nỗ lực, quyết tâm của toàn ngành, ngành Ngân hàng đạt được những kết quả tích cực.

Những kết quả này đã thể hiện sự nỗ lực và quyết tâm chính trị cao của ngành Ngân hàng, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, trong đó có các khó khăn, thách thức phức tạp, chưa có tiền lệ để hoàn thành tốt nhất các mục tiêu, nhiệm vụ được giao, góp phần hỗ trợ tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ ngành Ngân hàng năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định “NHNN đã đóng góp quan trọng vào mục tiêu của Chính phủ về ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, ổn định thị trường ngoại hối, tỷ giá”.

2. Định hướng hoạt động ngành Ngân hàng năm 2024

Năm 2024, kinh tế thế giới dự báo vẫn gặp nhiều khó khăn, bất trắc; phục hồi chậm và không đồng đều ở các quốc gia⁽¹⁷⁾. Lạm phát dự kiến tiếp tục xu hướng chậm lại, nhưng vẫn cao hơn mục tiêu tại nhiều nước⁽¹⁸⁾. Giá hàng hóa cơ bản thế giới (nhiên liệu, lương thực,...) diễn biến phức tạp và chịu rủi ro bởi nhiều

yếu tố (kinh tế, chính trị, thời tiết, chính sách an ninh lương thực của các quốc gia...). Chuỗi cung ứng toàn cầu về cơ bản

cơ quan liên quan tạo điều kiện thuận lợi cho các TCTD trong việc xử lý nợ xấu, xử lý tài sản bảo đảm, đặc biệt là hỗ trợ trong thực hiện các thủ tục hành chính để TCTD có thể xử lý nhanh tài sản bảo đảm của các khoản nợ xấu tại địa phương; (v) Tích cực triển khai hoạt động mua nợ và xử lý nợ tại Công ty TNHH MTV quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) đạt hiệu quả cao và đảm bảo đúng quy định...

(16) Trong năm 2023, Thanh tra, giám sát ngành Ngân hàng đã triển khai 1.105 cuộc thanh tra, kiểm tra và ban hành kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra đối với 964 cuộc thanh tra, kiểm tra. Đối với QTDND, NHNN đã triển khai thanh tra chéo trên địa bàn 10 tỉnh, thành phố với 10 QTDND có tổng nguồn vốn trên 200 tỷ đồng nhằm đảm bảo tính khách quan trong việc thực thi nhiệm vụ và nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước đối với các QTDND.

(17) Tháng 10/2023, Quỹ Tiền tệ thế giới (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới chậm lại ở mức 2,9% trong năm 2024 (năm 2023: 3%).

(18) Theo Báo cáo World Economic Outlook tháng 10/2023, IMF dự báo lạm phát toàn cầu năm 2024 là 5,8%, chậm lại so với mức 6,9% của năm 2023 và mức 8,7% của năm 2022, tuy nhiên vẫn cao hơn mục tiêu tại nhiều nước. Tại Báo cáo Global Economic Prospects tháng 6/2023, WB dự báo lạm phát toàn cầu năm 2024 sẽ ở mức 3,7%, chậm lại so với mức 5,5% của năm 2023 và mức 7,3% của năm 2022 do tăng trưởng kinh tế yếu, giá hàng hóa thế giới giảm và kỳ vọng lạm phát vẫn được neo giữ. Đồng thời, theo số liệu thống kê của IMF, năm 2023, 96% các nước theo lạm phát mục

được phục hồi nhưng diễn biến còn khó lường do cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các quốc gia. Điều kiện tài chính toàn cầu dự báo vẫn ở trạng thái thắt chặt khi các NHTW lớn dự kiến duy trì mặt bằng lãi suất cao trong thời gian tới. Trong nước, nền kinh tế tiếp tục đối mặt với các thách thức khi cầu thế giới chưa phục hồi mạnh. Rủi ro lạm phát có thể gia tăng trong bối cảnh giá năng lượng, lương thực diễn biến phức tạp theo chiều hướng tăng do thời tiết cực đoan, xung đột địa chính trị, thị trường tài chính tiền tệ biến động khó lường, cùng với việc tiếp tục triển khai lộ trình điều chỉnh giá Nhà nước quản lý (điện, học phí, giáo dục).

Trong bối cảnh đó, bên cạnh những kết quả đạt được, công tác điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức cũng như còn tồn tại một số hạn chế, bất cập. Cụ thể:

- Điều hành CSTT đối mặt với nhiều thách thức trong bối cảnh kinh tế trong và ngoài nước biến động khó lường, lạm phát toàn cầu kéo dài, mặt bằng lãi suất thế giới duy trì ở mức cao, đồng USD diễn biến phức tạp...;

- Hoạt động cấp tín dụng của các TCTD còn gặp khó khăn, nhu cầu và sức hấp thụ vốn của doanh nghiệp và nền kinh tế còn thấp⁽¹⁹⁾, mức độ rủi ro tín dụng của khách hàng vay vốn gia tăng;

- Kết quả triển khai một số chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ như Chương trình Hỗ trợ lãi suất 2%, Chương

trình 120.000 tỷ đồng chưa được như kỳ vọng. Tín dụng tiêu dùng đang có xu hướng tăng trưởng chậm lại, nợ xấu có xu hướng tăng nhanh, tập trung vào nhóm công ty tài chính tiêu dùng;

- Việc xử lý các TCTD yếu kém hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn về hành lang pháp lý, cơ chế hỗ trợ đối với TCTD tham gia xử lý/nhận chuyển giao bắt buộc các TCTD yếu kém; việc nghiên cứu, xây dựng phương án xử lý đòi hỏi phải hết sức thận trọng nên quá trình xem xét, xử lý còn kéo dài;

- Nợ xấu đã được TCTD xử lý một bước quan trọng nhưng nợ xấu và nợ có nguy cơ trở thành nợ xấu có xu hướng tăng do biến động tiêu cực từ tình hình kinh tế thế giới cùng những khó khăn của nền kinh tế trong nước làm suy giảm khả năng trả nợ của doanh nghiệp, có thể ảnh hưởng đến an toàn và hiệu quả hoạt động của các TCTD;

- Một số TCTD vẫn đối mặt với nhiều rủi ro trong hoạt động như: tỷ trọng cấp tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro trong tổng dư nợ tín dụng lớn, mức độ tập trung tín dụng vào khách hàng/khách hàng lớn và người có liên quan; thực hiện trích lập, hạch toán các khoản mục tài sản, nợ chưa phản ánh đúng bản chất, chưa phản ánh đúng thực trạng, kết quả hoạt động kinh doanh của TCTD;

- Sự phát triển ngày càng cao của công nghệ đang đặt ra nhiều nguy cơ, thách thức đối với công tác đảm bảo an ninh, an toàn thanh toán ngân hàng.

Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng năm 2024

Năm 2024 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025. Trên cơ sở những khó khăn, thách thức đã được nhận diện nêu trên, để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm 2024 và cả giai đoạn 2021-2025, ngành Ngân hàng xác định tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, theo dõi sát diễn biến, tình hình kinh tế thế giới, trong nước để điều hành chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, đồng bộ các công cụ CSTT, phối hợp hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm hỗ

tiêu có mức lạm phát trên mức mục tiêu và dự kiến tỷ lệ này là 89% trong năm 2024.

(19) Một số nhóm khách hàng có nhu cầu nhưng chưa đáp ứng điều kiện vay vốn/hoặc còn vướng mắc về thủ tục pháp lý, nhất là nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV); Khó khăn từ thị trường BĐS tác động đến khả năng hấp thụ tín dụng của nhóm BĐS trong khi tín dụng BĐS chiếm tỷ trọng khoảng 21% trong tổng tín dụng chung... Khả năng huy động vốn trung, dài hạn của các TCTD còn thấp so với nhu cầu của nền kinh tế; Khách hàng vay có tình hình tài chính kém lành mạnh, sử dụng vốn vay sai mục đích, đầu tư, kinh doanh kém hiệu quả dẫn đến không trả được nợ vay; Nợ xấu có xu hướng tăng tại một số TCTD, làm hạn chế khả năng cấp tín dụng...

trợ tăng trưởng kinh tế gắn với kiểm soát lạm phát (lạm phát mục tiêu năm 2024 bình quân khoảng 4-4,5%), góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, ngoại hối và hệ thống ngân hàng.

Thứ hai, điều hành tín dụng chủ động, linh hoạt, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế, đảm bảo an toàn hoạt động của TCTD. Định hướng tăng trưởng tín dụng năm 2024 khoảng 15%, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế.

Đồng thời, tiếp tục chỉ đạo các TCTD hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng (đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu) theo chủ trương của Chính phủ; đảm bảo hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ được giao của ngành Ngân hàng tại các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, chính sách tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng, tháo gỡ và thúc đẩy mở rộng tín dụng tiêu dùng đi đôi với an toàn, lành mạnh, góp phần hạn chế “tín dụng đen”.

Thứ ba, tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025; tập trung thực hiện có hiệu quả phương án xử lý các TCTD yếu kém, triển khai cơ cấu lại

các NHTM được kiểm soát đặc biệt theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Tích cực đổi mới, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát ngành Ngân hàng; thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với nguồn lực hiện có; tập trung thanh tra, giám sát các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý nghiêm các rủi ro, tồn tại và sai phạm của TCTD, góp phần bảo đảm an ninh, kỷ luật trên thị trường tiền tệ, ngân hàng.

Thứ tư, tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng và hoạt động TTKDTM, đáp ứng yêu cầu đối với các mô hình kinh doanh và sản phẩm dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ thông tin, ngân hàng số, thanh toán số. Tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán và chuyển đổi số. Tiếp tục triển khai kết nối, khai thác thông tin dân cư tại CSDL quốc gia về dân cư, thẻ CCCD gắn chip, tài khoản định danh điện tử (VNeID) phục vụ dịch vụ công, nghiệp vụ thông tin tín dụng và phòng, chống rửa tiền.

Thứ năm, tiếp tục hoàn thiện thể chế pháp luật ngân hàng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và trật tự kỷ cương, đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán, phù hợp với hệ thống pháp luật Việt Nam và các cam kết quốc tế, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thuận lợi cho điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng. Tập trung thực hiện công tác triển khai thi hành Luật các

TCTD sửa đổi (được Quốc hội thông qua ngày 18/01/2024); triển khai đồng bộ, hiệu quả công tác cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

Thứ sáu, chủ động, tích cực triển khai hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế ngành Ngân hàng trong các khuôn khổ song phương và đa phương; tiếp tục nâng cao vị thế và đóng góp tích cực tại các tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực;

Thứ bảy, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm khác như: tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thống kê, điều tra thống kê, phân tích, dự báo phục vụ công tác hoạch định, chỉ đạo, điều hành CSTT và hoạt động ngân hàng; Tiếp tục đổi mới hoạt động truyền thông theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả nhằm nâng cao tính minh bạch hóa thông tin, đáp ứng yêu cầu đối với hoạt động thông tin của NHNN và thực hiện các cam kết quốc tế;...

Kết luận

Với vai trò là huyết mạch của nền kinh tế, nhiệm vụ và yêu cầu đặt ra đối với ngành Ngân hàng trong năm 2024 và thời gian tới là rất cao, ngành Ngân hàng sẽ quyết tâm phát huy những thành tựu đã đạt được, nhận diện và nỗ lực vượt qua những khó khăn, thử thách, phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ, trọng trách được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó, góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng ■



KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023 VÀ TRIỂN VỌNG NĂM 2024

● **NGUYỄN BÍCH LÂM^(*)**

1. Bối cảnh kinh tế thế giới và trong nước năm 2023

Năm 2023, kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục biến động nhanh, phức tạp, khó lường; khó khăn, thách thức nhiều hơn thời cơ, thuận lợi với các yếu tố rủi ro gia tăng trong cả kinh tế, chính trị và xã hội, tác động mạnh trên quy mô toàn cầu; kinh tế thế giới xuất hiện nhiều yếu tố tạo nên những thay đổi mang tính căn bản đến hoạt động kinh tế - xã

hội, trao đổi thương mại, cạnh tranh toàn cầu. Cạnh tranh gay gắt giữa hai siêu cường là Mỹ và Trung Quốc về ý thức hệ, về cấu trúc kinh tế, cùng với kinh tế thế giới phân mảnh đang đe dọa đến an ninh kinh tế và an ninh quốc gia của các nước, làm suy giảm và ngăn cản tự do thương mại và chu chuyển dòng vốn quốc tế.

Cùng với đó, xung đột địa chính trị gây nên đứt gãy cục bộ chuỗi cung ứng toàn cầu; nợ công tăng mạnh; kinh tế thế giới

phục hồi chậm và không đều. Lạm phát tại nhiều quốc gia vẫn ở mức cao, giá lương thực và năng lượng dao động mạnh khiến ngân hàng trung ương nhiều nước phải cân nhắc giữa việc tăng lãi suất để kiểm soát lạm phát và tạm dừng để hỗ trợ phục hồi kinh tế.

Năm 2023 đã nổ ra những cơn “địa chấn” đối với kinh tế thế giới, từ sự sụp đổ của các ngân hàng như Thung lũng Silicon, First Republic của Mỹ

(*) Tiến sỹ, Nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê

và Credit Suisse của Thụy Sĩ, đến cuộc khủng hoảng năng lượng, biến đổi khí hậu.

Ở trong nước, nền kinh tế phải đối mặt với nhiều thách thức, gây khó khăn cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã được Quốc hội thông qua. Đặc biệt, hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực doanh nghiệp trong năm 2023 gặp vô vàn khó khăn khi đơn hàng sụt giảm, tổng cầu trong nước và thế giới phục hồi chậm và yếu. Xu hướng ngày càng gia tăng các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại đối với hàng hóa của Việt Nam khiến doanh nghiệp bị động, gặp nhiều bất lợi trong tiếp cận thị trường xuất khẩu.

Cùng với suy giảm đơn hàng, không có thị trường tiêu thụ sản phẩm, doanh nghiệp lâm vào tình cảnh cạn kiệt nguồn vốn. Trái phiếu doanh nghiệp đến kỳ đáo hạn, vốn vay ngân hàng đến kỳ phải trả, việc hoàn thuế và dòng tiền về chậm khiến nhiều doanh nghiệp lao đao, sản xuất cầm chừng.

Bên cạnh những khó khăn, thách thức về thị trường tiêu thụ và vốn, doanh nghiệp còn phải đối mặt với những bất cập trong nội tại của nền kinh tế, đó là thể chế, chính sách có chỗ còn mâu thuẫn, điều kiện kinh doanh còn nhiều rào cản khó vượt.

Đặc biệt, sự chậm trễ, kém hiệu quả trong thực thi các chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp do một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương và một bộ

phận cán bộ, công chức né tránh, đùn đẩy công việc, sợ trách nhiệm, không quyết định công việc thuộc thẩm quyền đã đẩy doanh nghiệp lâm vào tình cảnh ngày càng khó khăn.

Năm 2023, khó khăn từ phía bủa vây doanh nghiệp, khiến cho 172,6 nghìn doanh nghiệp tạm thời hoặc vĩnh viễn rút khỏi thị trường; bình quân cứ 10 doanh nghiệp gia nhập thì có 8 doanh nghiệp rút khỏi thị trường.

Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh và việc làm của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong năm 2023, chỉ có tháng 2 và tháng 8 đạt trên ngưỡng 50 điểm, các tháng còn lại đều dưới ngưỡng 50. Đặc biệt, chỉ số PMI tháng 5/2023 đã giảm xuống 45,3 điểm, phản ánh sản lượng, số lượng đơn đặt hàng mới, hoạt động mua hàng và việc làm suy giảm mạnh. Mặc dù chỉ số PMI tháng 8/2023 tăng trở lại sau 6 tháng, nhưng chỉ ở mức 50,5 điểm, việc làm tiếp tục giảm nhẹ, tồn kho thành phẩm, chi phí sản xuất và giá sản phẩm đầu ra đều tăng. Sau khi đạt trên 50 điểm vào tháng 8, chỉ số PMI giảm liên tiếp xuống dưới ngưỡng 50 trong bốn tháng còn lại của năm, đặc biệt giảm sâu trong tháng 11/2023 ở mức 47,3 điểm, phản ánh sản lượng giảm nhanh hơn khi số lượng đơn đặt hàng mới giảm; việc làm và hoạt động mua hàng giảm trở lại; chi phí đầu vào tăng mạnh nhất kể từ tháng 2/2023. Chỉ số PMI trung bình của năm 2023 ở mức thấp nhất kể từ thời điểm bùng phát đại dịch COVID-19 cho

thấy bức tranh ảm đạm trong sản xuất kinh doanh.

Trong bối cảnh chi phí đầu vào của doanh nghiệp gia tăng với mức độ mạnh nhất kể từ tháng 2/2023, doanh nghiệp gặp khó khăn khi cạnh tranh về giá bán; bước vào năm 2024, doanh nghiệp có thể phải đối mặt với tình trạng kinh doanh ảm đạm nếu tổng cầu không sớm tăng trở lại.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

Trong bối cảnh khó khăn của tình hình kinh tế thế giới và trong nước, Chính phủ với phương châm hành động: “Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”, đã khẩn trương thực hiện Nghị quyết, kết luận của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị và các Nghị quyết của Quốc hội; khẩn trương xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch, phương án, kịch bản điều hành phù hợp với thực tiễn. Cùng với đó, Chính phủ đã quyết liệt chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương tập trung triển khai thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trên tất cả các lĩnh vực tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 6/1/2023 với 6 quan điểm trọng tâm trong chỉ đạo điều hành và 11 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu. Chính phủ điều hành linh hoạt, hiệu quả, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm chính sách tiền tệ và tài khóa; tăng cường cải cách thể chế. Kết thúc năm 2023 trong số 15 chỉ tiêu kinh tế xã hội đã được thông qua có 10 chỉ tiêu đạt và vượt mục tiêu kế hoạch, trong đó

hoàn thành toàn bộ các chỉ tiêu xã hội; Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được đảm bảo; Quyết liệt triển khai công tác hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh cải cách hành chính, thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tăng cường phòng chống tham nhũng, tiêu cực, củng cố và nâng cao niềm tin của nhân dân. Chính phủ tập trung chỉ đạo phát triển, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Vị thế của Việt Nam được nâng tầm, trở thành một trung tâm chính trị - kinh tế - an ninh khu vực; Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Các chỉ tiêu không đạt mục tiêu kế hoạch bao gồm: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước; GDP bình quân đầu người; Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP; Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội; Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội. Các chỉ tiêu không đạt phản ánh những vấn đề nội tại của nền kinh tế cần phải xử lý để thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững, đưa Việt Nam thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình.

Trong bối cảnh thế giới có nhiều biến động, phức tạp, khó lường, chưa có tiền lệ, đặt ra nhiều khó khăn thách thức trong triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 của nước ta. Dưới

sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Trung ương Đảng; sự phối hợp kịp thời, hiệu quả giữa Quốc hội và Chính phủ; sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị; nỗ lực vượt khó, vươn lên của cộng đồng doanh nghiệp và các hộ kinh doanh kinh tế nước ta đã giữ vững ổn định vĩ mô, lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế tuy không đạt được mục tiêu nhưng vẫn thuộc nhóm cao trong khu vực và thế giới. Xếp hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn của Việt Nam được nâng lên mức BB+ với triển vọng “Ổn định”. Công tác đối ngoại đạt nhiều thành tựu quan trọng, mang tính lịch sử, tạo thời cơ và thuận lợi mới để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao vị thế và uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

3. Nguyên nhân không đạt được toàn bộ các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2023

(1) Hạn chế về năng lực dự báo, xây dựng mục tiêu kế hoạch

Trong bối cảnh xung đột địa chính trị, tình hình kinh tế thế giới biến động nhanh, phức tạp, khó lường, công tác nắm bắt

thông tin, đánh giá tình hình chưa sát, chưa theo kịp diễn biến và thực tế tình kinh tế trong và ngoài nước. Việc xây dựng một số chỉ tiêu hằng năm chưa dựa trên năng lực thực tế của nền kinh tế. Bên cạnh đó phản ứng chính sách của một số cơ quan trung ương, địa phương chưa kịp thời, thậm trọng quá mức làm gia tăng khó khăn cho doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh và nền kinh tế.

(2) Cơ chế, chính sách chưa theo kịp nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Cơ chế, chính sách, quy định pháp luật có chỗ còn mâu thuẫn, chồng chéo, xa rời thực tiễn rất khó triển khai thực hiện. Chẳng hạn, quy định giao cho một địa phương làm cơ quan chủ quản thực hiện đầu tư các dự án giao thông đường bộ qua nhiều địa phương, sử dụng ngân sách của địa phương này hỗ trợ cho địa phương khác; giao địa phương làm cơ quan chủ quản, sử dụng vốn ngân sách địa phương đầu tư thực hiện các dự án thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan trung ương trên địa bàn... là



không thực tiễn, ít tính khả thi.

Đặc biệt, doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều rào cản trong chính sách và thực thi chính sách. Mặc dù đã có những đột phá về cải cách thể chế, hoàn thiện môi trường pháp lý về đầu tư kinh doanh với nhiều kết quả đáng khích lệ, tuy vậy hệ thống pháp luật và thực thi pháp luật vẫn chưa minh bạch, thiếu cụ thể và không ổn định, khả năng tiên liệu thấp dẫn đến rủi ro gia tăng cho các doanh nghiệp.

Báo cáo tình hình phát triển Doanh nhân, Doanh nghiệp và Hiệp hội doanh nghiệp của Việt Nam do Viện Phát triển doanh nghiệp thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phản ánh trong năm 2022, tỷ lệ doanh nghiệp không bao giờ hoặc hiếm khi dự đoán được sự thay đổi trong quy định pháp luật của Trung ương lên tới 70,8%, trước đó năm 2021 là 68,8% và năm 2020 là 67,4%. Việc chính quyền địa phương thực thi chính sách, pháp luật của Trung ương cũng đang là vấn đề lớn với nhiều doanh nghiệp.

(3) Năng lực hạn chế, đùn đẩy, sợ trách nhiệm của một bộ phận trong bộ máy quản lý cản trở quá trình phát triển

Trong thời gian qua, có một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương và một bộ phận cán bộ, công chức sợ trách nhiệm, không quyết định công việc thuộc thẩm quyền đã gây nhiều khó khăn cho phát triển kinh tế. Trước thực trạng đó, ngày 19/4/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công điện số 280/CD-TTg

nhằm chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế, tăng cường trách nhiệm, đẩy mạnh tinh thần dám nói, dám nghĩ, dám làm của một bộ phận cán bộ, công chức tại các bộ, cơ quan, địa phương; khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm trong giải quyết công việc; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành.

Năm 2023, đầu tư công nổi lên là động lực quan trọng, đóng vai trò thúc đẩy, gánh vác và bù đắp cho các động lực tăng trưởng khác của nền kinh tế, tuy vậy công tác tổ chức thực hiện giải ngân vốn đầu tư công còn nhiều hạn chế, một số cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu còn thiếu quyết tâm, chưa sâu sát đôn đốc thực hiện. Thật khó biện minh về tinh thần trách nhiệm người đứng đầu của 21 bộ, cơ quan trung ương và 33 địa phương khi đến tháng 11/2023 còn chưa phân bổ hết kế hoạch vốn năm 2023 đã được Thủ tướng Chính phủ giao ngay từ đầu năm.

Theo Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Việt Nam có thể tăng thêm 23% nếu nâng hiệu suất quản lý bằng các nước đi trước; đồng thời nếu hiệu suất sử dụng vốn đầu tư tăng 1 điểm phần trăm thúc đẩy GDP tăng thêm 0,1-0,12 điểm phần trăm. Nếu nâng hiệu suất quản lý và sử dụng vốn đầu tư bằng các nước đi trước sẽ thúc đẩy GDP tăng thêm từ 2,3% - 2,76%. Có thể thấy, nếu như đầu tư công được giải ngân nhanh hơn; các dự án

công trình được hoàn thành và đưa vào sử dụng sớm hơn; nếu xóa bỏ được tình trạng nhiều dự án trọng điểm chậm tiến độ hàng chục năm so với kế hoạch, loại bỏ được thất thoát, lãng phí, thì kinh tế nước ta sẽ tăng trưởng nhanh và bền vững trong hàng thập kỷ.

(4) Chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng, thiếu các giải pháp đột phá nâng cao năng suất lao động

Nhìn lại giai đoạn 2016-2020, năng suất lao động (NSLĐ) bình quân hàng năm tăng 6,05%, cao hơn tốc độ tăng NSLĐ bình quân hàng năm 4,53% của giai đoạn 2011-2015, vượt mục tiêu đề ra trong Nghị quyết số 05-NQ/TW, khóa XII là tốc độ tăng NSLĐ bình quân hàng năm giai đoạn 2016-2020 cao hơn 5,5%.

Bước vào giai đoạn 2021-2025, trong 3 năm 2021-2023, tốc độ tăng NSLĐ đều thấp hơn mục tiêu được Quốc hội thông qua hàng năm. Năng suất lao động năm 2021 tăng 4,6%, năm 2022 tăng 4,7%, năm 2023 tăng 3,65%; bình quân 3 năm 2021-2023, NSLĐ tăng 4,3%/năm, thấp khá xa so với mục tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đặt ra là tốc độ tăng NSLĐ bình quân mỗi năm trên 6,5%. Để đạt mục tiêu NSLĐ bình quân giai đoạn 2021-2025 tăng 6,5%, thì NSLĐ bình quân hai năm 2024-2025 phải tăng 9,8%.

Năng suất lao động của nước ta thấp là do: Cơ cấu lao động

theo ngành kinh tế chưa hợp lý, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ ở mức thấp, cơ cấu đào tạo không hợp lý, thiếu hụt lao động có tay nghề cao, cả bên cung và bên cầu chưa đáp ứng được một thị trường lao động hiện đại, linh hoạt, bền vững và hội nhập; Chưa phát huy được vai trò chủ đạo của năng suất lao động nội ngành; Năng suất lao động của khu vực doanh nghiệp thấp; Ứng dụng công nghệ, kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh còn hạn chế, máy móc, thiết bị và quy trình công nghệ còn lạc hậu; Nguồn nhân lực còn nhiều bất cập, lao động trong khu vực nông nghiệp và khu vực phi chính thức chiếm tỷ trọng cao trong lực lượng lao động của toàn nền kinh tế, chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao NSLĐ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương và toàn bộ hệ thống chính trị chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của NSLĐ, chưa khẩn trương xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia trung và dài hạn về nâng cao NSLĐ với các chính sách và giải pháp đột phá.

(5) Chuyển dịch cơ cấu của toàn nền kinh tế và trong nội ngành công nghiệp chế biến, chế tạo còn chậm

Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (CBCT) đóng vai trò quan trọng cho phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Trong các kỳ đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đến nay, Đảng ta luôn đề cập tới công nghiệp hoá và hiện đại hoá, ưu tiên phát triển

ngành công nghiệp CBCT. Tuy vậy, do những yếu tố khách quan và chủ quan, chúng ta chưa dành sự quan tâm thoả đáng trong đầu tư, triển khai thực hiện ở tầm chiến lược cho ngành công nghiệp CBCT. Sản xuất công nghiệp về cơ bản dừng lại ở trình độ lắp ráp - trình độ thấp nhất trong 4 cấp độ công nghiệp hoá. Chưa có tín hiệu cho thấy khi nào ngành công nghiệp CBCT vươn lên trình độ sản xuất với kỹ thuật riêng; tiếp đó là trình độ sản xuất với thiết kế riêng và cao nhất là trình độ sản xuất với thương hiệu riêng. Công nghiệp phụ trợ chưa phát triển, lĩnh vực công nghiệp thuộc khu vực FDI cơ bản là hoạt động lắp ráp, tận dụng lao động giá rẻ, tạo ra giá trị gia tăng nội địa thấp.

Trong xu hướng toàn cầu hoá kinh tế thế giới đòi hỏi công nghiệp CBCT của nước ta phải gắn kết vào chuỗi cung ứng và chuỗi giá trị toàn cầu với chất lượng và hiệu quả cao hơn. Do vậy, cơ cấu lại nền kinh tế, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đối với ngành công nghiệp CBCT là đòi hỏi khách quan,

cấp bách, có tính mệnh lệnh để tạo dựng và phát triển các ngành công nghiệp mới, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các ngành hiện có, thúc đẩy phát triển công nghiệp phụ trợ, giảm sự phụ thuộc vào nhập khẩu tư liệu sản xuất. Giai đoạn vừa qua, quá trình chuyển dịch cơ cấu của toàn nền kinh tế và trong nội ngành công nghiệp CBCT diễn ra chậm là nguyên nhân dẫn tới tỷ trọng công nghiệp CBCT trong GDP của nước ta đạt thấp.

Năm 2023, tổng cầu thế giới suy giảm so với năm trước, khiến đơn hàng của doanh nghiệp chế biến hàng xuất khẩu và doanh nghiệp FDI suy giảm là nguyên nhân không đạt mục tiêu Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP.

(6) Việc phân luồng, quá trình đào tạo lao động không theo nhu cầu của thị trường ảnh hưởng tới việc làm bền vững và nâng cao năng suất lao động

Trong bối cảnh kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới, sự phát triển của các chuỗi giá trị toàn cầu thúc đẩy hội nhập quốc tế



sâu rộng của thị lao động đòi hỏi lao động Việt Nam phải có kỹ năng nghề và năng lực làm việc trong môi trường quốc tế. Trong bối cảnh đó, Việt Nam phải tuân thủ các tiêu chuẩn chung, bao gồm các tiêu chuẩn về lao động, về quản trị thị trường lao động hiện đại theo chuẩn mực quốc tế. Trước những đòi hỏi của thị trường lao động, hằng năm chúng ta đưa ra chỉ tiêu: “Tỷ lệ lao động qua đào tạo” bao gồm cả lao động tự đào tạo, tự nâng cao tay nghề, mà không có bằng cấp, chúng chỉ liệu có phù hợp không? Thống kê chỉ tiêu này nhằm mục đích gì? mang lại lợi ích gì cho các nhà quản lý? Thiết nghĩ chúng ta chỉ nên đặt mục tiêu và hằng năm đánh giá việc thực hiện mục tiêu bằng chỉ tiêu “Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chúng chỉ”.

Nhiều năm qua, các địa phương đã quan tâm triển khai thực hiện chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn và khu vực phi chính thức. Tuy nhiên, việc đào tạo tràn lan, không định hướng, đào tạo cho đủ chỉ tiêu chứ không quan tâm đến chất lượng hay đầu ra cho học viên... Từ đó dẫn đến tình trạng lao động vừa thừa, vừa thiếu, tỷ lệ lao động đào tạo đúng với ngành nghề còn thấp. Những bất cập này dẫn đến tình trạng lao động, nhất là lao động ở nông thôn, được học qua các lớp đào tạo nghề còn thấp. Bên cạnh đó, nhiều lao động trẻ, lao động phổ thông không thiết tha với việc học nghề. Vì vậy, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chúng chỉ còn thấp, không

đạt mục tiêu đã được thông qua. Vấn đề lao động qua đào tạo có bằng cấp, chúng chỉ thấp; tỷ lệ lao động trong nông nghiệp và khu vực phi chính thức ở mức cao đang đặt ra những áp lực lớn để tạo việc làm bền vững và tăng năng suất lao động của nền kinh tế.

4. Triển vọng thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

Ngày 9 tháng 11 năm 2023, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 103/2023/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, giao Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp thực hiện 15 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu. Trong tổng số 15 chỉ tiêu, các chỉ tiêu từ số 8 đến số 15 là những chỉ tiêu về xã hội, môi trường ít chịu tác động từ các yếu tố khách quan của tình hình kinh tế, chính trị thế giới và khu vực. Bên cạnh đó, Đảng và Chính phủ có Chỉ thị và các giải pháp đồng bộ giảm nghèo bền vững theo hướng đa chiều, bao trùm; hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế. Với bản tính chịu khó, không ngồi chờ trợ cấp của người lao động, vì vậy, nếu không có những biến cố bất ngờ, việc thực hiện các chỉ tiêu về xã hội, môi trường trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 hoàn toàn có tính khả thi, nhiều chỉ tiêu sẽ vượt mục tiêu đã được Quốc hội giao.

Đối với các chỉ tiêu kinh tế: Năm 2024, kinh tế thế giới dần hồi phục nhưng bấp bênh, đối mặt với nhiều yếu tố rủi ro, thách thức. Tăng trưởng kinh

tế toàn cầu đang bị kìm hãm bởi ảnh hưởng dai dẳng của đại dịch, xung đột và rủi ro địa chính trị; sự suy giảm của các giải pháp kích cầu và lãi suất vẫn ở mức cao; giá hàng hóa cơ bản biến động khó lường; lạm phát có thể trở dậy; tình trạng phân mảnh địa kinh tế gia tăng; khủng hoảng bất động sản ở Trung Quốc; thời tiết cực đoan.

Kinh tế toàn cầu năm 2024 được IMF dự báo tăng 2,9%, thấp hơn mức tăng 3% của năm 2023; Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế dự báo tăng 2,7%; Liên hợp quốc dự báo tăng trưởng của kinh tế toàn cầu sẽ giảm xuống 2,4% trong năm nay so với mức tăng trưởng ước tính vượt dự báo 2,7% trong năm ngoái. Liên hợp quốc đưa ra dự báo ảm đạm về kinh tế toàn cầu năm 2024 là do những thách thức như xung đột leo thang, thương mại toàn cầu yếu, lãi suất cao và các thảm họa khí hậu gia tăng.

IMF dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2024 của Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản đều thấp hơn năm 2023; kinh tế khu vực Eurozone năm 2024 tăng 0,8%, cao hơn 0,2 điểm phần trăm so với năm trước.

Do căng thẳng địa chính trị dai dẳng, mức nợ cao và tính bấp bênh của các nền kinh tế sẽ tác động tiêu cực đến mô hình thương mại toàn cầu, Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển dự báo triển vọng thương mại toàn cầu năm 2024 vẫn rất bấp bênh, nhìn chung là bi quan.

Theo báo cáo “Tình hình Kinh tế Thế giới và Triển vọng 2024” của Liên hợp quốc lạm phát trên toàn cầu ở mức 5,7% trong năm 2023 và giảm xuống 3,9% trong năm 2024.

Đôi nét về tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2024

Hoạt động kinh tế - xã hội nước ta năm 2024 diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới tiếp tục diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, nhiều yếu tố rủi ro bất định; bất ổn địa chính trị, thời tiết cực đoan gây hệ lụy nghiêm trọng đến an ninh năng lượng, lương thực, đứt gãy chuỗi cung ứng sản xuất; tiêu dùng suy giảm.

Một số tổ chức tài chính, thương mại quốc tế đánh giá chính sách tài khoá và tiền tệ của Việt Nam hỗ trợ nhiều cho phát triển kinh tế. Kinh tế nước ta có độ mở lớn, năm 2024 tăng

trưởng kinh tế chủ yếu vẫn dựa vào “cỗ xe tứ mã”, đó là: Đổi mới, đảm bảo tính đồng bộ về thể chế và môi trường pháp lý cho phát triển kinh tế; thúc đẩy tiêu dùng của thị trường trong nước; thực hiện nhanh, hiệu quả vốn đầu tư công, tạo lan toả tới đầu tư ngoài nhà nước và khu vực FDI; thúc đẩy xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ.

Với mục tiêu tiếp tục ưu tiên tăng trưởng gắn với củng cố, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV đã thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 với mục tiêu tốc độ tăng GDP từ 6,0% - 6,5%.

Để GDP năm 2024 tăng 6%-6,5%, dự kiến khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng khoảng 3%-3,2%, thấp hơn

0,63-0,8 điểm phần trăm so với năm 2023; khu vực Công nghiệp và Xây dựng tăng 6,2%-6,9% cao hơn 2,46-3,16 điểm phần trăm; khu vực Dịch vụ tăng 6,7%-7,1% cao hơn 0,28 điểm phần trăm. Đây là các mức tăng không dễ đạt được khi khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã tăng rất cao trong hai năm liên tiếp 2022 và 2023 và không thể tăng cao trong nhiều năm vì tăng trưởng của khu vực nông nghiệp và thủy sản cần thời gian và vốn đầu tư mở rộng và nâng cao năng lực sản xuất, không giống khu vực công nghiệp và xây dựng có thể tăng thời gian sản xuất, tạo thêm nhiều sản phẩm với máy móc thiết bị và đội ngũ lao động hiện có.

Trong bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm, thương mại toàn cầu bấp bênh và bị quan tác động rất mạnh tới sự phục hồi



và tăng trưởng cao của khu vực công nghiệp. Tổng cầu tiêu dùng trong nước còn yếu khó thúc đẩy khu vực dịch vụ tăng cao. Tăng trưởng từ đầu tư công chỉ bù đắp được một phần cho các khu vực khác của nền kinh tế. Năm 2024, cả nước dành 657 nghìn tỷ đồng cho đầu tư công; nếu giải ngân đạt 95% thì cũng chỉ tương đương với số vốn đầu tư công thực hiện của năm 2023, khi đó đầu tư công không còn thực hiện vai trò gánh vác và bù đắp tăng trưởng cho các động lực khác. Nếu giải ngân hết 657 nghìn tỷ, GDP sẽ tăng thêm 0,3 điểm phần trăm.

Các chỉ tiêu GDP bình quân đầu người và năng suất lao động xã hội bình quân là chỉ tiêu gián tiếp, phụ thuộc khá nhiều vào kết quả đạt được của chỉ tiêu Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước. Tuy nhiên, với quy trình và công nghệ sử dụng trong sản xuất kinh doanh của nền kinh tế còn lạc hậu, lao động qua đào tạo có văn bằng chứng chỉ, có kỹ năng, tay nghề còn thấp. Theo ước tính, ngay cả khi tốc độ tăng GDP năm 2024 đạt 6%-6,5% khi đó chỉ tiêu tốc độ tăng NSLĐ xã hội bình quân năm 2024 vẫn không đạt mục tiêu kế hoạch đã được Quốc hội thông qua tăng từ 4,8% đến 5,3%.

Về kiểm soát lạm phát năm 2024

Bức tranh lạm phát năm 2024 của nước ta đan xen các yếu tố gia tăng và kiểm chế lạm phát. Các yếu tố gây áp lực gia tăng lạm phát bao gồm: Giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất đang ở mức cao; giá điện biến

động theo chiều hướng tăng khi gia tăng nhu cầu sử dụng điện cho sản xuất và tiêu dùng; giá gạo tăng theo giá xuất khẩu khi sản lượng lương thực ở một số quốc gia suy giảm do biến đổi khí hậu; giá các mặt hàng chiến lược do Nhà nước quản lý như dịch vụ y tế, giáo dục có thể tăng sau nhiều năm kìm giữ; tác động của tăng lương và giá các mặt hàng tiêu dùng gia tăng theo yếu tố mùa vụ. Bên cạnh đó, thực hiện các chương trình hỗ trợ của Chính phủ sẽ làm gia tăng tổng cầu, gây áp lực lạm phát của nền kinh tế.

Với bất ổn địa chính trị, xung đột tại biển Đỏ làm suy yếu mạng lưới cung ứng và làm tăng khả năng gây nút thắt lạm phát do nguồn cung cấp năng lượng cũng có thể bị gián đoạn đáng kể, dẫn đến giá năng lượng tăng đột biến. Xung đột ở Trung đông gây rủi ro làm gián đoạn nguồn cung dầu mỏ; OPEC+ tuyên bố cắt giảm sản lượng tự nguyện thêm khoảng 2,2 triệu thùng/ngày ngay từ đầu năm 2024 là những nguyên nhân đẩy giá dầu tăng trong năm nay với dự đoán giá dầu sẽ giao dịch trong khoảng từ 70-100 USD/thùng, tương đương giá dầu tăng tới 19% so với năm trước, gia tăng áp lực lạm phát đối với kinh tế nước ta.

Tuy vậy, Cơ quan Năng lượng quốc tế dự báo, nhu cầu dầu năm 2024 sẽ tăng chậm lại khi kết thúc giai đoạn phục hồi kinh tế sau đại dịch, cùng với sự phát triển của các loại xe điện và một số yếu tố khác.

Ở chiều ngược lại, các yếu tố kiểm chế lạm phát bao gồm:

Sự chủ động và nguồn cung dồi dào về lương thực, thực phẩm - nhóm hàng hóa chiếm tỷ trọng lớn trong chi tiêu dùng của người dân; lạm phát toàn cầu hạ nhiệt, tiến dần về mức lạm phát mục tiêu, sẽ giảm áp lực “nhập khẩu” lạm phát; Chính phủ thực hiện mục tiêu giữ vững ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát, tạo dựng niềm tin cho cộng đồng doanh nghiệp phục hồi và phát triển sản xuất sẽ làm giảm lạm phát kỳ vọng.

Năm 2024, kinh tế Mỹ dự báo hạ cánh mềm và FED có thể cắt giảm lãi suất vào giữa năm khiến USD giảm giá và tỷ giá giữa Việt Nam đồng và Đôla Mỹ giảm, do đó giảm áp lực lạm phát do tỷ giá đối với kinh tế Việt Nam. Tuy vậy, hiện nay, lãi suất huy động, cho vay của các ngân hàng thương mại và lãi suất cơ bản của NHNN đã hạ thấp, cùng với đó Chính phủ chỉ đạo tăng trưởng tín dụng trong tháng cuối năm sẽ tạo áp lực lạm phát.

Với các yếu tố kiểm chế lạm phát, Chính phủ có kinh nghiệm trong điều hành giá hàng hóa và dịch vụ chiến lược, cùng với tổng cầu tiêu dùng chưa có dấu hiệu khởi sắc, mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2024 từ 4%- 4,5% đã được Quốc hội thông qua hoàn toàn khả thi.

Trong bối cảnh kinh tế, thương mại toàn cầu năm 2024 suy giảm, bấp bênh và bi quan; kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, năng lực và sức chống chịu từ các cú sốc kinh tế chưa đủ mạnh; khu vực doanh nghiệp vừa trải qua “con bạo bệnh” đang dần hồi phục. Vì vậy, một

khi Chính phủ, các địa phương với nỗ lực cao nhất thực thi kịp thời, hiệu quả các giải pháp tháo gỡ khó khăn, phát huy hiệu quả các động lực tăng trưởng; một khi doanh nghiệp chủ động vượt khó, khi đó dù cho kết quả phát triển kinh tế - xã hội đạt được như thế nào cũng rất đáng tự hào vì toàn bộ hệ thống chính trị và các tổ chức kinh tế đã nỗ lực, cố gắng hết mình.

5. Cần làm gì để thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024

Để thực hiện thành công toàn diện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, đặc biệt là mục tiêu tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước tạo đà thuận lợi phấn đấu đạt cao nhất các mục tiêu theo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, tạo thế và lực cho đất nước phát triển nhanh và bền

vững trong giai đoạn tiếp theo, thiết nghĩ, Chính phủ và các địa phương cần thực hiện một số nhóm giải pháp sau:

(1) Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành và địa phương khẩn trương đánh giá những tồn tại, bất cập, thách thức đang cản trở các nhóm động lực tăng trưởng, đặc biệt đối với nhóm thể chế và môi trường pháp lý, từ đó kịp thời đưa ra các giải pháp tháo gỡ nhằm phát huy tối đa sức mạnh, tính hiệu quả của từng nhóm động lực cho tăng trưởng kinh tế.

(2) Thực hiện đồng bộ, hài hoà, chặt chẽ chính sách tài khóa và tiền tệ, trong đó ưu tiên thực hiện chính sách tài khóa mở rộng hợp lý hỗ trợ tăng trưởng. Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm. Nỗ lực giải quyết các điểm

nghẽn, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh; tiếp tục thúc đẩy các động lực tăng trưởng.

Đặc biệt, Chính phủ cần cập nhật, điều chỉnh kịp thời các giải pháp phù hợp với thay đổi của kinh tế thế giới nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định và phát triển sản xuất.

(3) Đầu tư công tiếp tục là động lực quan trọng, thúc đẩy tăng trưởng. Chính phủ và các địa phương cần đổi mới công tác lập, phân bổ kế hoạch và thẩm định dự án đầu tư công để mỗi dự án trở thành công trình hiệu quả. Chính phủ cần xây dựng chiến lược, kế hoạch và chương trình đầu tư công phù hợp, đáp ứng đúng và trúng nhu cầu đầu tư của từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Tập trung đầu tư vào các dự án lớn, xóa bỏ đầu tư dàn trải, giảm thiểu thời gian



thực hiện dự án, khẩn trương đưa các công trình vào sử dụng, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư công.

Để giải ngân nhanh vốn đầu tư công, Chính phủ cần có giải pháp nhằm phát huy vai trò, gắn trách nhiệm và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu bộ, cơ quan và địa phương trong giải ngân vốn đầu tư công. Người đứng đầu phải trực tiếp chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến đất đai, tài nguyên. Đồng thời khẩn trương nâng cao năng lực của chủ đầu tư, nhà thầu thi công, xây lắp.

Cùng với đầu tư công, Chính phủ và các địa phương thúc đẩy đầu tư của khu vực ngoài nhà nước và khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài bù đắp phần suy giảm so với năm trước của vốn đầu tư công.

(4) Chiến lược tăng trưởng dựa vào xuất khẩu có vai trò quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa và định hình lại chuỗi cung ứng. Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ vẫn là động lực quan trọng không chỉ trong thập kỷ này mà cả trong thập niên tới. Chính phủ cần khẩn trương nắm bắt các ngành, lĩnh vực nào sẽ trở thành xu hướng phát triển của kinh tế thế giới trong thời gian tới, kịp thời sửa đổi và bổ sung Chiến lược tăng trưởng dựa vào xuất khẩu để đưa kinh tế Việt Nam hòa vào dòng chảy, thuộc nhóm đi tiên phong trên một số lĩnh vực của kinh tế thế giới.

Theo đánh giá của Tổ chức Thương mại Thế giới, Việt Nam có tiềm năng xuất khẩu công

nghệ cao, Dệt, may không còn là sản phẩm xuất khẩu hàng đầu mà được thay thế bởi sản phẩm công nghệ cao. Chính phủ cần xác định cụ thể phải làm gì; tập trung đầu tư, phát triển ngành nào trong lĩnh vực công nghệ cao; nhanh chóng biến tiềm năng thành hiện thực, đưa Việt Nam trở thành cường quốc trong xuất khẩu công nghệ cao.

(5) Chính phủ cần khẩn trương xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về nâng cao năng suất lao động Việt Nam. Định kỳ đánh giá, bổ sung, cập nhật Chiến lược phù hợp với những thay đổi nhanh chóng của kinh tế thế giới. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế phù hợp với xu hướng thay đổi của kinh tế thế giới. Cơ cấu lại từng ngành theo hướng phát huy lợi thế so sánh và tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung nội lực, thúc đẩy động lực phát triển những sản phẩm có lợi thế so sánh, sức cạnh tranh và giá trị gia tăng cao. Cơ cấu lại lĩnh vực đầu tư công, ngân sách nhà nước, hệ thống các tổ chức tín dụng.

Cùng với đó, Chính phủ cần thực hiện cải cách và hoàn thiện thể chế để khơi thông và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực của đất nước. Đặc biệt, cần hoàn thiện đồng bộ môi trường pháp lý để tất cả các loại thị trường đều phát triển và cạnh tranh lành mạnh. Trong đó, đặc biệt quan tâm tới xây dựng và hoàn thiện thể chế thị trường hàng hóa; thị trường nhân tố và thể chế quản trị doanh nghiệp.

(6) Bối cảnh kinh tế thế giới

biến đổi nhanh, phức tạp; ứng dụng công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, phát triển xanh là xu hướng tất yếu, không thể trì hoãn, đang làm thay đổi rất nhanh cấu trúc kinh tế thế giới ngay trong thập kỷ này. Cùng với đó, chuỗi cung ứng toàn cầu được sắp xếp lại trong một trật tự kinh tế toàn cầu lỏng lẻo. Kinh tế nước ta có độ mở lớn, muốn phát triển Việt Nam không thể đứng ngoài xu hướng kinh tế thế giới. Vì vậy, Chính phủ phải nắm bắt thời cơ, kiến tạo động lực mới cho phát triển. Chính phủ cần khẩn trương xây dựng chiến lược, với các giải pháp toàn diện, đồng bộ, kế hoạch và lộ trình thực hiện chi tiết, cụ thể để tạo dựng và phát triển một số ngành, lĩnh vực sẽ đóng vai trò là động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế như: Lĩnh vực công nghệ cao, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; kinh tế tuần hoàn; năng lượng tái tạo.

Với lợi thế của đất nước có tình hình chính trị và môi trường vĩ mô ổn định, môi trường pháp lý đầy đủ, môi trường kinh doanh không ngừng được cải thiện; nền kinh tế năng động, thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng, thành viên của nhiều hiệp định thương mại đa phương và song phương quan trọng có quy mô và tầm vóc; vị trí địa lý thuận lợi, Việt Nam có sức hấp dẫn và thu hút sự quan tâm của nhiều tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới muốn đến đầu tư. Đảng và Nhà nước cần khẩn trương hành động với tư duy đột phá, nắm bắt thời cơ kiến tạo các động lực mới cho phát triển nhanh và bền

vững, không để bỏ lỡ cơ hội dẫn đến tụt hậu.

(7) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội khẩn trương nghiên cứu xu hướng chuyển đổi nhu cầu lao động của thế giới và khu vực; xác định ngành, lĩnh vực ưu tiên phát triển trong những năm tới của toàn nền kinh tế, từng vùng, miền và địa phương; đào tạo nâng cao trình độ và kỹ năng của lực lượng lao động. Đồng thời, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cần nghiên cứu triển khai việc cấp bằng hoặc giấy chứng nhận hành nghề một cách thực chất theo tiêu chuẩn quốc tế, đúng với năng lực chuyên môn và kỹ năng của người lao động. Giải pháp này nâng cao trình độ, góp phần nâng cao tính cạnh tranh của lực lượng lao động trong nền kinh tế.

(8) Chính phủ xây dựng và thực hiện các giải pháp đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Điện là loại năng lượng quan trọng, không thể thiếu trong sản xuất và tiêu dùng. Chính phủ cần dự báo nhu cầu, xây dựng kế hoạch, nhanh chóng thực thi các giải pháp đảm bảo cung ứng đủ điện cho sản xuất và tiêu dùng trong bất kỳ hoàn cảnh nào.

Cùng với đó, Chính phủ khẩn trương xây dựng, ban hành các chính sách, giải pháp để giá điện dẫn vận hành theo cơ chế thị trường; nhanh chóng xây dựng thị trường năng lượng đồng bộ, cạnh tranh, minh bạch, đa dạng hoá hình thức sở hữu và phương thức kinh doanh; nghiên cứu ban hành chế tài, quy định ngành điện phải bồi thường cho doanh nghiệp khi bị cắt điện gây thiệt hại sản xuất.

Cộng đồng doanh nghiệp cần đổi mới công nghệ, đầu tư và sử dụng công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng; tập trung đầu tư chuyển sang sử dụng năng lượng tái tạo để chủ động ứng phó với các biến động không thuận về năng lượng, cắt giảm chi phí do giá năng lượng tăng cao.

Với chủ đề điều hành “Kỷ cương trách nhiệm; chủ động kịp thời; tăng tốc sáng tạo; hiệu quả bền vững” cùng năng lực và kinh nghiệm trong điều hành của Chính phủ và sự đồng hành kịp thời, hiệu quả của Quốc hội; với tinh thần chủ động, linh hoạt, sáng tạo, đương đầu với khó khăn, thách thức của cộng đồng doanh nghiệp, kinh tế Việt Nam sẽ hoá giải được những khó khăn, bất cập, để đạt được tối đa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 đã được Quốc hội thông qua ■





KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI KINH TẾ VIỆT NAM

● **NGUYỄN TÚ ANH(*)**

I. Bối cảnh kinh tế thế giới

Kinh tế thế giới năm 2024 vẫn tăng trưởng nhưng đà tăng trưởng chậm lại. Đây là hệ quả trực tiếp từ các chính sách thắt chặt tiền tệ và tài khóa của các nước sau thời kỳ nới lỏng ồ ạt để vực dậy nền kinh tế sau đại dịch Covid-19. Đồng thời những dự báo này cũng bị ảnh hưởng bởi những dịch chuyển địa chính trị gần đây như xung đột Nga - Ukraine, bùng nổ xung đột tại Trung Đông, Houthi khống chế Biển Đỏ, đối đầu kinh tế giữa Mỹ và Trung Quốc,... Dự báo của Ngân hàng Thế giới

(NHTG) tăng trưởng thế giới năm 2024 chỉ khoảng 2,4% giảm 0,2 điểm phần trăm so với năm 2023 và là năm thứ 3 liên tiếp suy giảm. Trong đó kinh tế Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, đều dự báo giảm tốc độ tăng trưởng. Kinh tế Ấn Độ vẫn giữ được đà tăng trưởng, kinh tế châu Âu cũng khởi sắc nhưng tốc độ tăng trưởng còn thấp.

Như vậy, dẫn dắt kinh tế thế giới vẫn chủ yếu là do các nền kinh tế mới nổi, trong đó vai trò của Ấn Độ ngày càng lớn. Tốc độ tăng trưởng của các nền kinh tế mới nổi được dự báo giảm

nhẹ so với năm 2023 nhưng vẫn cao hơn nhiều nhóm các nước phát triển. Nhóm EM7 chỉ có duy nhất Ấn Độ được dự báo có tốc độ tăng trưởng cao hơn năm 2023. Sự tăng trưởng chậm lại của kinh tế Trung Quốc là yếu tố lớn nhất làm chậm lại đà tăng trưởng toàn cầu.

Thương mại thế giới năm 2023 rơi vào trì trệ chỉ tăng 0,2% trong đó thương mại hàng hóa giảm 2,2%. Năm 2024 tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm ở các nước phát triển chủ yếu do giảm tiêu dùng dịch vụ (những nước này dịch vụ đóng góp 70-

(*) Tiến sỹ, Giám đốc Trung tâm Thông tin, Phân tích và Dự báo kinh tế

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng một số nước trên thế giới ước tính 2023 và dự báo 2024

Những nước phát triển			Những nước đang phát triển (ĐPT)		
	2023	2024		2023	2024
<i>Nước phát triển</i>	1,5	1,2	<i>Nền kinh tế mới nổi và ĐPT</i>	4,0	3,9
Mỹ	2,5	1,6	EM7	4,9	4,1
Khu vực đồng Euro	0,4	0,7	Trung Quốc	5,2	4,5
Nhật	1,8	0,9	Ấn Độ	6,3	6,4
Thế giới	2,6	2,4	Indonesia	5,0	4,9

Nguồn: World Economic Pespective 2024, NHTG. EM7 gồm nhóm 7 nền kinh tế mới nổi có ảnh hưởng lớn: Brazil, Trung Quốc, Ấn Độ, Mexico, Indonesia, Nga và Thổ Nhĩ Kỳ.

80% GDP) nhưng tiêu dùng hàng hóa được dự báo sẽ tăng trở lại (tốc độ tăng cao là do năm 2023 giảm mạnh, tạo nền so sánh thấp cho năm 2024).

Hình 1 cho thấy chỉ số PMI ngành dịch vụ toàn cầu đạt đỉnh vào tháng 5/2023 và bắt đầu giảm mạnh từ đó và xuống dưới ngưỡng 50 điểm vào tháng 9/2023. Trong khi đó chỉ số PMI của ngành công nghiệp chế biến chế tạo mặc dù vẫn nằm dưới ngưỡng 50 điểm nhưng đã cải

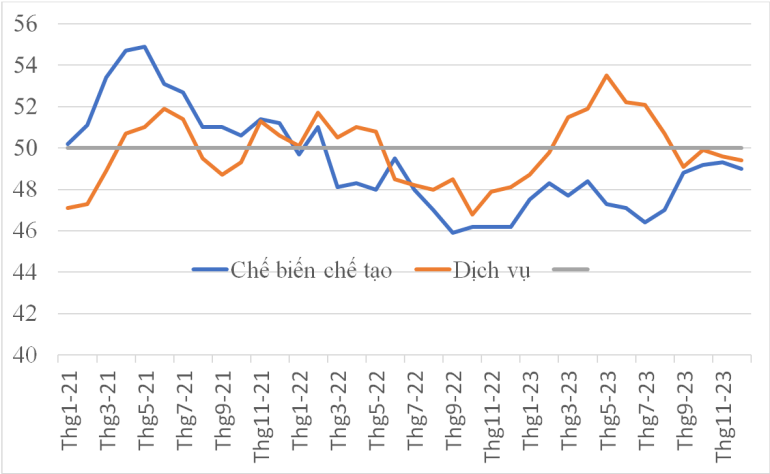
thiện đáng kể từ tháng 7 năm 2023 và số liệu cập nhật mới nhất cho thấy PMI ngành này đã vượt qua ngưỡng 50 từ tháng 1/2024 và đạt 50,2 vào tháng 2/2024. Sự phục hồi của ngành công nghiệp chế biến chế tạo được dẫn dắt bởi hoạt động đầu tư gia tăng khi lãi suất và chi phí vốn được dự kiến sẽ giảm.

Những yếu tố này đóng góp vào dự báo tăng trưởng thương mại quốc tế năm 2024 tích cực hơn so với năm 2023 và ước

đạt khoảng 2,3%. Đây là điều kiện thuận lợi cho các nước phụ thuộc vào thương mại quốc tế như Việt Nam.

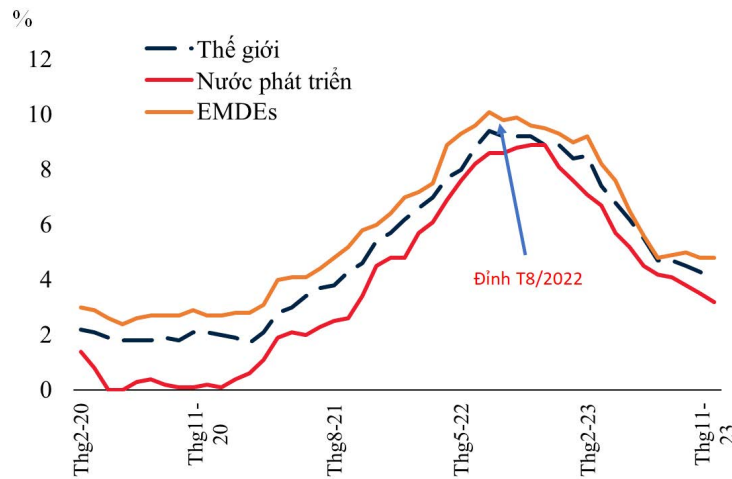
Sức ép lạm phát năm 2024 giảm mạnh ở các nước phát triển và các nền kinh tế mới nổi. Điều này cho phép các nước từng bước nới lỏng chính sách tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng. Sức ép lạm phát giảm chủ yếu do kinh tế Trung Quốc giảm tốc, nguồn tiết kiệm của người dân các nước phát triển do bị phong

Hình 1: Chỉ số PMI Ngành Chế biến chế tạo và Dịch vụ



Nguồn: World Economic Pespective 2024, NHTG

Hình 2: Lạm phát tại các nước phát triển và mới nổi



Nguồn: Ngân hàng Thế giới

tòa thời kỳ Covid-19 đã được tiêu dùng hết, nhu cầu bị nén trong thời kỳ covid-19 đã được giải tỏa hết trong 2022-2023.

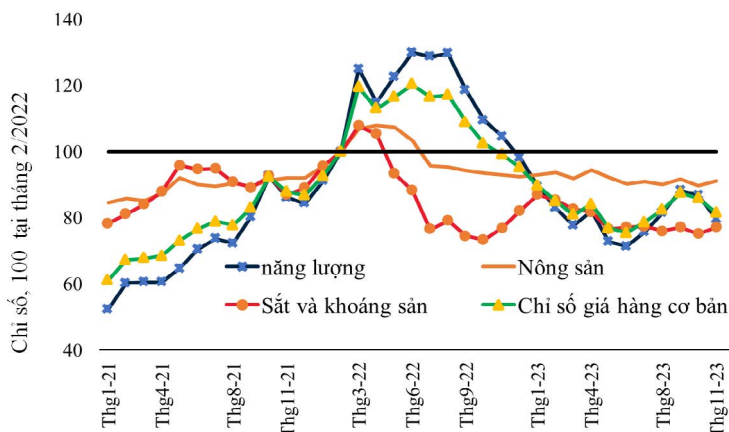
Nhu cầu thế giới tăng chậm lại cũng làm cho giá các đầu vào quá trình sản xuất giảm. Trong đó giá hàng hóa cơ bản năm 2024 được dự báo giảm 3,3% và giá năng lượng được dự báo giảm 3,8% so với năm 2023. Giá dầu Brent trung bình năm 2024 dự kiến chỉ đạt khoảng 81USD/thùng giảm 2,1 USD/thùng so với năm 2023. Mức giá các hàng đầu vào sẽ có xu hướng giảm sút hơn so với trước đại dịch Covid-19. Tới tháng 2/2024 chỉ số giá năng lượng tiếp tục giảm 1,13% so với tháng 12/2023 trong khi chỉ số giá hàng cơ bản trong 2 tháng đầu năm giảm nhẹ khoảng 0,1% so với tháng 12/2023. Sự sụt giảm giá đầu vào trên thị trường quốc tế là yếu tố thuận lợi cho những nước có đầu vào quá trình sản xuất chủ yếu phụ thuộc vào nhập khẩu như Việt Nam.

Về mặt địa lý thì châu Á đóng góp 2/3 tăng trưởng toàn cầu vào năm 2023 và tiếp tục đà tăng trưởng, dẫn dắt tăng trưởng toàn cầu. Mặc dù vậy khu vực này sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức từ tỷ giá USD tăng cao, nhu cầu toàn cầu yếu hơn, thanh khoản toàn cầu thắt chặt và sự phân hóa địa chính trị. Căng thẳng thương mại Mỹ-Trung và vấn đề Mỹ hạn chế về công nghệ đã thúc đẩy nhiều tập đoàn đa quốc gia và cả các nhà sản xuất Trung Quốc đa dạng hóa nguồn cung sản xuất của họ hướng chuỗi cung ứng tới Đông Nam Á và Ấn Độ. Các doanh nghiệp châu Á đang tích cực thích ứng với trật tự thế giới mới bằng cách cải tổ chuỗi cung ứng của họ để nâng cao lợi thế cạnh tranh và phòng ngừa rủi ro địa chính trị.

Đáng chú ý, trái ngược với xu hướng FDI chảy vào chậm lại, đầu tư trực tiếp ra nước ngoài (ODI) của Trung Quốc vào ASEAN đã tăng với tốc độ tăng

trường kép hàng năm CAGR đạt 8% từ năm 2018 đến năm 2022 kể từ khi bắt đầu căng thẳng thương mại Mỹ-Trung, mở rộng lên 18,7 tỷ USD vào năm 2022 hoặc 11% tổng ODI của Trung Quốc. Các công ty dệt may, điện tử tiêu dùng và xe điện hàng đầu của Trung Quốc đang đầu tư mạnh vào ASEAN. Bên cạnh đó dòng vốn của các nhà đầu tư nước ngoài cũng đang chảy ra khỏi Trung Quốc với tốc độ ngày càng lớn. Kể từ tháng 4/2022 dòng vốn ròng liên tục chảy ra khỏi Trung Quốc lũy kế đến tháng 12/2024 thì tổng dòng vốn ròng chảy ra khỏi Trung Quốc đã đạt 1697,2 tỷ USD. Đây là một con số khổng lồ và sẽ ảnh hưởng lâu dài đến đà tăng trưởng của Trung Quốc. Dòng vốn này rút ra khỏi Trung Quốc đang là nguyên nhân cơ bản gây ra nguy cơ sụp đổ thị trường bất động sản tại Trung Quốc khi cầu giảm đột ngột. Dòng vốn ra khỏi Trung Quốc buộc phải tìm cơ hội tại các nền kinh tế khác, khu

Hình 3: Giá một số mặt hàng cơ bản trên thế giới



Nguồn: Ngân hàng Thế giới

vực Đông Nam Á và Ấn Độ là những đích đến quan trọng của dòng vốn này.

Về vận tải quốc tế đang bị ảnh hưởng bởi xung đột tại Trung Đông, khi lực lượng Houthis trong nỗ lực ủng hộ người Palestines đã cố gắng phong tỏa Biển Đỏ, tấn công nhằm vào các tàu chở hàng và tàu chở dầu đi qua đây. Điều này buộc hàng trăm tàu phải tránh kênh đào Suez, một trong những tuyến đường thủy quan trọng nhất thế giới. Thay vào đó, những con tàu này đang bị buộc phải định tuyến lại quanh miền Nam châu Phi - một đường vòng dài có thêm 4.000 dặm cho mỗi hành trình, làm tăng đáng kể thời gian vận chuyển và chi phí vận chuyển hàng hóa.

Kênh đào Suez (nối liền Biển Đỏ) là tuyến đường biển nhanh nhất giữa châu Á và châu Âu, đặc biệt quan trọng trong việc vận chuyển dầu và khí tự nhiên hóa lỏng (LNG). Kênh đào Suez có khoảng 10% thương mại toàn cầu (17,000 tàu/năm) đi qua mỗi

năm. Bất kỳ con tàu nào đi qua Kênh đào Suez đến hoặc đi từ Ấn Độ Dương đều phải đi qua eo biển Bab al-Mandab và Biển Đỏ. Theo S&P Global Market Intelligence, gần 15% hàng hóa nhập khẩu vào châu Âu, Trung Đông và Bắc Phi được vận chuyển từ châu Á và vùng Vịnh bằng đường biển, đa phần là đi qua Biển Đỏ. Hiện tại các hãng tàu lớn qua Biển Đỏ đều đã chuyển sang đi đường khác qua Mũi Hảo Vọng, dài hơn đường cũ 6,300 km, lâu hơn 10 ngày. Chỉ số giá cước vận chuyển container đến Trung Quốc hiện đã tăng mạnh 124% so với trước đó, tương tự những gì đã xảy ra trong 2021. Nếu tình trạng căng thẳng tiếp tục diễn ra, nhiều khả năng giá cước container từ châu Á sang châu Âu, Mỹ sẽ còn tăng tiếp, tạo áp lực lên lạm phát chung của thế giới.

II. Kinh tế Việt Nam 2024

II.1. Những yếu tố thuận lợi

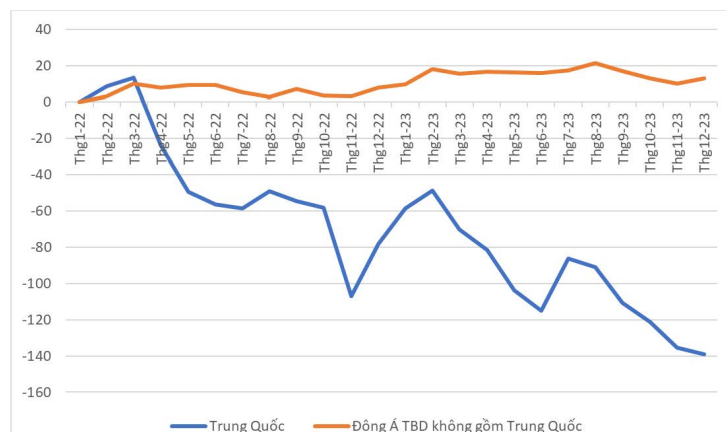
Kinh tế Việt Nam năm 2023 bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi sụt giảm nhu cầu hàng hóa trên thế

giới. Xuất khẩu giảm mạnh 4,4% và nhập khẩu giảm 8,9%. Đây là lần đầu tiên hoạt động xuất khẩu của Việt Nam giảm trong suốt gần 40 năm đổi mới. Với nền kinh tế mà tỷ lệ thương mại quốc tế chiếm đến 185% GDP như Việt Nam thì sự sụt giảm xuất khẩu và nhập khẩu như trên sẽ tác động rất lớn đến kinh tế trong nước. Tuy nhiên nhờ các chính sách thúc đẩy đầu tư nội địa, đặc biệt là đầu tư công đã tăng 23,5% so với năm 2022 đã giúp nền kinh tế vẫn đạt tốc độ tăng trưởng trên 5%.

II.1.1. Xuất khẩu

Xuất khẩu và đầu tư nước ngoài bắt đầu có tăng trưởng dương (hàng tháng so với cùng kỳ) bắt đầu từ tháng 9/2023. Sự phục hồi của xuất khẩu kéo theo phục hồi xuất khẩu. Đồng thời giải ngân đầu tư nước ngoài trong 6 tháng đầu năm 2023 giảm nhưng bắt đầu tăng nhanh trong 6 tháng cuối năm và cả năm đã tăng 3,5% so với năm 2022. Đà gia tăng xuất khẩu và đầu tư nước ngoài dự kiến sẽ

Hình 4: Dòng vốn ròng vào Trung Quốc và EAP không kể Trung Quốc



Nguồn: Ngân hàng Thế giới

tiếp tục tăng trong năm 2024 và là động lực quan trọng cho tăng trưởng năm 2024. Trong 2 tháng đầu năm 2024 xuất khẩu đã tăng 19,2% so với cùng kỳ được hỗ trợ bởi chính mặt hàng công nghiệp. Dự kiến năm 2024 xuất khẩu tăng trưởng khoảng 11%-12%.

II.1.2. Đầu tư công

Trong các cấu phần của tổng cầu: Đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu thì năm 2023 tiêu dùng và xuất khẩu đều yếu. Tổng mức tiêu dùng cuối cùng của cả nước năm 2023 chỉ tăng 3,52%, trong khi xuất khẩu giảm 4,4% và tổng đầu tư toàn xã hội tăng 6,2%. Như vậy động lực tăng trưởng chính từ hoạt động đầu tư, và động lực chính kéo hoạt động đầu tư tăng cao là nhờ đầu tư công. Cả năm 2023 tổng vốn đầu tư phát triển chỉ tăng 6,2% chỉ bằng khoảng 60% của tốc độ tăng trong những năm trước Covid-19, trong đó đầu tư tư nhân và dân cư chỉ tăng 2,7%, đầu tư trực tiếp nước ngoài chỉ tăng 5,4% và đầu tư vốn ngân

sách nhà nước tăng 21,2%, vốn đầu tư công tăng 23,5%.

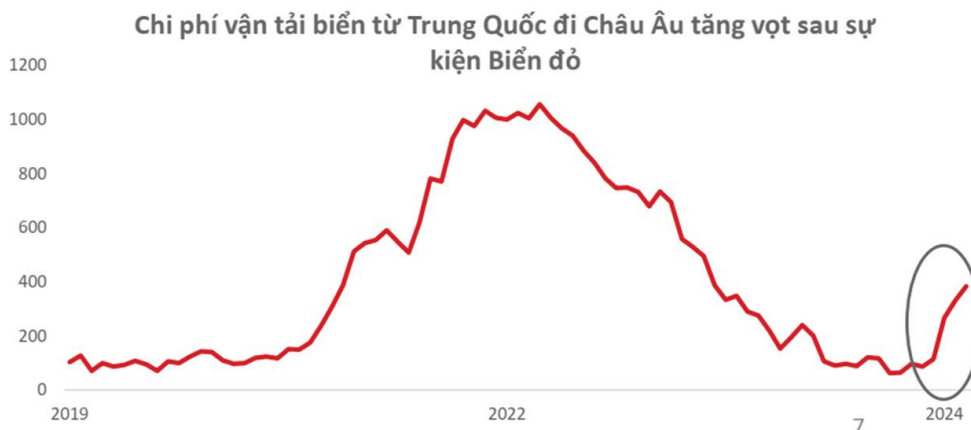
Năm 2024 đã giải ngân đầu tư công sẽ tiếp tục được duy trì khi các dự án lớn cơ bản đã khắc phục được các vướng mắc (Sân bay Long Thành, Cao tốc Bắc Nam, Cao tốc Đông Tây, vành đai 4 khu vực Hà Nội, vành đai 3, vành đai 4 khu vực Thành phố Hồ Chí Minh...), do đó năm 2024 được kỳ vọng là năm tăng tốc giải ngân đầu tư công. Trong tháng 02 đầu năm 2024, số liệu của GSO cho thấy Tổng vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước 2 tháng đầu năm 2024 ước đạt 59.8 nghìn tỷ đồng, bằng 8,4% kế hoạch năm và tăng 2,1% YoY, trong đó tỷ lệ ước giải ngân vốn đầu tư công 02 tháng kế hoạch năm 2024 đạt 8,7% tổng kế hoạch. Mức tăng này chưa thực sự như kỳ vọng nhưng giai đoạn 3 tháng đầu năm thường giải ngân chậm do tính chu kỳ của thanh toán, và hoạt động của doanh nghiệp. Ước tính tốc độ giải ngân năm 2024 tăng khoảng 20% so với năm 2023.

II.1.3. Đầu tư nước ngoài và đầu tư tư nhân

Tương tự, đã giải ngân vốn đầu tư nước ngoài cũng được kỳ vọng tăng nhanh trong năm 2024 khi Việt Nam đồng loạt nâng cấp đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ, Nhật, làm sâu sắc thêm quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc, ... Số liệu trong 2 tháng đầu năm 2024 cho thấy đà tăng này đang được duy trì. Cụ thể, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/02/2024 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 4.29 tỷ USD, tăng 38,6% YoY. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 2 tháng năm 2024 ước đạt 2,8 tỷ USD, tăng 9,8% so với cùng kỳ. Có thể thấy, Việt Nam đang nắm bắt nhanh xu hướng dịch chuyển đầu tư ra khỏi Trung Quốc và dòng vốn đầu tư từ các đối tác công nghệ nguồn như Mỹ và châu Âu.

Đầu tư tư nhân cũng có hai

Hình 5: Chi phí vận tải tăng sau sự kiện Biển Đỏ



Nguồn: J.P Morgan, ASEAN Research

yếu tố thuận lợi đó là mặt bằng lãi suất giảm mạnh và kỳ vọng vào tăng trưởng kinh tế rất tích cực. Ngân hàng Nhà nước từ năm 2023 đến nay vẫn kiên định chính sách nới lỏng tiền tệ thận trọng, giảm dần lãi suất trên thị trường liên ngân hàng, củng cố thanh khoản và nhờ đó giảm lãi suất cho vay. Lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn 3 tháng liên tục thể hiện xu hướng giảm dần từ đầu năm 2023 đến hết tháng 2/2024. Các kỳ hạn khác cũng tương tự, tuy nhiên trong tháng 2 do nhu cầu tiền mặt trước tết và sau

tết tăng vọt nên tạo khan hiếm thanh khoản tạm thời, làm tăng nhẹ lãi suất trên thị trường liên ngân hàng nhưng lãi suất vẫn ở vùng thấp, tạo điều kiện hỗ trợ lãi suất cho vay.

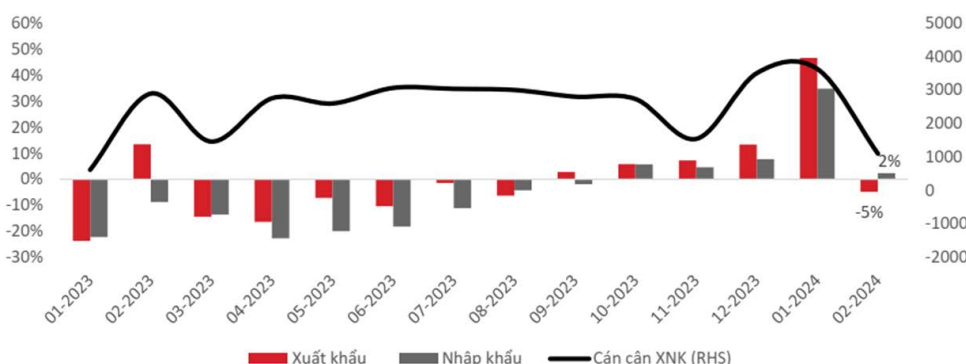
Giải ngân tín dụng từ tháng 8/2023 đến hết tháng 12/2023 liên tục tăng cao đột biến (so với cùng kỳ). Hai tháng đầu năm 2024 tốc độ giải ngân vẫn tăng trên 13%. Điều này cho thấy kỳ vọng đầu tư và tiêu dùng năm 2024 là tích cực.

II.1.4. Tiêu dùng và du lịch

Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ so với cùng kỳ 2 tháng năm 2024 tăng 8.5% theo giá thực tế và 5% nếu loại trừ yếu tố tăng giá. Mức tăng này không cao so với thời kỳ trước covid-19 (khoảng 12%) nhưng rất đáng khích lệ trong bối cảnh hiện nay.

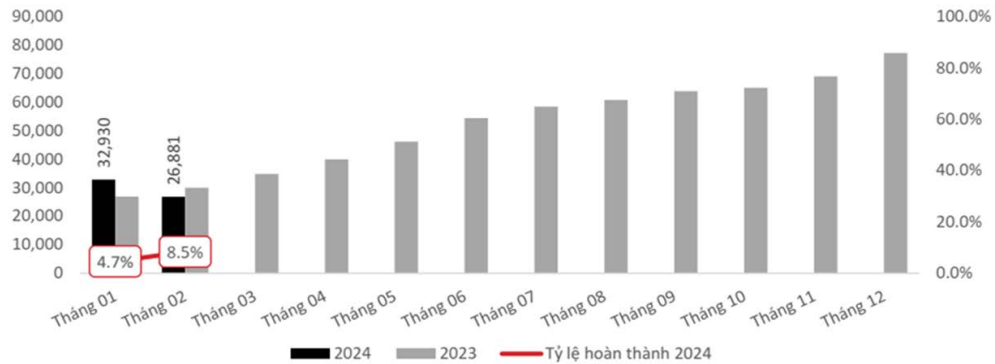
Du lịch quốc tế được xem là động lực tăng trưởng quan trọng của kinh tế nước ta trong năm 2024. Dự kiến cả năm 2024 lượng khách quốc tế đến Việt Nam ước đạt mức trước đại dịch Covid-19 (khoảng 18 triệu lượt

Hình 6: Tăng trưởng xuất khẩu nhập khẩu của Việt Nam từ 2023



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Hình 7: Tốc độ giải ngân vốn đầu tư công 2023-2024



Nguồn: ASEAN Research

khách) với mức tăng dự kiến khoảng 40%-45%. Khách quốc tế đến nước ta 2 tháng năm 2024 ước đạt hơn 3 triệu lượt người, tăng 68.7% so với cùng kỳ năm trước và bằng 98.5% so với cùng kỳ năm 2019 – năm chưa xảy ra dịch Covid-19 là chỉ số dẫn báo tích cực cho ước tính nói trên.

II.1.5. Tổng cung

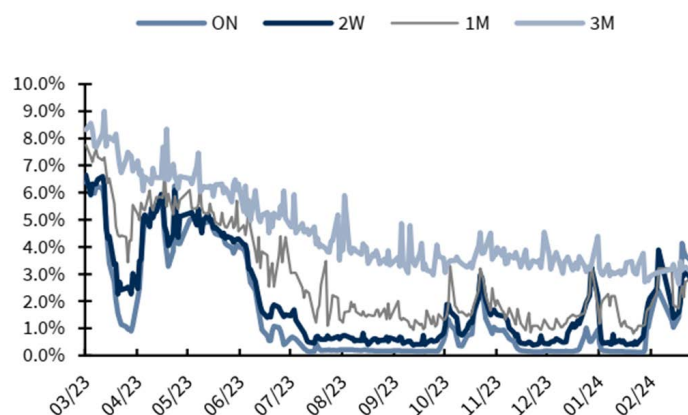
Cùng với sự phục hồi của xuất khẩu, ngành công nghiệp cũng từng bước lấy lại đà tăng trưởng. Bắt đầu từ tháng 5/2023 chỉ số sản xuất công nghiệp bắt đầu tăng trưởng dương và

duy trì đà tăng tháng sau cao hơn tháng trước cho đến tháng 1/2024. Trong tháng 2/2024 do hiệu ứng Tết Nguyên đán, thời gian làm việc trong tháng 2 chỉ còn 16 ngày trong khi số ngày làm việc của tháng 2/2023 là 20 ngày, nên chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 02/2024 giảm 18% so với tháng trước và giảm 6.8% so với cùng kỳ. Loại trừ yếu tố Tết Nguyên đán, tính chung trong 2 tháng đầu năm 2024 thì chỉ số sản xuất công nghiệp vẫn tăng 5,7%. Mặc dù mức tăng này còn nằm dưới khá xa những

năm trước Covid-19, nhưng xu hướng tăng vẫn đang được cải thiện.

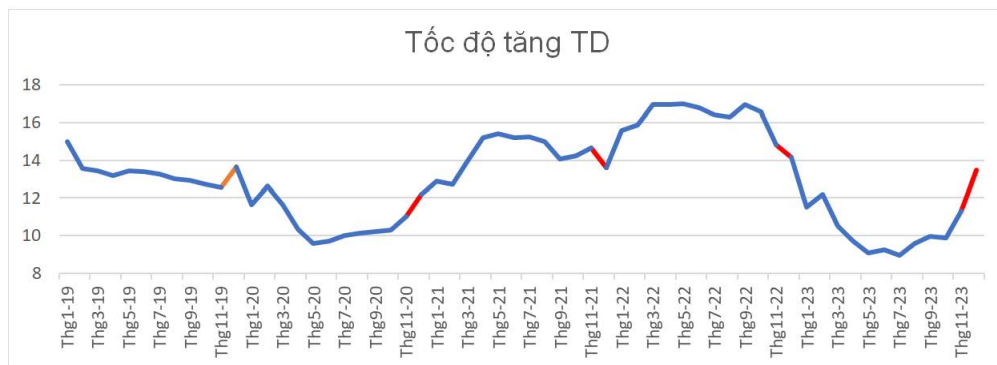
Điều đáng chú ý đó là ngành sản xuất truyền tải và phân phối điện có sự tăng vọt trong tháng 1 cho thấy các hoạt động sản xuất kinh doanh đã hồi phục mạnh mẽ làm tăng nhu cầu tiêu thụ điện năng. Các ngành công nghiệp chế biến chế tạo vẫn duy trì đà tăng liên tục từ tháng 6/2023 đến hết tháng 1. Sự sụt giảm trong tháng 2 chủ yếu do yếu tố Tết Nguyên đán như đã nói ở trên.

Hình 8: Lãi suất liên ngân hàng các kỳ hạn



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Hình 9: Tốc độ tăng dư nợ tín dụng 2023



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Chỉ số PMI cả năm 2023 cơ bản là nằm dưới ngưỡng tiêu cực (50 điểm) nhưng 2 tháng đầu năm 2024 đã vượt qua ngưỡng này và nằm ở vùng tích cực. Mặc dù chỉ số này trong tháng 2/2023 vẫn chỉ mới đạt 50,4 điểm. Số lượng đơn đặt hàng mới kéo theo sản lượng ghi nhận tăng nhẹ hai tháng liên tiếp, điều này được cho rằng bởi do số lượng đơn đặt hàng mới từ nước ngoài đã cải thiện. Bên cạnh đó, số lượng đơn đặt hàng mới tăng đã khuyến khích các nhà sản xuất tăng số lượng nhân viên lần đầu tiên trong bốn tháng, và mức

tăng là cao nhất trong thời gian một năm.

Hoạt động giao thương cũng cho thấy bắt đầu sôi động trở lại từ tháng 6/2023 khi số lượng luân chuyển hàng hóa và hành khách tăng trưởng liên tục và tốc độ tăng theo xu hướng đi lên. Đỉnh điểm luân chuyển hành khách tháng 11/2023 tăng khoảng 40% so với cùng kỳ 2022. Tốc độ tăng này có giảm trong tháng 12/2023 và tháng 1/2024 nhưng đã có dấu hiệu tăng trở lại từ tháng 2/2024. Tốc độ luân chuyển hàng hóa thì tiếp tục đã

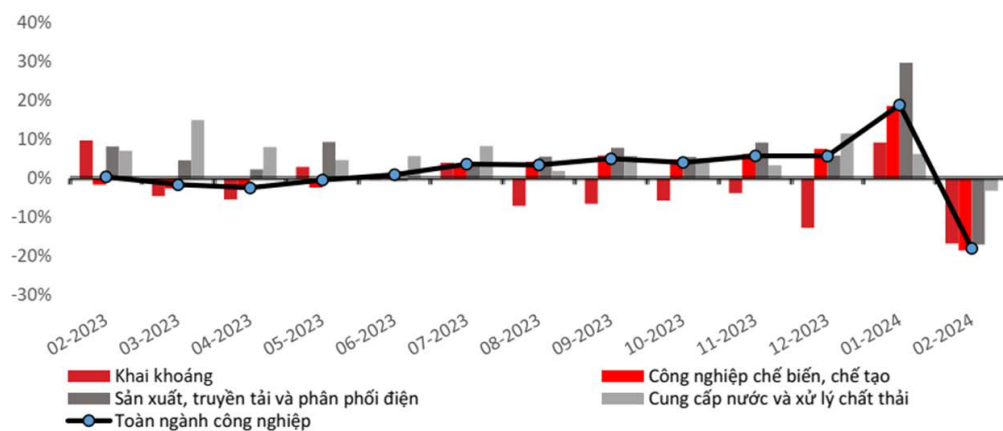
tăng liên tục từ tháng 10/2023. Luân chuyển hành khách tháng 2/2024 đạt 23.7 tỷ lượt khách/km, tăng 10.2% MoM trong khi luân chuyển hàng hóa ước đạt 41.1 tỷ tấn.km tăng khoảng 11%. Đây là tín hiệu sớm phản ánh hoạt động giao thương trong nước đang có dấu hiệu tích cực trở lại.

II.2. Những thách thức và rủi ro

II.2.1. Rủi ro từ bên ngoài

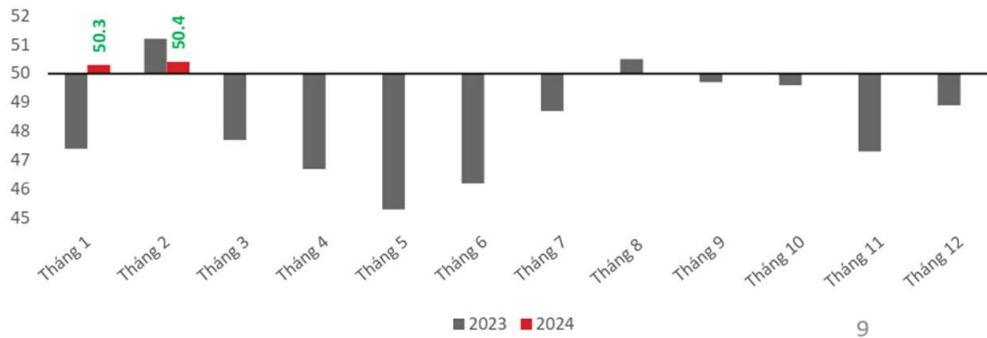
Rủi ro lớn nhất từ bên ngoài đó là đứt gãy chuỗi cung ứng do xung đột tại Trung Đông lan

Hình 10: Chỉ số sản xuất công nghiệp T2-2023 đến T2-2024



Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê

Hình 11: Chỉ số PMI 2023-2024



Nguồn: Tổng hợp từ S&P Global.

rộng và nguy cơ leo thang xung đột tại Ukraine khi NATO thành đối đầu trên thực địa giữa Nga và các nước NATO. Rủi ro này có thể đẩy giá cước vận tải, giá nhiên liệu tăng vọt, mất cân đối nguồn cung containers như đã từng xảy ra trong năm 2021. Thương mại thế giới có thể bị gián đoạn, các hoạt động đầu tư nước ngoài bị đình trệ. Rủi ro này được 25% các nhà lãnh đạo trên thế giới tham gia Diễn đàn Kinh tế Thế giới dự báo.

Bên cạnh đó cũng tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới thời tiết cực đoan được 66% nhà lãnh

đạo thế giới nhất trí là rủi ro lớn nhất đối với Thế giới năm 2024. Đa số các nền kinh tế trên thế giới, trong đó có Việt Nam chưa có sự chuẩn bị để ứng phó với hậu quả của hiện tượng thời tiết khắc nghiệt lên nguồn cung ứng lương thực, cơ sở hạ tầng.

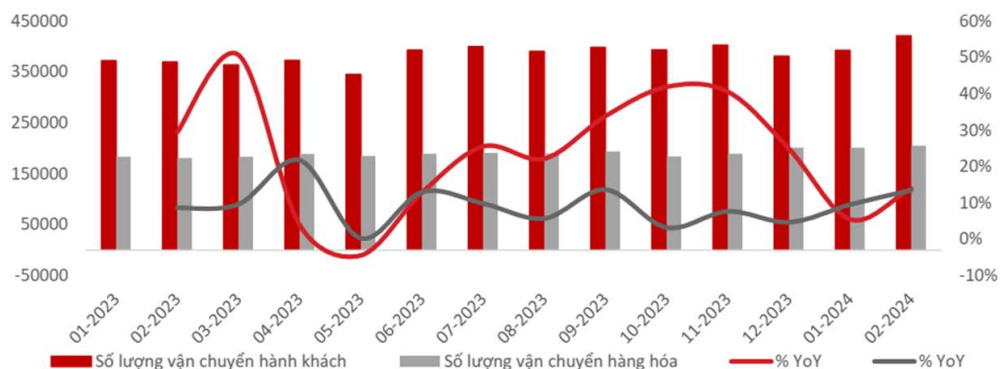
Những yếu tố trên đây thúc đẩy rủi ro suy thoái kinh tế toàn cầu tăng cao. 33% trong số gần 1500 nhà lãnh đạo tham gia Diễn đàn kinh tế Thế giới vừa qua cho rằng đây là một nguy cơ gây ra khủng hoảng quy mô toàn cầu.

II.2.2. Thách thức trong nước

Rủi ro đối với nền kinh tế

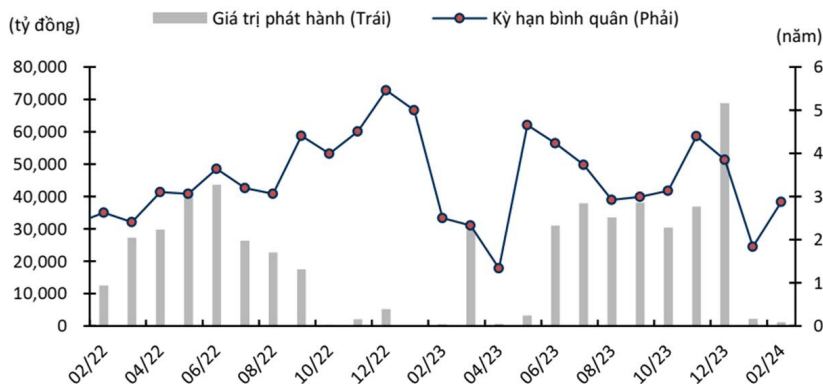
trong nước, ngoài bị ảnh hưởng bởi các yếu tố bên ngoài như xung đột địa chính trị, biến đổi khí hậu, suy thoái kinh tế thế giới thì nội tại kinh tế nước ta đang đối diện với 2 thách thức chính đó là thị trường bất động sản và thị trường Trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) vẫn còn nhiều bất cập. Khi hai thị trường này chưa được khơi thông thì sẽ hạn chế khả năng tiếp cận vốn, đặc biệt là vốn dài hạn của doanh nghiệp, do bất động sản là tài sản chính làm tài sản thế chấp. Trong khi thị trường TPDN là thị trường chính cung cấp vốn

Hình 12: Hoạt động luân chuyển hàng hóa và hành khách 2023-2024



Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê

Hình 13: Kết quả phát hành Trái phiếu doanh nghiệp



Nguồn: Tổng hợp từ Fiin Group

dài hạn cho doanh nghiệp, khi thị trường này bế tắc thì doanh nghiệp sẽ không có nguồn vốn dài hạn quan trọng này để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh do đó cũng không có nhu cầu vay vốn ngắn hạn.

Đối với thị trường bất động sản có 4 vướng mắc vẫn chưa được xử lý rốt ráo. *Thứ nhất*, mặc dù Luật Đất đai vừa được ban hành nhưng việc xác định giá đất vẫn chưa rõ ràng, các phương pháp thiếu dữ liệu cụ thể, tin cậy dẫn đến khó xác định giá thị trường nên các cơ quan chức năng, doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong thực hiện.

Thứ hai, vướng mắc về quy hoạch. Hiện nay vẫn tồn tại nhiều dự án bất động sản ở một số địa phương không theo quy hoạch và kế hoạch, chưa phù hợp với nhu cầu của thị trường và chưa có hướng giải quyết. Bên cạnh đó còn có sự mâu thuẫn giữa quy hoạch cấp dưới với quy hoạch cấp trên.

Thứ ba, vướng mắc về đầu tư. Vướng mắc trong cho phép điều chỉnh tiến độ dự án đối với

thường hợp khách quan. Trình tự thủ tục còn được quy định tại nhiều văn bản pháp luật khác nhau, qua nhiều bước nên thời gian thực hiện thủ tục đầu tư dài.

Thứ tư, vướng mắc về thông tin. Cho đến nay việc thực hiện tổng hợp thông tin về đất đai đến từng thửa đất vẫn chưa thực hiện được. Do đó thị trường bất động sản còn nhiều khó khăn và không đáp ứng nhu cầu thực tiễn, gây ra nhiều bất cập trong công tác điều hành và quản lý thị trường bất động sản, làm thất thu ngân sách Nhà nước.

Về thị trường TPDN vẫn chưa có giải pháp đột phá khi một số điều khoản trong Nghị định 65/2023/NĐ-CP có hiệu lực trở lại khiến cho quy định về phát hành TPDN khắt khe hơn. Các doanh nghiệp sẽ rất khó khăn trong việc tiếp cận vốn trên thị trường này. Thị trường TPDN sơ cấp suy giảm trong tháng 2/2024 với tổng giá trị phát hành chỉ đạt 1165 tỷ đồng (-45.8% MoM) với kỳ hạn bình quân là 2.87 năm. Trong đó, chỉ có 3 đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ do 3 doanh

nh nghiệp thuộc nhóm ngành xây dựng, vận tải cảng biển và thương mại dịch vụ.

Bên cạnh việc khó phát hành, các doanh nghiệp còn đối diện với sức ép mua lại TP và thanh toán trái phiếu đáo hạn rất lớn. Trong năm 2024 ước tính có khoảng 279 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn với hơn 115 nghìn tỷ làm trái phiếu doanh nghiệp bất động sản (chiếm 41.4%), tiếp theo là nhóm tổ chức tài chính với hơn 81 nghìn tỷ (chiếm 29%). Số liệu trên chưa tính những khoản đáo hạn “lần 2” sau khi được gia hạn, cho nên áp lực đáo hạn trong năm nay thực chất sẽ cao hơn so với con số trên phản ánh.

Với những khó khăn, thuận lợi và rủi ro đã nêu ở trên thì kinh tế Việt Nam năm 2024 cơ bản có nhiều yếu tố thuận lợi, có khả năng đạt được tốc độ tăng trưởng mục tiêu là 6,5%. Tuy nhiên cần có các phương án điều hành dự phòng để ứng phó kịp thời với các rủi ro có thể xảy ra ■



PHÁT HUY TIỀM NĂNG, LỢI THẾ, NỘI LỰC, PHẤN ĐẤU TRONG NĂM 2024 HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC GIANG LẦN THỨ XIX, NHIỆM KỲ 2020-2025

● **DƯƠNG VĂN THÁI^(*)**

Tỉnh Bắc Giang thuộc Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, nằm trong vùng Thủ đô Hà Nội, trên tuyến hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội và sân bay quốc tế Nội Bài khoảng 50km, cách cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) 110km và cách cảng Hải Phòng 140km. Bắc Giang có diện tích tự nhiên gần 4.000 km² (đứng

thứ 36 cả nước); dân số khoảng 02 triệu người (đứng thứ 12 cả nước), trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 14%. Toàn tỉnh có 10 đơn vị hành chính cấp huyện (08 huyện, 01 thị xã và 01 thành phố), trong đó có 06 huyện miền núi, 01 huyện nghèo vùng cao (huyện Sơn Động). Đảng bộ tỉnh có 14 đảng bộ trực thuộc với trên 88.000 đảng viên.

Cùng với cả nước, tỉnh Bắc

Giang bước vào nhiệm kỳ 2020-2025 trong bối cảnh phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do những bất ổn của tình hình thế giới, khu vực, đặc biệt là ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, suy thoái kinh tế thế giới,... đã tác động tiêu cực đến sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đời sống của Nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Với quyết tâm cao và khát vọng vươn

(*) Tiến sỹ, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang

lên mạnh mẽ, Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân tỉnh Bắc Giang đã phát huy tinh thần đoàn kết, quyết tâm, đổi mới sáng tạo; tích cực tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của Trung ương và cả nước; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả các mặt công tác, đạt được nhiều thành tựu quan trọng, toàn diện trên các lĩnh vực. Ngay đầu nhiệm kỳ, Bắc Giang đã ghi dấu ấn là điểm sáng của cả nước về chống dịch Covid-19 và thực hiện “mục tiêu kép”. Năm 2021, mặc dù rất khó khăn, có thời điểm Bắc Giang là tâm dịch của cả nước, song tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm GRDP của tỉnh vẫn đạt 8,52% *(trong nhóm 10 tỉnh, thành phố tăng trưởng dẫn đầu cả nước)*; năm 2022 đạt 20,1%, đứng thứ 2 cả nước; năm 2023 đạt 13,45%, đứng đầu cả nước. Quy mô GRDP được mở rộng, vươn lên vị trí 12 cả nước *(tăng 1 bậc so với năm 2022, vượt 03 bậc so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra đến năm 2025)*, giữ vững vị trí dẫn đầu các tỉnh khu vực trung du và miền núi Bắc Bộ. Cả ba khu vực kinh tế đều có bước phát triển, trong đó: Công nghiệp khẳng định rõ nét vai trò là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Nông nghiệp phát triển ổn định, là trụ đỡ của nền kinh tế; hàng hóa nông sản được mùa, được giá, tiêu thụ thuận lợi. Dịch vụ phục hồi nhanh, phát triển đa dạng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của doanh nghiệp, Nhân dân. Bắc Giang là tỉnh đầu tiên trong cả nước được Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; hạ tầng giao thông đối nội, đối ngoại, giao thông nông thôn được đầu tư mạnh mẽ, có bước phát triển mang tính đột phá cả về mạng lưới, quy mô và chất lượng đầu tư; cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động tiếp tục chuyển dịch mạnh theo hướng tích cực. Môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh cải thiện mạnh mẽ; các chỉ số đánh giá cấp tỉnh đều có sự cải thiện tích cực: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tăng 29 bậc, vươn lên vị trí thứ 02/63 tỉnh, thành phố; chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) tăng 3 bậc, đứng thứ 4/63 tỉnh, thành phố; chỉ số chuyển đổi số (DTI) tiếp tục duy trì trong top 10 cả nước,... Bắc Giang đang là địa phương thu hút được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư; năm 2023, thu hút vốn đầu tư FDI của tỉnh đứng thứ 4 cả nước; kim ngạch xuất, nhập khẩu đứng thứ 06 cả nước. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được tập trung, ưu tiên đầu tư, ngày càng phát triển đồng bộ, hiện đại. Diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều đổi mới.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ; an sinh xã hội được quan tâm thực hiện tốt; tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 2,63%. Công tác đối ngoại được tăng cường, mở rộng; quốc phòng, an ninh được bảo đảm, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng đạt nhiều kết quả quan trọng; hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở được củng cố, tăng cường; tỷ lệ trưởng thôn, tổ

trưởng tổ dân phố là đảng viên đạt 94,8%, cao nhất từ trước đến nay. Đặc biệt, lòng tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp được nâng lên; khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố vững chắc; hình ảnh, vị thế của tỉnh tiếp tục được khẳng định và nâng lên tầm cao mới.

Những thành tích, kết quả đạt được sau 03 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 là nền tảng quan trọng, nhân lên niềm tin và khát vọng, tạo ra khí thế mới, động lực mới để Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang quyết tâm khắc phục mọi khó khăn, thách thức, phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra ngay trong năm 2024. Trong đó, Đảng bộ tỉnh Bắc Giang xác định sẽ tranh thủ hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, phát huy tối đa nội lực, triển khai thực hiện hiệu quả một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Thứ nhất, bám sát và triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, trong đó chú trọng gắn kết chặt chẽ giữa thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp 02 năm còn lại của nhiệm kỳ với thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về

phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thống nhất và thực hiện tốt quan điểm phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên. Tiếp tục thực hiện tốt phương châm “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo” trong toàn Đảng bộ tỉnh. Nâng cao tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt, phát huy nội lực, đặc biệt là nhân tố con người nhằm tạo động lực, lợi thế cạnh tranh, tạo đột phá phát triển. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt 04 nhiệm vụ trọng tâm mang tính đột phá chiến lược: Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở thực sự vững mạnh, mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; về hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách; về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; về đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thường xuyên rà soát, kịp thời phát hiện và chỉ đạo quyết liệt tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, các nút thắt, điểm nghẽn cản trở sự phát triển với tinh thần “*mọi khó khăn, vướng mắc đều phải có hướng tháo gỡ và phải được tháo gỡ kịp thời*” để nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

Thứ hai, tiếp tục tập trung cao lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện quyết liệt các biện pháp phát triển kinh tế, phấn đấu



tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt trên 14%. Đẩy mạnh phát triển kinh tế đồng bộ trên cả 3 lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ; trong đó công nghiệp tiếp tục là động lực chính thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và lan tỏa thúc đẩy phát triển các lĩnh vực khác. Tập trung thu hút các ngành công nghiệp điện tử, chế biến, chế tạo có giá trị gia tăng cao, đặc biệt là các ngành nghề là xu hướng phát triển mới như công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo,... Quan tâm đầu tư, phát triển hệ thống đô thị - dịch vụ, các thiết chế văn hoá, thể thao, các dự án nhà ở xã hội cho công nhân để phục vụ phát triển công nghiệp, hình thành “*Hệ sinh thái công nghiệp bền vững*”. Chủ động nắm tình hình, đồng hành, hỗ trợ các doanh nghiệp kịp thời giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thúc đẩy phát triển sản xuất.

Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, dựa trên nền tảng phát triển nông nghiệp công nghệ

cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, an toàn, bảo đảm vai trò là “trụ đỡ” của nền kinh tế. Phát triển nông nghiệp đa dạng, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, có sự hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị; tăng cường thu hút các doanh nghiệp lớn đầu tư vào sản xuất, chế biến nông sản. Đẩy mạnh huy động nguồn lực, đầu tư xây dựng nông thôn mới, phấn đấu tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt trên 87%; xây dựng các vùng quê, miền quê đáng sống, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân vùng nông thôn.

Tập trung huy động nguồn lực đẩy mạnh phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ, nhất là dịch vụ có lợi thế như: Vận tải, logistics, dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng, dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế số, thương mại điện tử; thu hút đầu tư xây dựng trung tâm thương mại lớn, có tính dẫn dắt, tạo động lực thúc đẩy ngành thương mại dịch vụ có bước phát triển đột phá.

Thứ ba, tiếp tục đẩy mạnh cải

cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phấn đấu duy trì các chỉ số đánh giá cấp tỉnh trong nhóm dẫn đầu cả nước. Tích cực hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh; khơi dậy và phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để tạo lợi thế so sánh, thu hút nguồn lực, thúc đẩy sự phát triển. Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện, nhất là về hạ tầng, nguồn nhân lực, mặt bằng sạch để đón đầu dòng dịch chuyển vốn đầu tư nước ngoài; nâng cao chất lượng thu hút đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược, các dự án chất lượng, phù hợp định hướng phát triển bền vững của tỉnh.

Thứ tư, đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị, dịch vụ. Phấn đấu huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội năm 2024 đạt 103.500 tỷ đồng. Tiếp tục quy hoạch, huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; trong đó ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông đối nội, đối ngoại; phối hợp chặt chẽ với các tỉnh, thành phố giáp ranh đẩy nhanh tiến độ thực hiện công trình, dự án giao thông theo các chương trình hợp tác song phương đã ký kết để mở rộng không gian, tạo động lực phát triển mới. Tiếp tục tham mưu, đề xuất thành lập các khu công nghiệp mới theo Quy hoạch tỉnh đã được duyệt; tập trung dồn đốc đẩy nhanh tiến

độ giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp bảo đảm quỹ đất sạch thu hút đầu tư. Tập trung cao phát triển nguồn nhân lực dựa trên cơ sở nhu cầu của thị trường lao động và có cơ cấu hợp lý; trọng tâm là đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn lao động tham gia sản xuất công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, dịch vụ; bảo đảm đủ về số lượng, nâng cao chất lượng, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Đẩy mạnh phát triển nguồn lao động qua đào tạo có kỹ năng nghề, nhất là lao động có tay nghề cao, bằng cấp, chứng chỉ đạt yêu cầu thời kỳ mới; đầu tư xây dựng Trường cao đẳng công nghệ Việt Hàn Bắc Giang thành trường đào tạo nghề chất lượng cao của tỉnh và toàn vùng, góp phần nâng cao năng suất lao động, tăng năng lực cạnh tranh của tỉnh. Tập trung phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại; nâng tỷ lệ đô thị hóa và phát triển kinh tế đô thị. Tập trung tối đa mọi nguồn lực, quyết tâm hoàn thành mục tiêu sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, mở rộng thành phố Bắc Giang, thành lập huyện Lục Ngạn mới và thành lập thị xã Chũ trong năm 2024. Phấn đấu tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 33,3%; tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt trên 92,6%.

Thứ năm, Tăng cường công tác đối ngoại, mở rộng quan hệ hợp tác với các địa phương, đối tác chiến lược trong và ngoài nước, nâng cao hình ảnh, vị thế của tỉnh và thu hút các nguồn lực

bên ngoài phát triển địa phương. Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả các thỏa thuận hợp tác mà Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Giang đã chủ động đề xuất, ký kết với Ban Thường vụ Tỉnh ủy các tỉnh giáp ranh; thúc đẩy mạnh mẽ liên kết giữa các tỉnh, liên kết vùng, liên vùng theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị; tăng cường phối hợp đẩy nhanh tiến độ các công trình giao thông kết nối đối ngoại để “biến bất lợi thành lợi thế”, “biến không thể thành có thể”, quyết tâm đưa sân bay quốc tế Nội Bài, cửa khẩu Hữu Nghị quan, cảng biển Quảng Ninh, Hải Phòng về gần hơn với Bắc Giang. Thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, bảo đảm môi trường an ninh, an toàn cho phát triển.

Thứ sáu, gắn phát triển kinh tế với phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội. Thực hiện tốt phương châm bảo đảm 3 An (*An ninh - an sinh - an toàn*), hướng đến mục tiêu phát triển bao trùm, bền vững, lấy người dân là trung tâm, là chủ thể, để người dân được thụ hưởng những thành quả do phát triển kinh tế mang lại, có cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn, không để ai bị bỏ lại phía sau. Trong đó, năm 2024, Đảng bộ tỉnh quyết tâm huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị thực hiện bằng được mục tiêu xóa 100% nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hỗ trợ gia đình người có công gặp khó khăn về

nhà ở cần được sửa chữa, xây mới. Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; công tác đào tạo nghề, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển. Tăng cường đầu tư cho lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Quan tâm phát triển toàn diện văn hóa, con người Bắc Giang; thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, công tác bình đẳng giới, phát huy vai trò của người cao tuổi, tạo môi trường phát triển toàn diện trẻ em; đẩy mạnh giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội.

Thứ bảy, thường xuyên quan tâm xây dựng, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất, dân chủ thật sự trong Đảng. Phát huy sự đoàn kết toàn dân, toàn diện, huy động sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn dân tham gia thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Luôn xác định rõ vị trí, vai trò trung tâm, chủ thể của Nhân dân, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; từ

đó tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân với cấp ủy, chính quyền, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng vững chắc. Tập trung xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả trên các mặt công tác xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và công tác cán bộ, trong đó công tác cán bộ là then chốt của then chốt. Tập trung làm tốt công tác chuẩn bị trước một bước nhân sự đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030. Đẩy mạnh công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực. Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra toàn diện trên các lĩnh vực từ công tác lãnh đạo, chỉ đạo đến khâu tổ chức thực hiện để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh ngay những vi phạm từ khi mới phát sinh, không để vi phạm nhỏ tích tụ thành khuyết điểm, sai phạm lớn. Quán triệt sâu sắc và đẩy mạnh thực hiện tốt phương châm “**3 dám**”, “**3 hơn**”, “**5 rõ**” theo tinh thần Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 02/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh

tác phong, lề lối làm việc và nâng cao trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới: Mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự “*dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung*”; mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là người đứng đầu phải “*quyết liệt hơn, linh hoạt hơn, hiệu quả hơn*”; mỗi cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đổi mới phương pháp công tác bảo đảm bài bản, khoa học, “*rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm và rõ kết quả*”; cùng với đó, thực hiện hiệu quả chủ trương, quy định của Đảng, Nhà nước về bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm để tạo chuyển biến tích cực, nâng cao hiệu quả trên các mặt công tác, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện, bền vững.

Có thể khẳng định, khối lượng, áp lực công việc trong năm 2024 đối với cấp ủy, chính quyền, cán bộ, đảng viên và các cơ quan trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở của Đảng bộ tỉnh Bắc Giang là rất nặng nề. Song, với trách nhiệm trước Đảng, trước Nhân dân, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sẽ tiếp tục tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy những thành tích, kết quả và bài học kinh nghiệm đã đạt được, phát huy sức mạnh đại đoàn kết, chủ động, linh hoạt, sáng tạo, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp Nhân dân, phấn đấu hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của tỉnh, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng ■





NHỮNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH HẬU GIANG NĂM 2024, PHẤN ĐẤU VỀ ĐÍCH SỚM CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TRỌNG YẾU CỦA NHIỆM KỲ 2020 - 2025

● NGHIÊM XUÂN THÀNH(*)

Năm 2023 đã qua, năm có ý nghĩa quan trọng, là năm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ 14; năm tỉnh diễn ra nhiều sự kiện quan trọng, hướng đến kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh Hậu Giang

(01/01/2004 – 01/01/2024).

Bám sát chặt chẽ các chủ trương, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Nghị quyết và chương trình hành động toàn khoá của tỉnh, với tinh thần đổi mới, đột phá, quyết tâm và khát vọng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tập trung lãnh đạo chỉ đạo quyết liệt, toàn diện ngay từ

đầu năm. Xác định năm 2023 là năm tăng tốc phát triển, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực, quyết tâm cao của cấp uỷ, chính quyền các cấp; sự đồng thuận của nhân dân, kết quả năm 2023 khá toàn diện, nhiều lĩnh vực, chỉ tiêu tăng trưởng cao. Trong đó, kinh tế - xã hội đạt được nhiều kết quả

(*) Tiến sỹ, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang

quan trọng và nhiều điểm nhấn ấn tượng.

I. Hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2023, 18/18 chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đều đạt và vượt kế hoạch đề ra

1. Phát triển kinh tế tiếp tục là điểm sáng trong bức tranh tăng trưởng chung của cả nước:

- Quy mô kinh tế tiếp tục được mở rộng và tăng nhanh. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP đạt 12,27%, vươn lên đứng thứ 02 cả nước, tăng 02 bậc so với năm 2022; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo đúng định hướng chiến lược, giảm tỷ trọng khu vực I, tăng khu vực II. Khu vực Nông nghiệp tiếp tục là trụ đỡ vững chắc, khu vực công nghiệp là điểm sáng khi tăng trưởng tới 35,68%.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 12,09%. Giải ngân đầu tư công đạt trên 95%. Thu ngân sách trên địa bàn vượt dự toán đề ra. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu vượt 5% kế hoạch.

- Hoàn thành và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển tỉnh Hậu Giang thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phát triển văn hoá được chú trọng, đạt kết quả toàn diện. Nhiều hoạt động văn hóa mang tầm quốc gia, quốc tế được tổ chức chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh, với điểm nhấn là tổ chức thành công Festival áo bà ba; Festival quốc tế ngành hàng lúa gạo Việt Nam - Hậu Giang năm 2023, góp phần quảng bá hình ảnh đất và người

Hậu Giang đến với đông đảo bạn bè, du khách trong và ngoài nước.

3. Công tác An sinh xã hội, đời sống của người dân được chăm lo, cải thiện, nâng lên: thu nhập bình quân đầu người tăng 21,34% so với cùng kỳ (là nhóm tỉnh thành có tốc độ tăng cao nhất trong năm 2023). Đặc biệt, nhân kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh đã tổ chức phát động, xây dựng và bàn giao 1.400 căn nhà “Đại đoàn kết”, cho người khó khăn về nhà ở, góp phần xóa trắng nhà tre lá, tạm bợ trên địa bàn tỉnh.

4. Lĩnh vực giáo dục, y tế được tăng cường. Chi đầu tư cho giáo dục và y tế được tập trung ưu tiên. Hệ thống Y tế tập trung xử lý, tháo gỡ một số vướng mắc để thực hiện tốt hơn công tác phòng, chống dịch bệnh, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho người dân.

Niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng, điều hành của chính quyền, giám sát của Hội đồng nhân dân, sự vào cuộc của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tiếp tục được nâng lên.

Phát biểu tại Lễ kỷ niệm 20 năm thành lập tỉnh, đồng chí Chủ tịch nước đánh giá: “Với tinh thần đổi mới, đột phá, quyết tâm, tầm nhìn chiến lược, quyết sách đúng đắn, dám nghĩ dám làm, phát huy nội lực, tận dụng thời cơ, khơi dậy khát vọng, hành động quyết liệt Hậu Giang đã phát triển bứt phá đạt được những kết quả khá toàn diện, ấn tượng trên các lĩnh vực”.

II. Một số nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2024

Năm 2024, được Đảng bộ tỉnh Hậu Giang xác định là năm tập trung hoàn thành các chỉ tiêu trọng yếu của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 – 2025.

Để thực hiện được mục tiêu này, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Hậu Giang tiếp tục bám sát chặt chẽ các chủ trương, nghị quyết, sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, Nhà nước, với tinh thần “Đổi mới, đột phá, quyết tâm, khát vọng”, đoàn kết thống nhất, phấn đấu vượt qua khó khăn, phát huy những kết quả đạt được, cũng như bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo thời gian qua, để ra các mục tiêu, định hướng và giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, đồng bộ, phù hợp khả năng thực hiện của địa phương, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực nhằm quyết tâm vượt khó, tạo ra chuyển biến mạnh mẽ, thực chất, để hoàn thành cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024, làm cơ sở để phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Trong đó, phát triển kinh tế - xã hội được xác định là trung tâm, với một số nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp cụ thể như sau:

1. Xác định nhiệm vụ trọng tâm

(1). Hoàn thành về đích sớm một số chủ tiêu, nhiệm vụ trọng

yếu về phát triển kinh tế - xã hội nhiệm kỳ 2020 - 2025: (1) chỉ tiêu Tốc độ tăng trưởng kinh tế; (2) thu nhập bình quân đầu người; (3) tổng thu ngân sách trên địa bàn; (4) chuyển dịch cơ cấu kinh tế; (5) số doanh nghiệp được thành lập mới.

(2). *Xây dựng kiến tạo nền tảng đón đầu cho giai đoạn phát triển tiếp theo.*

- Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai Quy hoạch phát triển tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vừa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ, hạ tầng khu công nghiệp, tạo lập quỹ đất sạch phát triển công nghiệp và đô thị trọng tâm, trọng điểm, tạo nguồn lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thu ngân sách.

2. Một số giải pháp chủ yếu

(1) *Đẩy mạnh phát triển kinh tế nhanh, bền vững; phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế duy trì ở mức cao; thu ngân sách tăng cao theo mục tiêu đề ra.*

Với quyết tâm bút phá và nỗ lực mở rộng quy mô kinh tế của tỉnh, góp phần nâng cao thu nhập, đời sống nhân dân, tỉnh đề ra chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2024 (GRDP) tăng 7,5%; trong đó, khu vực I tăng 3%, khu vực II tăng 11,62%, khu vực III tăng 7,3%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 4,5%. GRDP bình quân đầu người đạt 88,84 triệu đồng/người.

- Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ các nghị

quyết, đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, trọng tâm là Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Phát triển công nghiệp, nông nghiệp, đô thị và du lịch tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 - 2025 và các năm tiếp theo”:

+ *Về công nghiệp:* tập trung cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đầu tư kết cấu hạ tầng, khuyến khích xuất nhập khẩu. Ưu tiên nguồn lực đầu tư, tạo quỹ đất sạch phục vụ 02 khu công nghiệp mới thành lập (Khu công nghiệp Sông Hậu 2 và Khu công nghiệp Đông Phú 2), đồng thời tích cực thu hút nhà đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng vào 02 khu công nghiệp mới; tăng tỷ lệ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp hiện có; lựa chọn các doanh nghiệp, dự án công nghiệp có tính lan tỏa, đóng góp lớn vào ngân sách; thu hút doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động tại chỗ. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, nhất là các công trình, dự

án trọng điểm của tỉnh. Chuyển dịch cơ cấu thu ngân sách địa phương theo hướng nâng cao tỷ trọng đóng góp từ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

+ *Về nông nghiệp:* Tập trung các giải pháp nâng cao giá trị sản xuất ngành nông nghiệp. Mở rộng các vùng chuyên canh ứng dụng khoa học công nghệ, tạo ra sản phẩm nông sản an toàn, có giá trị kinh tế cao, đầu ra ổn định và có sức cạnh tranh trên thị trường.

Tích cực phát triển các đặc sản, sản phẩm truyền thống, phát huy giá trị văn hóa, hình thành sản phẩm tích hợp đa giá trị gắn với lợi thế về điều kiện sản xuất, giá trị văn hóa địa phương. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu cho sản phẩm OCOP thông qua các diễn đàn, triển lãm, sự kiện quảng bá, giới thiệu sản phẩm, từ đó mở rộng thị trường tiêu thụ và gia tăng giá trị kinh tế cho sản phẩm OCOP.

Chú trọng phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa



dạng, nòng cốt là hợp tác xã. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, trong đó quan tâm các cơ chế, chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững gắn với đô thị hóa đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh.

+ *Về phát triển đô thị:* Tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, thi công thực hiện các dự án phát triển đô thị đã được cấp phép, nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án nhà ở, phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân. Nghiên cứu, triển khai các kế hoạch, đề án phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, đô thị tăng trưởng xanh, xây dựng đô thị thông minh. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, quản lý hoạt động xây dựng, chất lượng công trình và xử lý nghiêm vi phạm trong lập, phê duyệt, quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị trên địa bàn tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ triển

khai các dự án nhà ở trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân.

+ *Về du lịch:* nghiên cứu, phát triển các hoạt động du lịch gắn với các lễ hội truyền thống, sự kiện chính trị văn hóa, thể thao tiêu biểu; đẩy mạnh các loại hình, sản phẩm du lịch mới, cao cấp, các dịch vụ du lịch tạo điểm nhấn để kích cầu du lịch gắn với phát triển kinh tế đêm, du lịch cộng đồng và tăng cường quản lý về du lịch. Đẩy nhanh việc chuyển đổi số trong ngành du lịch, phát triển các tiện ích du lịch thông minh, quản lý khách, hoạt động và tài nguyên du lịch. Tăng cường các giải pháp xúc tiến, liên doanh, liên kết, nâng cao chất lượng các sản phẩm và dịch vụ du lịch.

- Tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý thu ngân sách, quyết tâm thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2024. Rà soát các nguồn thu còn dư địa, còn tiềm năng để khai thác tăng thu; xử lý thu hồi nợ thuế, chống thất thu, nhất là các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số, bất động sản. Tiếp tục quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả các khoản chi từ ngân sách nhà nước; sử dụng tiết kiệm, chống lãng phí trong các khoản chi. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát trong quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, đảm bảo minh bạch, hiệu quả, đúng quy định. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước; nâng cao

năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức, đề cao sự liêm chính trong thi hành công vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm nhiệm vụ trong lĩnh vực tài chính, thuế, hải quan, quản lý thị trường, thanh tra, kiểm tra.

(2) *Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tích cực thu hút đầu tư.*

Tăng cường tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nhất là lĩnh vực đầu tư, quy hoạch, đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng; chú trọng hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút nhà đầu tư đủ năng lực, có sức lan tỏa nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Ưu tiên nguồn lực thực hiện các công trình, dự án trọng điểm của tỉnh, các công trình hạ tầng quan trọng phục vụ sản xuất, lưu thông. Kiên quyết thu hồi những dự án vi phạm pháp luật, dự án chậm hoặc không có khả năng triển khai thực hiện.

Thường xuyên rà soát, nắm bắt thông tin, kịp thời hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, đúng phương châm “2 nhanh, 3 tốt”. Ưu tiên tạo điều kiện cho các ngành công nghiệp chủ lực, công nghiệp, sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ, nhất là nguyên liệu từ nông nghiệp và sản phẩm các ngành nghề truyền thống; phát triển ngành công nghiệp chế biến sản phẩm nông sản, sản vật của địa phương cho xuất khẩu và tiêu dùng.

(3) *Triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Hậu*

Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Quy hoạch phát triển tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào ngày 08/12/2023. Trên cơ sở này, tỉnh xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu ban hành các cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh và quy định của pháp luật, huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch. Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch tỉnh.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, quản lý hoạt động xây dựng, chất lượng công trình và xử lý nghiêm vi phạm trong lập, phê duyệt, quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt việc khai thác sử dụng quỹ đất hiện có; đẩy mạnh xúc tiến đầu tư; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ ngân sách Trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực đầu tư mới để nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kinh tế - xã hội.

(4) Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế; chú trọng bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Hậu

Giang đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, Đề án Phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Quan tâm đầu tư, bảo tồn các di sản văn hóa, thiết chế văn hóa tạo điều kiện cho nhân dân tham gia tích cực vào hoạt động sáng tạo và hưởng thụ văn hóa. Đẩy mạnh phòng trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” góp phần đề cao giáo dục truyền thống yêu nước, khơi dậy lòng tự hào và nhận thức bảo vệ di sản trong nhân dân, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến, đặc biệt là tuyến cơ sở nhằm tăng sự hài lòng của người bệnh. Đầu tư, nâng chất dịch vụ y tế, chất lượng khám, chữa bệnh cho người dân. Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh chủ động, không để dịch bệnh lan rộng xảy ra. Tích cực vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngành y tế đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Chiến lược phát triển bền vững giáo dục và đào tạo tỉnh Hậu Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Đề án xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đủ phẩm chất, năng lực ngang tầm nhiệm vụ giai đoạn 2023 - 2045, định hướng đến năm 2030. Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực,

nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực khoa học, tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Thúc đẩy xã hội hóa, kết hợp công tư trong giáo dục và đào tạo; đầu tư, phát triển hạ tầng, cơ sở trường, lớp, thiết bị giáo dục đáp ứng nhu cầu dạy và học trong giai đoạn hiện nay.

Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; quan tâm chăm lo người có công với cách mạng, người nghèo, trẻ mồ côi, người yếu thế. Huy động sự tham gia của mọi thành phần trong xã hội vào việc đảm bảo an sinh xã hội, mở rộng cơ sở bảo trợ xã hội, cung cấp dịch vụ xã hội cho người dân. Quan tâm tạo môi trường sống an toàn, thân thiện, lành mạnh để trẻ em phát triển toàn diện; chăm lo, phát huy vai trò của người cao tuổi; thực hiện tốt công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, phòng, chống tệ nạn xã hội. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới.

Lời kết

Những kết quả toàn diện, nổi bật của năm 2023 và một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sát thực tiễn là tiền đề quan trọng để Hậu Giang tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong năm 2024, quyết tâm về đích sớm các chỉ tiêu trọng yếu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025, làm nền tảng để Hậu Giang hướng tới mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, toàn diện, bao trùm cho nhiệm kỳ tiếp theo ■



THÀNH PHỐ NHA TRANG: PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HÓA BIỂN, ĐẢO TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ BIỂN XANH VÀ BỀN VỮNG

● **MAI THỊ HƯƠNG GIANG(*)**

Thành phố Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa) nằm trong khu vực có nền văn hóa biển, đảo phát triển mạnh nhất cả nước. Khánh Hòa là địa phương có lợi thế vượt trội về biển và phát triển kinh tế biển, có vị thế “địa - chiến lược” đặc biệt của huyện đảo Trường Sa, quân cảng Cam Ranh, cảng biển trung chuyển quốc tế Vân Phong, giá trị toàn cầu của vịnh Nha Trang - một trong những vịnh biển đẹp nhất thế giới. Theo dòng lịch sử, thành phố Nha Trang có nhiều đồng bào dân tộc Chăm sinh sống. Nha Trang còn được gọi là “hòn ngọc của biển Đông” với những nét văn hóa biển, đảo đặc sắc riêng có. Tuy nhiên, phát triển kinh tế biển xanh và bền vững dựa trên nền tảng phát huy giá trị văn hóa biển, đảo vẫn còn là lĩnh vực mới cả về nội dung và cách tiếp cận.

(*) Thạc sỹ, Tạp chí Cộng sản

Giá trị văn hóa biển, đảo - nguồn lực cho phát triển bền vững

Theo GS, TSKH Vũ Minh Giang (Phó Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, nguyên Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội), văn hóa biển, đảo là một khái niệm rộng, bao gồm cả văn hóa các vùng duyên hải và là tất cả những gì do con người sáng tạo ra. Từ xa xưa, văn hóa biển, đảo đã là một hợp phần quan trọng của văn hóa Việt Nam. Văn hóa biển, đảo khá phong phú, đa dạng; nếu chúng ta làm chủ và khai thác được những thế mạnh của nó thì sẽ mang lại hiệu quả to lớn, tích cực cho quốc gia. Còn GS, TS Nguyễn Chí Bền (nguyên Viện trưởng Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam) cho rằng, văn hóa biển, đảo là tổng thể những sáng tạo hữu hình và vô hình của con người vùng biển, đảo trong quá trình sống, khai phá, thích ứng với môi trường biển, đảo Việt Nam, giao lưu, tiếp biến với văn hóa biển, đảo của các quốc gia khác, được trao truyền từ thế hệ trước qua thế hệ sau, thể hiện bản sắc của con người ở không gian biển, đảo, trước tiên có thể kể đến các sáng tạo dân gian, như truyền thuyết, ca dao, tục ngữ; nghệ thuật biểu diễn, gồm sáng tác bài hát, điệu hò (kéo lưới, đan lưới), nghi lễ...; nghệ thuật tạo hình với các đình, làng thờ cá Ông (cá voi)...; các lễ hội của người dân ven biển, trong đó tiêu biểu là lễ hội nghinh Ông - bắt nguồn từ kinh nghiệm đi biển, mong

được thấy cá Ông xuất hiện, phun nước như một cách gọi ngư dân đến nơi nhiều cá... Ngoài ra, một thành tố đặc biệt quan trọng của văn hóa biển, đảo Việt Nam là văn hóa bảo vệ chủ quyền quốc gia trên biển.

GS, TS Ngô Đức Thịnh trong cuốn “Các dạng thức văn hóa Việt Nam” cho rằng, người Việt có văn hóa biển; văn hóa biển thuộc nhóm “văn hóa sinh thái”, cũng giống như văn hóa thung lũng, văn hóa rẻo cao, văn hóa cao nguyên, văn hóa thảo nguyên... Văn hóa biển là hệ thống các tri thức của con người về môi trường biển, các giá trị rút ra từ những hoạt động sống của con người trong môi trường ấy, cùng với nó là những cảm thụ, hành vi ứng xử, nghi lễ tập tục, thói quen của con người tương thích với môi trường biển. Định nghĩa về văn hóa biển, đảo cần được xác định một cách rõ ràng cả về văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, theo đó, văn hóa biển, đảo là hệ thống các thực thể vật chất và các thực thể tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình thích nghi với môi trường biển, đảo để sinh tồn. Về không gian văn hóa biển, đảo cũng cần được hiểu một cách năng động, bao gồm cả khu vực đồng bằng ven biển, vùng biển gần bờ, vùng biển xa bờ, các đảo và quần đảo, đại dương... văn hóa/lối sống, các “yếu tố văn hóa biển - đảo” như cách tính lịch theo con nước, tập tục thờ cá Ông (Voi), hoặc tập quán tiêu dùng đồ hải sản,... khá phổ biến tại các đồng bằng ven biển.

Theo GS, TSKH, nhà văn hóa Trần Ngọc Thêm, văn hóa biển được xem là văn hóa xét theo không gian và là khái niệm để chỉ sản phẩm văn hóa theo điều kiện sinh thái, phải thỏa mãn các yếu tố đặc trưng của văn hóa là: 1- Tính hệ thống; 2- Tính giá trị; 3- Tính nhân sinh (“do con người sáng tạo ra”) cộng với đặc trưng riêng mang tính khu biệt là đặc trưng về không gian tồn tại (“lấy biển cả làm nguồn sống”) và đặc trưng định lượng của không gian tồn tại này là: biển cả không chỉ là nguồn sống mà phải là “nguồn sống chính”⁽¹⁾.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”. Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định phát triển văn hóa, con người Việt Nam nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng đất nước cường thịnh, phồn vinh, hạnh phúc. Văn hóa được coi là “sức mạnh mềm” trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24-11-2021, trong bài phát biểu của mình, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng nhấn mạnh: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Đây là một lợi thế cực kỳ to lớn để chúng ta tăng cường lòng tự hào dân tộc, quyết tâm đổi mới và chấn hưng văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới”. Văn hóa được coi là “sức mạnh mềm” trong việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(1) Trần Ngọc Thêm (2013): Văn hóa biển, đảo và văn hóa biển, đảo ở Khánh Hòa

Ngày 22-10-2018, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW “Về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; trong đó xác định, đến năm 2030, Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh; đến năm 2045, Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn. Nghị quyết số 36-NQ/TW nêu quan điểm cần phải giữ gìn giá trị, phát huy truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa biển. Đồng thời, Nghị quyết 36/NQ-TW chủ trương cần phải phát triển du lịch và dịch vụ biển, trong đó có đề cập đến việc “đa dạng hóa các sản phẩm... trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản thiên nhiên, văn hóa, lịch sử đặc sắc của các

vùng, miền”. Ở góc nhìn địa - chính trị, địa - văn hóa, thành phố Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa) có không gian văn hóa vùng biển, đảo rộng lớn, là tiềm năng lớn trong khai thác kinh tế; tiếp nhận tinh hoa từ những nền văn minh nhân loại; phát triển du lịch từ danh lam thắng cảnh, di sản, ẩm thực vùng biển, lễ hội, phong tục, tín ngưỡng dân gian... Vì vậy, giữ gìn, phát huy và kiến tạo nền văn hóa biển, đảo sao cho phù hợp, thích nghi với nhu cầu chuyển biến không ngừng theo sự vận động và phát triển của xã hội là mối quan hệ cơ bản cần được giải quyết một cách hài hòa để phát triển kinh tế biển xanh và bền vững. Nghị quyết Đại hội đảng bộ thành phố Nha Trang lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 tập trung khai thác mọi tiềm năng,

lợi thế, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, từng bước phát triển vùng kinh tế Nha Trang theo định hướng chiến lược phát triển là một trong 3 vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, phát triển thành phố Nha Trang trở thành đô thị hạt nhân, đô thị trung tâm với cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng du lịch, thương mại - dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp; phát triển kinh tế bền vững, gắn khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên với bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử, văn hóa.

Ngày 28-1-2022, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW “Về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045”. Nghị quyết số 42/NQ-CP, ngày 21-3-2022, của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị



quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã cho phép tỉnh Khánh Hòa được thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển, trong đó có cơ chế khuyến khích và thu hút đầu tư vào các lĩnh vực du lịch biển đảo, dịch vụ vận tải biển, đô thị ven biển, công nghiệp. Việc này đã tạo những cơ hội, thuận lợi cho phát triển kinh tế biển của tỉnh Khánh Hòa nói chung, thành phố Nha Trang nói riêng.

Ngày 22-12-2023, Tỉnh ủy Khánh Hòa ban hành Nghị quyết số 34-NQ/TU “Về phát huy các giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch bền vững tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, định hướng đến năm 2023” với mục tiêu chung là: “Xây dựng, gìn giữ, bảo tồn các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh nhằm tôn vinh, phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc trong tỉnh, vì lợi ích của toàn xã hội; sáng tạo ra những giá trị văn hóa mới, làm giàu văn hóa truyền thống Việt Nam và góp phần mở rộng giao lưu văn hóa quốc tế, tăng doanh thu du lịch, góp phần đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Khánh Hòa.

Tiềm năng, lợi thế đặc biệt

Thành phố Nha Trang là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa của tỉnh Khánh Hòa. Thành phố Nha Trang được định hướng phát triển thành đô thị du lịch với mục tiêu đến năm 2040, theo đó, thành phố

Nha Trang sẽ nâng cấp chất lượng không gian du lịch đô thị, hấp dẫn nhà đầu tư du lịch đẳng cấp quốc tế. Đồng thời, đa dạng hóa sản phẩm, khai thác bền vững tài nguyên du lịch, điểm nhấn là chuỗi không gian ven biển, không gian đảo, bán đảo và không gian sinh thái,... tiến tới nâng cao vị thế thương hiệu quốc tế, bước đầu trở thành thành phố thương mại tài chính tầm vóc quốc gia và khu vực Đông Nam Á.

Với hệ sinh thái nhiệt đới đặc trưng với rạn san hô trùng điệp, hàng trăm loài sinh vật biển quý hiếm đa sắc màu, sở hữu vẻ đẹp thiên nhiên quyến rũ, sở hữu những di tích lịch sử - văn hóa (như di sản văn hóa Chăm-pa với di tích Tháp Bà Ponagar được xây dựng từ giữa thế kỷ thứ VIII - là một trong những quần thể kiến trúc văn hóa Chăm-pa lớn nhất miền Trung; nhà thờ đá Nha Trang - công trình lịch sử hơn 80 năm tuổi...) thành phố Nha Trang có lợi thế để phát triển kinh tế biển và làm giàu từ biển. Nha Trang còn được mệnh danh là thành phố của lễ hội. Các lễ hội ở đây là một phần của các nghi lễ, truyền thống và tín ngưỡng tôn giáo làm cho thành phố trở thành một nơi phong phú và đa dạng về văn hóa:

Lễ hội Cá Voi Nha Trang, bao gồm các hoạt động, như nghi lễ tế đình cầu mưa thuận gió hòa, mong ngư ông che chở để sóng yên biển lặng, đánh bắt thuận lợi, bình an; màn hát múa bá trạo kết thúc lễ tế và mở đầu cho hội hát chầu (có thể kéo dài

đến 5-7 ngày); trò chơi và diễn xướng dân gian thú vị và đặc sắc. Thời gian tổ chức lễ hội vào ngày ông lỵ (cá voi chết) và hai kỳ xuân tế, thu tế.

Lễ hội Cầu Ngư là tập tục lâu đời của ngư dân vùng biển bắt nguồn từ tục thờ ông Nam Hải (cá voi) với các hoạt động, như lễ Rước sắc; lễ Nghinh Ông (lễ nghênh thủy triều); lễ Tỉnh sanh; trò diễn dân gian Hò Bá trạo; tế chánh; thứ lễ và tôn vương; lễ Tống Na (cúng cô hồn biển). Thời gian diễn ra 3 ngày đêm vào tháng 2 hoặc tháng 3 Âm lịch.

Lễ hội Khỉ còn được gọi là Lễ hội Hoa Quả Sơn được tổ chức để kêu gọi bảo vệ môi trường, chung tay bảo vệ hệ sinh thái biển đảo thường được tổ chức vào ngày thứ 7 đầu tháng 6 hằng năm.

Lễ hội Yến Sào Nha Trang là một lễ hội độc đáo nhằm tri ân Thủy tổ, Thánh mẫu và nghề làm yến truyền thống lâu đời ở Khánh Hòa. Các hoạt động nổi bật ở lễ hội Yến Sào Nha Trang bao gồm: Tổ chức lễ tri ân tiên nhân, tôn vinh nghề nuôi và chế biến chim yến; hát quan hò, ca múa, thi đua chèo thuyền...

Lễ hội Am Chúa (còn gọi là Lễ hội Thiên Y A Na) để tưởng niệm nữ thần Thiên Y A Na - người được tôn sùng là Bà Chúa, Mẹ Xứ sở. Các hoạt động nổi bật ở lễ hội Am Chúa bao gồm: Hoạt động tế lễ, dâng hương tôn nghiêm theo nghi thức; điệu múa dâng hoa, văn Bà, các điệu múa gắn liền với truyền thuyết và sự tích nữ thần Thiên Y A Na;

rước lân, múa lân; các hoạt động dân gian, như chơi đánh đu, hát bài chòi,... được tổ chức vào ngày mùng 1-3/3 Âm lịch hằng năm.

Lễ hội Tháp Bà còn có nhiều tên gọi khác là “Lễ hội Ponagar”, “Lễ hội Thiên Y A Na Thánh Mẫu” hay “Lễ Vía Bà”. Mục đích của lễ hội là tưởng niệm nữ thần Xứ Sở đã có công tạo lập xứ sở, duy trì nòi giống, tìm ra cây lúa và dạy dân cách canh tác. Đây là lễ hội truyền thống ở Nha Trang đã được đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia từ năm 2012. Các hoạt động chính của lễ hội Tháp Bà bao gồm: Lễ dâng trăm hương, nhang, hoa, trái cây; lễ tắm tượng và thay y; múa dâng bà; đua ghe; hát bội ban đêm.

Ngoài các lễ hội, văn hóa ẩm

thực biển cũng là một trong những nét văn hóa biển, đảo đặc sắc của thành phố Nha Trang. Với 19 đảo lớn nhỏ mang trong mình những giá trị thiên nhiên và văn hóa đậm đà bản sắc Việt, như Hòn Chồng - nơi giao hòa của biển, trời và núi; Hòn Mun với hệ sinh thái biển đa dạng bậc nhất Việt Nam; Hòn Tằm - chốn thư giãn hoàn hảo; Hòn Một - làng chài trên đảo bình yên; Hòn Tre - điểm đến nhộn nhịp,... có thể nói, du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố Nha Trang; là đòn bẩy thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển theo, như sản xuất, vận tải, dịch vụ lưu trú - lễ hành, dịch vụ ăn uống, dịch vụ tài chính...

Bảo tàng Hải dương học thuộc Viện Hải dương học Nha Trang cũng là một thiết chế văn

hóa biển, đảo thu hút đông đảo du khách đến tham quan, khám phá. Bảo tàng Hải dương học được thành lập vào năm 1923 với nhiệm vụ nghiên cứu và trưng bày các mẫu vật biển. Tại đây có trên 20.000 mẫu vật của 4.000 loại sinh vật biển được lưu giữ, sưu tầm và nuôi dưỡng trong nhiều năm. Ấn tượng nhất phải kể đến bộ xương cá voi khổng lồ có chiều dài gần 26m, cao 3m với 48 đốt sống đã được phục chế rất đầy đủ. Mới đây, Bảo tàng Hải dương học còn khai trương Thủy cung xuyên núi Cảnh Sơn có thiết kế mái vòm kính với nhiều loại cá bơi lượn đẹp mắt.

Song song với đó, thành phố Nha Trang cũng được ưu ái trở thành điểm đến của hàng loạt sự kiện trọng điểm về thể thao



- văn hóa vốn chỉ có tiền lệ tổ chức ở hai thành phố lớn là Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Gần đây nhất là Lễ trao giải Cánh diều lần thứ 19 vừa diễn ra vào trung tuần tháng 9 vừa qua. Trước đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cũng đã phối hợp cùng Báo VnExpress tổ chức Giải chạy VnExpress Marathon Marvelous Nha Trang 2022 - sự kiện chạy bộ lớn nhất từng diễn ra tại thành phố biển Nha Trang, với 8.500 vận động viên tham dự. Đặc biệt, không thể không nhắc đến công trình nhà hát nghệ thuật đương đại đẳng cấp quốc tế tại Nam Trung Bộ Vega Theater, mảnh ghép giải trí hấp dẫn trong quần thể phức hợp tâm cơ quốc tế của Vega City Nha Trang. Ngoài ra, Festival Biển Nha Trang được tổ chức 2 năm một lần là sự kiện văn hóa - du lịch mang tầm quốc gia và quốc tế, cũng là thương hiệu lễ hội riêng của tỉnh Khánh Hòa nhằm giới thiệu, tôn vinh, bảo tồn, phát huy những giá trị tinh thần, bản sắc văn hóa biển, đảo của vùng đất và con người Khánh Hòa trong suốt chiều dài lịch sử cũng như trong công cuộc xây dựng, phát triển quê hương đất nước.

Cần có giải pháp phát triển kinh tế biển bền vững

Thế kỷ XXI được xem là “Thế kỷ của đại dương”. Khai thác biển đang trở thành vấn đề mang tính chiến lược đối với nhiều quốc gia có biển. Ở Việt Nam, việc bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa biển, đảo vẫn còn nhiều hạn chế, như xa rời các giá trị

văn hóa truyền thống; khai thác biển thiếu định hướng và hủy hoại môi trường; yếu tố văn hóa mới xâm nhập; nguy cơ biến mất của nhiều làng nghề; sự xuống cấp của các di tích; ô nhiễm môi trường, nghề đánh bắt trên biển gặp khó khăn, du lịch văn hóa nghèo nàn... Phát triển kinh tế biển để tăng thu nhập, cải thiện đời sống người dân là điều cần thiết, nhưng đã để lại khoảng trống tinh thần, truyền thống, cội rễ bị đánh mất, suy thoái đạo đức, lối sống lai căng; thiết chế văn hóa truyền thống mai một, biến mất.

Hướng tới một nền kinh tế biển xanh và bền vững đòi hỏi phải giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề cụ thể có liên quan bằng nhiều giải pháp khác nhau để bảo đảm chất lượng và an ninh môi trường biển, bảo toàn nguồn vốn tự nhiên biển, thay đổi hành vi ứng xử của con người đối với biển đảo, quản lý tổng hợp và thống nhất quản lý nhà nước về biển đảo, quy hoạch và quản lý không gian biển,... để các giá trị văn hóa biển, đảo trở thành “động lực phát triển” bền vững. Thành phố Nha Trang là một vùng đất có đầy đủ “thiên thời, địa lợi và nhân hòa”.

Để phát triển kinh tế biển xanh và bền vững dựa trên nền tảng phát huy giá trị văn hóa biển, đảo, trong thời gian tới, thành phố Nha Trang cần triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức về giá trị văn hóa biển, đảo.

Thứ hai, cần sâu sắc, bảo tồn, lưu giữ văn hóa làng biển ở các làng có nguy cơ biến mất do sự biến đổi khí hậu; bảo vệ, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật, các di sản văn hóa vật thể ven biển.

Thứ ba, phát triển các thiết chế văn hóa cho cộng đồng cư dân biển và ven biển; phát huy bản sắc, giá trị lịch sử và văn hóa đồng bào dân tộc Chăm, tri thức tốt đẹp trong ứng xử với biển, coi đây là nền tảng quan trọng để xây dựng văn hóa biển.

Thứ tư, phát triển du lịch gắn với bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa biển, đảo, từ đó định hướng đúng đắn công tác quản lý trong việc bảo tồn và phát triển du lịch làng nghề, quy hoạch làng nghề gắn với phát triển du lịch biển.

Thứ năm, đẩy mạnh tuyên truyền các quan điểm, chủ trương của Đảng trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XII “Về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng về văn hóa và quản lý văn hóa biển, đảo, về các giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng cư dân biển, đảo, về trách nhiệm và tình yêu biển, đảo.

Thứ sáu, huy động sự tham gia của cộng đồng cư dân biển, đảo trong quá trình quản lý văn hóa biển, đảo. Tôn vinh những người có công chinh phục, khai thác, bảo vệ chủ quyền biển, đảo; hỗ trợ nghề đi biển, tạo dựng tấm gương cho các thế hệ sau noi theo ■



PETROVIETNAM - THÀNH CÔNG TỪ QUẢN TRỊ BIẾN ĐỘNG

● LÊ MẠNH HÙNG(*)

Năm 2023 là năm thứ 4 liên tiếp công tác “Quản trị biến động” của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam) đạt được kết quả ấn tượng; là yếu tố quan trọng, tác động toàn diện đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn. Petrovietnam đã triển khai thành công các giải pháp ứng phó trước các biến động từ dịch bệnh, địa chính trị - kinh tế, thị trường. Đây chính là động lực, niềm tin để Petrovietnam tiếp tục phát triển ổn định, bền vững và vươn xa.

Vượt thách thức, đạt những kết quả ấn tượng

Trong thương trường, doanh nghiệp muốn phát triển, trường tồn, sau khi sinh ra, trưởng thành phải liên tục cải tiến, đổi mới; tái

cấu trúc theo chu kỳ, thậm chí tái tạo và tái lập. Petrovietnam cũng vậy, ra đời từ Đoàn thám dò dầu lửa 36 ngày 27/11/1961, đến nay đã gần 63 năm, trong thời gian ấy, Petrovietnam đã phát triển

và trưởng thành, có đóng góp to lớn vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhìn lại giai đoạn những năm 2016-2019, Petrovietnam ở dưới đáy của một cuộc khủng

(*) Tiến sỹ, Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

hoảng chưa từng có trong lịch sử, khủng hoảng từ khó khăn nội tại, khủng hoảng niềm tin, từ thị trường, sản lượng khai thác liên tục suy giảm. Cùng với đó, nhiều dự án, đặc biệt là những dự án điện lâm vào bế tắc, nhiều đơn vị liên tục khó khăn, thua lỗ, tưởng chừng không có lối thoát. Năm 2017, Petrovietnam đã từng báo cáo Thủ tướng Chính phủ bức tranh tài chính, dự báo đến năm 2019, Tập đoàn sẽ bị mất cân đối dòng tiền, lâm vào tình trạng vô cùng khó khăn.

Để vượt qua khó khăn, khủng hoảng đó, đồng thời chống chịu với thách thức mới, biến “nguy” thành “cơ”, từ năm 2020 đến nay, nhiều giải pháp đã được Petrovietnam triển khai đồng bộ, quyết liệt, xuyên suốt. Trong đó, nổi bật là vai trò của “Quản trị biến động” đã mang lại hiệu quả rất lớn, đóng góp quan trọng giúp Petrovietnam vượt khó ngoạn mục, đạt những kết quả vô cùng ấn tượng.

Điểm lại các năm 2020, 2021, 2022 và nhìn lại năm 2023 vừa qua có thể thấy rõ điều này.

Năm 2020, thiên tai, dịch bệnh, thảm họa, xung đột bao trùm nhiều nơi, là một năm không thể nào quên trong lịch sử nhân loại. Đại dịch Covid-19 đã làm đảo lộn cuộc sống và khiến nền kinh tế toàn cầu chao đảo. Đối với Petrovietnam, có thể khẳng định năm 2020 là năm khó khăn nhất trong lịch sử hình thành và phát triển, đối mặt với một cuộc “khủng hoảng kép” của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu thô giảm sâu chưa từng có, có lúc xuống âm 37 USD/thùng. Trước

tình hình đó, Petrovietnam đã đưa ra các kịch bản dự báo về Covid-19 và các phương án giá dầu, đồng thời đưa ra phương thức quản trị mới là “Quản trị biến động” với phương châm hành động của năm là “*Quản trị biến động, Tối ưu giá trị, Đẩy mạnh tiêu thụ, nỗ lực vượt khó, Nắm bắt cơ hội, An toàn về đích*”. Tập đoàn đã chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện quyết liệt và đồng bộ gói giải pháp cấp bách để ứng phó với “tác động kép” của dịch bệnh Covid-19 và giá dầu giảm, tập trung vào 5 nhóm giải pháp tổng thể về quản trị, tài chính, đầu tư, thị trường và cơ chế chính sách; đồng thời chi tiết, cụ thể hóa các giải pháp cho 5 lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn. Với nỗ lực đó, năm 2020, Petrovietnam là một trong số ít công ty dầu khí trên thế giới đã vượt qua khủng hoảng và có lợi nhuận gần 20.000 tỷ đồng.

Đến năm 2021, trong tình hình đại dịch Covid-19 lan rộng, ảnh hưởng nặng nề đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội toàn cầu và ở nước ta, tác động rất mạnh đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và Petrovietnam không nằm ngoài những tác động đó, đặc biệt là việc tiêu thụ các sản phẩm chủ lực của Tập đoàn như: Xăng dầu, khí tự nhiên, khí hóa lỏng, điện, đạm... đều rất khó khăn. Từ bài học kinh nghiệm và kết quả ứng phó hiệu quả với “tác động kép” trong năm 2020, đồng thời nhận diện các rủi ro, những khó khăn, thách thức và những cơ hội phát sinh, quyết liệt với phương châm hành động

của năm 2021 là “*Quản trị biến động, Tối đa giá trị, Mở rộng thị trường, Tận dụng cơ hội, Liên kết đầu tư, Phục hồi tăng trưởng*”, Petrovietnam tiếp tục vững vàng vượt qua sóng gió, hoàn thành toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, đạt mục tiêu phục hồi tăng trưởng so với trước đại dịch Covid-19.

Năm 2022 tiếp tục là một năm đầy khó khăn của kinh tế toàn cầu với nhiều biến động, thách thức chưa từng có tiền lệ do chịu sự khủng hoảng đa tầng từ xung đột địa chính trị tại một số khu vực, đến hậu quả của dịch Covid-19 và biến đổi khí hậu; đầu tư, thương mại toàn cầu giảm sút; đứt gãy chuỗi cung ứng, dấu hiệu suy thoái kinh tế toàn cầu ngày càng rõ nét. Để vượt qua khó khăn, tận dụng cơ hội thị trường, Petrovietnam đề ra phương châm hành động “*Quản trị biến động, Đón đầu xu hướng, Kết nối nguồn lực, Phát huy công nghệ, Thúc đẩy đầu tư, Phát triển bền vững*” làm mục tiêu phấn đấu hoàn thành cao nhất các nhiệm vụ/chỉ tiêu được giao. Kết quả, năm 2022, Petrovietnam thiết lập rất nhiều những kỷ lục tăng trưởng mới từ trước đến nay.

Năm 2023 vừa qua, được đánh giá là một năm có nhiều khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và với ngành Dầu khí nói riêng, các điều kiện sản xuất kinh doanh suy giảm mạnh so với cả trong giai đoạn đại dịch Covid-19. Bên cạnh những khó khăn chung giống như cộng đồng doanh nghiệp cả nước, Petrovietnam

còn phải chịu tác động bất lợi bởi 3 yếu tố gắn với đặc thù hoạt động của Tập đoàn, đó là: Tình hình địa chính trị tại các trung tâm năng lượng thế giới và Biển Đông diễn biến phức tạp; Tốc độ dịch chuyển năng lượng nhanh, biến động lớn về cung - cầu và giá các sản phẩm năng lượng suy giảm mạnh so với năm 2022 (giá dầu thô giảm 17-38%, giá phân bón giảm 25-30%; biên lợi nhuận lọc hóa dầu giảm 24-26% so với năm 2022); Huy động khí tự nhiên, điện thấp hơn so với năng lực sản xuất của Tập đoàn.

Bám sát phương châm hành động là “*Quản trị biến động - Mở rộng quy mô - Tăng tốc chuyển đổi số - Dịch chuyển mô hình - Nâng cao năng suất - Tái tạo kinh doanh*”, Tập đoàn và các đơn vị thành viên triển khai công việc và nhiệm vụ trong năm 2023 một cách đồng bộ, xuyên suốt, hiệu quả và chất lượng, đạt được những kết quả ấn tượng, với 9 dấu ấn nổi bật:

Một là: Được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, trực tiếp là Thủ tướng Chính phủ đã hoàn thiện thể chế, chính sách liên quan đến hoạt động SXKD của Tập đoàn tạo tiền đề cho chiến lược phát triển ổn định, bền vững: (i) Đề án điều chỉnh và thay thế Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 23/7/2015 về Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2035 đã hoàn thành. (ii) Luật Dầu khí năm 2022 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2023 và Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ban hành ngày 01/7/2023 quy định chi tiết một số điều



của Luật Dầu khí là khung pháp lý hoàn chỉnh, đồng bộ để thúc đẩy và phát triển hoạt động dầu khí. (iii) Đề án cơ cấu lại PVN giai đoạn đến hết năm 2025, kế hoạch SXKD đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. (iv) Nghị định thư sửa đổi Hiệp định Liên chính phủ hoạt động của Vietsovpetro (VSP) và Russvietpetro (RVP) đã được 02 Chính phủ Việt Nam - Liên bang Nga phê duyệt.

Hai là: *Đổi mới công tác quản trị:* (i) *Hoạch định kế hoạch quản trị với mục tiêu cao, áp lực lớn để thu hút tập trung nguồn lực cùng 6 nhóm giải pháp triển khai tạo động lực tăng trưởng;* (ii) *Tối ưu quản trị, ứng dụng công nghệ để nâng cao công suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh.* Hầu hết các chỉ tiêu sản xuất chủ yếu đều hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2023 Chính phủ giao từ 2 – 33%; có 6 chỉ tiêu sản xuất tăng trưởng cao so với năm 2022 (Điện tăng 31%; Sản xuất xăng dầu tăng 7,3%; Kinh doanh xăng dầu tăng 11,2%; Đạm hạt đục tăng 2,8%; NPK Cà Mau tăng 24,1%; Polypropylen tăng 12,2%). Tối

đa hiệu quả và tối ưu chi phí, tiết kiệm toàn Tập đoàn năm 2023 đạt 3.072 tỷ đồng, vượt 37% so với kế hoạch.

Ba là: *Vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội lập nhiều kỷ lục trong hoạt động sản xuất, kinh doanh*

- Lập kỷ lục mới về Tổng doanh thu toàn PVN sau 62 năm Truyền thống ngành Dầu khí, cao hơn 11,6 nghìn tỷ đồng so với kỷ lục năm 2022 đã thiết lập.

- Kỷ lục về sản xuất xăng dầu, đạm hạt đục.

- Kỷ lục về kinh doanh: PVOil với 5,21 triệu m3 kinh doanh xăng dầu; PVGas với gần 2,5 triệu tấn kinh doanh LPG.

Bốn là: *Góp phần quan trọng ổn định kinh tế - xã hội của đất nước*

- Tổng doanh thu toàn Tập đoàn tương đương 9,2% GDP cả nước; tổng nộp ngân sách nhà nước toàn Tập đoàn chiếm tỷ trọng 9,0% tổng thu ngân sách nhà nước năm 2023.

- Trong mọi tình huống PVN luôn giữ vai trò quan trọng trong đảm bảo an ninh năng lượng;

cân đối vĩ mô và tham gia bình ổn thị trường; cung cấp nhiên liệu cho an ninh Quốc phòng; đáp ứng trên 75% nhu cầu xăng dầu cả nước, đáp ứng trên 73% nhu cầu phân bón cả nước, trên 75% thị phần LPG cả nước và 20% thị phần nội địa trong kinh doanh xăng dầu. Thực hiện an sinh xã hội với giá trị trên 750 tỷ đồng.

- Toàn Tập đoàn dành 750 tỷ đồng thực hiện An sinh xã hội trên mọi miền tổ quốc.

Năm là: Mở rộng quy mô, nâng cao công suất, hiệu suất các nhà máy tạo vị thế vững chắc cho chuyển dịch mô hình kinh doanh

- Mở rộng quy mô trong nước, đẩy mạnh hoạt động quốc tế, tạo động lực mới, góp phần quan trọng hình thành hệ thống cơ sở, nền tảng mở rộng quy mô, gia tăng giá trị và tầm ảnh hưởng Petrovietnam trên thị trường thế giới; đặc biệt chủ động nắm bắt cơ hội trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển các sản phẩm mới từng bước chuyển dịch mô hình kinh doanh.

- Hoạt động tại các nhà máy liên tục, an toàn, ổn định, tối ưu công suất, hiệu suất: các Nhà máy Lọc dầu công suất trung bình 105-112%; các Nhà máy Đạm công suất 114-115%; các Nhà máy Điện của Tập đoàn luôn sẵn sàng cung cấp với độ khả dụng cao%.

Sáu là: Công tác quản trị đầu tư tiếp tục chuyển biến, đạt kết quả tích cực

- Giá trị thực hiện đầu tư tăng 24% so với năm 2022. Hoàn

thành và đẩy nhanh tiến độ nhiều dự án trọng điểm: Dự án Thái Bình 2 được hồi sinh đưa vào hoạt động; vận hành Kho cảng LNG 1 triệu tấn/năm Thị Vải; Ký kết các hợp đồng EPC dự án phát triển mỏ thuộc Chuỗi dự án khí-điện Lô B sau quá trình chuẩn bị nhiều năm. Hoàn thành đưa vào khai thác sớm 04 mỏ/công trình dầu khí.

- Ghi nhận dấu mốc quan trọng có 02 phát hiện dầu khí mới trong một năm kể từ năm 2018 đến nay.

Bảy là: Công tác chuyển đổi số góp phần nâng cao giá trị, từng bước hình thành nền tảng số đồng bộ

- PVN đã hoàn thành số hóa toàn bộ các văn bản và thường xuyên cập nhật trên các ứng dụng AI và tích hợp hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu datawarehouse và kết nối các hệ thống ứng dụng trên nền tảng công nghệ thông tin; xây dựng các nhà máy thông minh; nâng cao trải nghiệm khách hàng; gia tăng sức cạnh tranh và đạt được những lợi ích thiết thực.

Tám là: Đổi mới sáng tạo, bổ sung các động lực tăng trưởng mới

- Phát triển chuỗi liên kết giá trị trong hệ sinh thái Petrovietnam góp phần tích cực cho các đơn vị thành viên cùng nhau nghiên cứu các giải pháp nhằm tối đa nguồn lực, đổi mới sáng tạo để phát triển các sản phẩm mới. Trong đó nổi bật: BSR đã nghiên cứu, sản

xuất và xuất bán thành công 3 sản phẩm mới: BOPP, RFCC Naphtha, MixC4 và tối đa chỉ số RON để tăng sản lượng xăng Mogas 95; PVChem phát triển các sản phẩm hóa chất, hóa dầu có giá trị cao, thân thiện với môi trường như sản xuất PP Filler Masterbatch/ Compound từ bột PP. Với tổng số 17 sáng kiến cấp Tập đoàn, 471 sáng kiến cấp cơ sở áp dụng vào thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh đã mang lại giá trị trên 1.246 tỷ đồng.

- Tập trung đánh giá, nghiên cứu xu hướng chuyển dịch sang năng lượng xanh. Trong đó hướng tới điện gió ngoài khơi để phát triển lĩnh vực công nghiệp năng lượng của Petrovietnam. PTSC đã cụ thể hóa chủ trương phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo, hợp tác với Công ty Sembcorp Utilities Ltd (SCU) đầu tư xuất khẩu điện sang Singapore từ nguồn năng lượng tái tạo ngoài khơi tại Việt Nam; và tích cực mở rộng cơ hội hợp tác, xây dựng chuỗi cung ứng trong lĩnh vực điện gió ngoài khơi nói riêng và năng lượng tái tạo ngoài khơi nói chung tại Đài Loan tiến tới mở rộng ra các nước trong khu vực.

Chín là: Tái tạo văn hóa Petrovietnam, nâng cao giá trị thương hiệu

- Hệ giá trị cốt lõi của văn hóa dầu khí “Khát vọng - Trí tuệ - Chuyên nghiệp - Nghĩa tình” được thấm sâu trong đời sống doanh nghiệp.

- Giá trị thương hiệu Petrovietnam năm 2023 đạt gần 1,4 tỷ USD (tăng gấp 3 lần so với

năm 2019) với chỉ số sức mạnh thương hiệu ở mức AA-. Năm thứ 4 liên tiếp PVN góp mặt trong Top 10 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam. Năm thứ 15 liên tiếp Petrovietnam góp mặt trong Top 3 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.

- Năm thứ năm liên tiếp Petrovietnam được tổ chức xếp hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới Fitch Ratings đánh xếp hạng tín nhiệm độc lập ở mức BB+ - phản ánh chính xác về tình hình kinh doanh và tài chính vững mạnh của Petrovietnam với mức độ liên kết cao trong các lĩnh vực hoạt động của Tập đoàn.

“Quản trị biến động” trở thành văn hóa phát huy hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp của Petrovietnam

Có thể nói, Tập đoàn đã nhạy bén, sớm nhận diện về đặc điểm của thế giới với biến động, bất định, phức tạp và mơ hồ khó dự đoán, đặc biệt là diễn biến rất nhanh. Trong khi đó, đặc thù hoạt động của Petrovietnam với quy mô rất lớn nên cũng chịu tác động rất lớn từ thị trường, kinh tế vĩ mô, nếu không quản trị tốt biến động thì không cách nào có thể đạt được thắng lợi một cách toàn diện vì “được chỗ này/lĩnh vực này nhưng cũng rất dễ bị mất ở chỗ khác, được lúc này nhưng có thể cũng sẽ mất hết thành quả rất nhanh khi gặp biến động xấu”.

Thực tế từ tác động của đại dịch Covid-19, đến những biến động địa chính trị, kinh tế, thị trường chưa từng có, sự xuất hiện của các xu hướng mới...

biến động nhanh, khó lường đã cho thấy, bao trùm 4 năm qua là một thế giới đầy rủi ro, bất định. Như đã phân tích trên, muốn có được thành công, thì “Quản trị biến động” đóng vai trò quyết định. Đây là một phương thức mới trong quản trị, quản lý, đóng vai trò trọng yếu và đã trở thành văn hóa trong quản trị doanh nghiệp của Petrovietnam, quyết định toàn diện đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Đó là động lực, đồng thời là bài học kinh nghiệm, phương thức quan trọng để Petrovietnam phát triển ổn định, bền vững và vươn xa.

Trong những năm qua, công tác quản trị của Petrovietnam có nhiều đổi mới, chuyển biến tích cực, nâng cao hiệu quả, tiếp cận theo hướng hiện đại, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực mang tính



tích hợp cao với mục tiêu đảm bảo hệ thống vận hành doanh nghiệp một cách đồng bộ, toàn diện từ khâu hoạch định chiến lược, mô hình tổ chức, hệ thống tài chính đến quản trị nhân sự, nguồn lực, tổ chức sản xuất và phát triển thị trường, hướng tới phát triển bền vững.

Việc chủ động “Quản trị biến động” đã giúp Tập đoàn dự báo, đề ra giải pháp cho các tình huống, luôn giữ sự bình tĩnh để ứng phó, thích nghi, xây dựng những kịch bản, tình huống xấu nhất có thể gặp phải. Qua đó, giúp Tập đoàn đứng vững, ứng phó kịp thời, hiệu quả, hạn chế thấp nhất những thiệt hại từ biến động tiêu cực của tình hình vĩ mô, thị trường; đồng thời tận dụng được các cơ hội mới xuất hiện để đạt được hiệu quả sản xuất kinh doanh cao nhất.

“Quản trị biến động” còn giúp Petrovietnam khẳng định và làm tốt hơn nữa vai trò quan trọng trong ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an ninh năng lượng của đất nước trước những biến động của thị trường năng lượng. Trong đó, Petrovietnam đã vượt qua khủng hoảng giá dầu, ngành Dầu khí toàn cầu đối mặt với việc quá tải các hệ thống tồn chứa, giá dầu xuống mức âm (2020); khủng hoảng đại dịch Covid-19 lan rộng và giá dầu giảm sâu (2021); góp phần cốt yếu đảm bảo nguồn cung xăng dầu trong tình hình thiếu hụt xăng dầu (2022); đóng góp vào việc khắc phục tình trạng thiếu điện cho sản xuất và đời sống trong mùa khô năm 2023.

Năm 2024 được đánh giá là năm có nhiều khó khăn ở nhiều phương diện, đó là địa chính trị khó dự báo, kinh tế toàn cầu khó khăn, nợ công cao, tác động đến chi phí chu kỳ kinh tế toàn cầu, các vấn đề thị trường dịch vụ, năng lượng... Tuy nhiên, Tập đoàn cũng có những thuận lợi trong năm qua nhờ đẩy mạnh mở rộng quy mô về doanh thu và hạ tầng kinh doanh, các quan hệ ngoại giao giúp mở rộng thị trường, các thể chế, chính sách từng bước được tháo gỡ. Với truyền thống hơn 60 năm trưởng thành và phát triển, năm 2024, Tập đoàn phấn đấu đặt mục tiêu về tốc độ tăng trưởng từ 3,5-6%, doanh thu đạt trên 970 nghìn tỷ đồng, thúc đẩy đầu tư, tạo động lực tăng trưởng cho phát triển dài hạn.

Với phương châm “*Quản trị biến động, Bổ sung động lực mới, Làm mới động lực cũ, Tạo nguồn năng lượng mới, Vươn tới những đỉnh cao*”, lãnh đạo Tập đoàn yêu cầu các đơn vị trong toàn Tập đoàn tập trung vào một số nhóm giải pháp, thúc đẩy động lực về văn hóa trên tinh thần kế thừa và phát triển những năm qua với tinh thần “Một đội ngũ - Một mục tiêu”, tái tạo văn hóa và nâng tầm văn hóa về tăng trưởng, đoàn kết thống nhất, tuân thủ pháp luật, sự phối kết hợp giữa các đơn vị... Cùng với đó, tạo động lực về thể chế trở thành động lực phát triển của Tập đoàn. Muốn làm được điều đó cần cụ thể hóa trong từng lĩnh vực về quản trị doanh nghiệp theo phương châm làm mới động lực cũ để dịch chuyển

mô hình kinh doanh. Tiếp tục khai thác động lực về việc mở rộng quy mô, nâng cao năng suất, hiệu suất, mở rộng thị trường kinh doanh quốc tế dựa trên các quan hệ song phương, đa phương; quản trị đầu tư, danh mục đầu tư các dự án đầu tư, tối ưu các loại chi phí, cuối cùng tập trung hoàn thiện đề án tái cấu trúc đồng bộ với mô hình và hệ thống quản trị của Tập đoàn.

Có thể thấy, “Quản trị biến động” nói riêng và phương châm chỉ đạo của Tập đoàn nói chung là sáng tạo mới trong quản trị, cho thấy sự đúng hướng, quyết đoán, kịp thời trước thời cuộc. Đó không phải là khẩu hiệu mà đã đi vào thực tiễn và minh chứng bằng những kết quả đầy ấn tượng của Petrovietnam trong thời gian qua, nhận được sự ghi nhận, đánh giá cao, lấy lại được niềm tin của Đảng, Nhà nước và xã hội cũng như sự đồng tình, ủng hộ trong toàn Tập đoàn!

Thời gian tới, với mục tiêu trở thành Tập đoàn Công nghiệp Năng lượng Quốc gia, giữ vai trò trụ cột trong bảo đảm an ninh năng lượng và trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trước những khó khăn bất định, những bài học kinh nghiệm và quyết sách đúng đắn thời gian qua sẽ tiếp tục phát huy hiệu quả, tạo động lực cho Petrovietnam hướng tới nỗ lực, quyết tâm hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ to lớn hơn và thực hiện thành công chiến lược phát triển, lập nhiều thành tựu mới, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, hùng cường ■



THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THAM MƯU CỦA CÁC CƠ QUAN ĐẢNG TRUNG ƯƠNG VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA QUA 40 NĂM ĐỔI MỚI

● **NGUYỄN QUANG HUY, ĐÀO THỊ NHUNG VÀ NHÓM NGHIÊN CỨU⁽¹⁾**

Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng là một trong những vấn đề luôn được Đảng ta coi trọng trong nhận thức lý luận, cũng như trong hoạt động thực tiễn. Là Đảng cầm quyền, vị trí đó có tính lịch sử khách quan và được Hiến pháp ghi nhận, Đảng phải xác định mục tiêu chung và những mục tiêu cụ thể của cách mạng nước ta, vạch ra được đường lối chính trị, các chủ trương lớn. Từ đó, toàn bộ hoạt động của Đảng là phải biến mục tiêu, đường lối, chủ trương đó thành hiện thực. Nội dung và phương thức lãnh đạo

(1) Đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm, giai đoạn 2022-2024 mã số KHBD (2022-2024)-06

của Đảng đối với sự phát triển kinh tế được thể hiện trước hết đó là Đảng xác định quan điểm, chủ trương, đường lối phát triển kinh tế thị trường (KTMT) định hướng XHCN qua các kỳ đại hội của Đảng; sau đó Đảng lãnh đạo việc cụ thể hóa, thể chế hóa các quan điểm, đường lối thành các luật, nghị định, kế hoạch, chính sách, biện pháp cụ thể... của các cơ quan Nhà nước để đưa các nghị quyết của Đảng vào cuộc sống; cuối cùng Đảng kiểm tra, giám sát, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết của Đảng để bổ sung, phát triển và hoàn thiện đường lối, chiến lược phát triển kinh tế.

Trong suốt quá trình gần 40 năm đổi mới (1986 đến nay), Đảng Cộng sản Việt Nam đã có nhiều chủ trương, chính sách lớn để đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển kinh tế-xã hội nói chung và phát triển kinh tế thị trường (KTMT) định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) nói riêng.

- Một trong những đóng góp quan trọng vào quá trình này, thông qua chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan Đảng Trung ương đã tham mưu xây dựng, ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư qua các nhiệm kỳ từ Đại hội VI đến nay, cụ thể là hoạch định các chủ trương, định hướng lớn về phát triển nền KTMT định hướng XHCN⁽²⁾ với những nội dung như sau:

+ Đổi mới tư duy, nhận thức lý luận về nền KTMT định hướng XHCN từ sản xuất theo mô hình tập trung, kinh tế hiện vật, phi thị trường sang tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước phát triển, đi đôi với phát triển văn hóa, giáo dục.

+ Đổi mới sự lãnh đạo phát triển KTMT định hướng XHCN ở nước ta thông qua hoạt động thể chế hóa một cách đồng bộ (Hiến pháp, luật và các văn bản dưới luật) nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển lực lượng sản xuất lớn mạnh; hoàn thiện từng bước chế độ sở hữu, thành phần kinh tế và các loại hình doanh nghiệp tuân thủ các quy luật của kinh tế thị trường và phù hợp với điều kiện của đất nước; phát triển đồng bộ các loại thị trường; phát triển kinh tế gắn với định hướng XHCN, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước đối với nền kinh tế.

+ Tăng cường sự lãnh đạo đối với các nội dung cụ thể trong phát triển KTMT định hướng XHCN, trong đó trọng tâm: (i) Sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước để góp phần thể hiện vai trò kinh tế nhà nước là chủ đạo trong nền KTMT định hướng XHCN. (ii) Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định

hướng XHCN trên tinh thần xóa bỏ mọi rào cản, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các loại hình doanh nghiệp của tư nhân phát triển... cũng như xây dựng, phát triển đội ngũ doanh nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, có trình độ quản lý, kinh doanh giỏi, có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội cao. (iii) Hội nhập kinh tế quốc tế từ định hướng xây dựng một nền kinh tế mới hội nhập với khu vực và thế giới hướng mạnh về xuất khẩu sang hội nhập quốc tế để phát triển đất nước nhanh và bền vững.

Như vậy, có thể thấy các văn kiện về phát triển KTMT định hướng XHCN được các cơ quan Đảng Trung ương tham mưu xây dựng, ban hành đã đáp ứng yêu cầu về tính kịp thời, có nội dung phù hợp, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và lý luận đặt ra, chất lượng từng bước được nâng lên; có hiệu quả thiết thực, góp phần quan trọng đổi mới phương thức, nâng cao năng lực

(2) Theo thống kê của VPTW, đặc biệt trong nhiệm kỳ khóa XI và XII đã ban hành 09/220 văn kiện về hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN.



lãnh đạo của Đảng về phát triển kinh tế nói chung.

- Cùng với công tác tham mưu xây dựng, ban hành các chủ trương lớn về KTTT định hướng XHCN, công tác tham mưu của các cơ quan Đảng Trung ương thông qua việc sơ kết, tổng kết các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư các nhiệm kỳ, nhất là trong ba nhiệm kỳ XI, XII⁽³⁾ và XIII được triển khai thực hiện theo đúng quy định của Trung ương (*các văn kiện của Trung ương thực hiện sơ kết sau 5 năm, tổng kết sau 10 năm*) và chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Diễn hình như trong giai đoạn từ năm 2012-2020, với vai trò là cơ quan tham mưu trụ cột về kinh tế của Đảng, Ban Kinh tế Trung ương đã chủ trì/tham gia sơ kết tổng kết những nội dung lớn về nền KTTT định hướng XHCN, gồm: (i) Tổng kết một số vấn đề lý luận-thực tiễn qua 30 năm đổi mới về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và

công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; (ii) Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 khóa X (Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 30/01/2008) về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (iii) Tổng kết 15 năm 2002-2017 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân; 10 năm 2008-2017 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; 15 năm 2001-2016 thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước. Đây là cơ sở để Ban Chấp hành Trung ương khóa XII ban hành 03 Nghị quyết số 10, 11, 12 về: “Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan

trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” và “Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước”.

Về cơ bản, công tác sơ kết, tổng kết những chủ trương của Đảng về kinh tế nói chung và phát triển KTTT định hướng XHCN nói riêng do các cơ quan Đảng Trung ương tham mưu triển khai thực hiện đã kịp thời đánh giá đúng kết quả, ưu điểm đạt được, chỉ ra hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân và đề ra giải pháp khắc phục, trong đó kế thừa cơ bản những nội dung còn phù hợp, bổ sung những nội dung mới; đồng thời, căn cứ vào thực tiễn, xét thấy sự cần thiết thì ban hành các văn bản mới để thay thế văn bản cũ; chú trọng việc kiến nghị, đề xuất với Trung ương những vấn đề cần thiết để điều chỉnh, bổ sung, phát triển đường lối cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong tình hình mới.

Đồng thời, việc sơ kết, tổng kết còn giúp các cấp ủy đảng phát hiện các mô hình hay, các điển hình tiên tiến, những đơn vị, địa phương có cách làm sáng

(3) Báo cáo Đề án Đổi mới việc ban hành, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng của Ban Tuyên giáo Trung ương (năm 2021) cho thấy, theo chức năng, nhiệm vụ của mình, 06 ban Đảng Trung ương và Đảng đoàn Quốc hội, các đảng ủy trực thuộc Trung ương đã sơ kết, tổng kết 458 văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

tạo, hiệu quả để biểu dương, nhân rộng; kịp thời cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng cho việc xây dựng, ban hành các văn kiện của Đảng về phát triển KTTT định hướng XHCN.

Ngoài ra, công tác sơ kết, tổng kết đã góp phần xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng cá nhân, tổ chức, nhất là người đứng đầu để kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh nếu có khuyết điểm, sai phạm.

Tựu chung lại, trong gần 40 năm đổi mới, công tác tham mưu chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển KTTT định hướng XHCN của các cơ quan Đảng Trung ương đã được triển khai đồng bộ, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đặt ra đối với sự nghiệp phát triển của đất nước. Đặc biệt trong những nhiệm kỳ gần đây, công tác này đã góp phần cho Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp thực hiện nhiều đổi mới trong việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận trong quá trình triển khai chức năng lãnh đạo, chỉ đạo. Hầu hết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận được tham mưu xây dựng, ban hành đúng, trúng vấn đề, đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn đặt ra; nội dung được trình bày khoa học, đi vào trọng tâm, trọng điểm hơn. Đáng lưu ý là, hầu hết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng đã đi vào cuộc sống, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, đóng vai trò định hướng, dẫn dắt thực tiễn, khẳng định rõ vị thế, vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của

Đảng đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội nói chung. Trong đó, có những nghị quyết, chỉ thị, kết luận đem lại những dấu ấn quan trọng về phát triển KTTT định hướng XHCN nói riêng như Nghị quyết Trung ương 6 khóa X; các Nghị quyết Trung ương 5 khóa XII;...

Việc sơ kết, tổng kết các nghị quyết của Đảng trên cơ sở công tác tham mưu về kinh tế của các ban của Đảng Trung ương cũng có nhiều đổi mới và ngày càng thiết thực, hiệu quả hơn, là căn cứ để xem xét, đánh giá kết quả của quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng trên thực tế. Thực hiện sơ kết, tổng kết do các cơ quan tham mưu ở Trung ương của Đảng được giao nghiêm túc, bài bản, có chất lượng; đánh giá khách quan những ưu điểm và hạn chế, khuyết điểm; rút ra được những bài học kinh nghiệm quý giá, những tấm gương điển hình về sự đổi mới và thực hiện sáng tạo trong việc quán triệt và tổ chức thực hiện, qua đó khẳng định được chất lượng, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác tham mưu của các cơ quan Đảng Trung ương về xây dựng, ban hành, sơ kết, tổng kết các chủ trương của Đảng đối với phát triển KTTT định hướng XHCN qua gần 40 năm đổi mới, vẫn còn một số hạn chế, tồn tại cụ thể:

Một là, việc tham mưu để ra nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương trong một nhiệm

kỳ và trong một hội nghị Trung ương, nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư thay bằng việc ra kết luận để tiếp tục thực hiện các nghị quyết, chỉ thị đã ban hành vẫn còn giá trị và giải quyết những vấn đề cụ thể đã giảm, nhưng chưa nhiều⁽⁴⁾.

Hai là, kết cấu nội dung của một số nghị quyết, chỉ thị, kết luận được tham mưu ban hành chưa theo một mẫu thống nhất, thiếu tính đồng bộ. Những nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong các nghị quyết, chỉ thị, kết luận đôi chỗ vẫn còn rườm rà, chưa thực sự dễ hiểu và khó ghi nhớ. Nhiều nội dung trong các nghị quyết, chỉ thị, kết luận được tham mưu ban hành vẫn còn trùng lặp⁽⁵⁾.

Ba là, công tác hướng dẫn triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của các cơ quan Đảng Trung ương đôi khi vẫn còn chậm, còn tình trạng hướng dẫn thực hiện theo các hình thức khác nhau, thiếu thống nhất, lúng túng; chưa quy định rõ đơn vị đầu mối theo dõi, tổng hợp, kịp thời báo cáo, đề xuất các giải pháp lãnh đạo,

(4) Cụ thể như tại Hội nghị Trung ương 5 khóa XII cùng lúc ban hành 03 nghị quyết 10, 11 và 12.

(5) Cụ thể như một số mục tiêu cụ thể về bội chi ngân sách, quy mô nợ công,...; nhiệm vụ và giải pháp về cơ cấu lại đầu tư công, DNNN, đổi mới và cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập của Nghị quyết số 05-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII không có nhiều điểm khác biệt so với mục tiêu của Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII.



chỉ đạo trong quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận để đạt hiệu quả cao.

Bốn là, việc sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận tại một số cơ quan Đảng Trung ương có lúc chưa được quan tâm triển khai sâu sát; chưa bám sát vào chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; chưa tuân thủ yêu cầu về thời gian sơ kết, tổng kết đối với các nghị quyết, chỉ thị, kết luận⁽⁶⁾. Việc thực hiện công tác tham mưu ban hành, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận chủ yếu mang tính kế thừa kinh nghiệm từ các nhiệm vụ đã từng thực hiện, còn nhiều lúng túng về một quy trình chuẩn.

Năm là, việc cử lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức tham gia vào ban chỉ đạo các đề án tham mưu xây dựng, ban hành, sơ kết, tổng kết và cán bộ các vụ, đơn vị chuyên môn của các bộ, ngành địa phương, cơ quan, tổ chức tham gia vào

tổ biên tập các đề án tham mưu ban hành, sơ kết, tổng kết vẫn còn mang nặng tính hình thức, “đánh trống ghi tên”, chưa thực sự đóng góp nhiều cho nhiệm vụ tham mưu ban hành, sơ kết, tổng kết.

Những hạn chế, tồn tại nêu trên do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan song nguyên nhân chủ quan là chủ yếu, đó là:

Thứ nhất, khối lượng công việc mà Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư phải giải quyết ngày càng nhiều, với yêu cầu ngày càng cao trong khi các điều kiện và nguồn lực bảo đảm cho các cơ quan tham mưu, cơ quan chuyên môn có hạn.

Thứ hai, một số cán bộ, công chức ở cơ quan tham mưu của Đảng ở Trung ương, cấp ủy đảng, người đứng đầu có nơi có lúc chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc, toàn diện về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc xây dựng ban hành, cũng như tổ

chức triển khai thực hiện, kiểm tra, sơ kết, tổng kết các văn kiện của Đảng; chưa tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời. Một bộ phận cán bộ tham mưu còn hạn chế về năng lực trình độ, thiếu kinh nghiệm, chưa thật sự tâm huyết, còn ngại khó, chưa đổi mới tư duy sáng tạo trong xây dựng, ban hành, sơ kết, tổng kết các văn kiện của Đảng.

Thứ ba, những quy định, yêu cầu về việc xây dựng, ban hành, sơ kết, tổng kết các văn kiện của Đảng còn thiếu, chưa đồng bộ, một số vấn đề chưa được làm rõ về lý luận, thực tiễn. Khâu quản lý, lưu trữ, khai thác hồ sơ, tài liệu phục vụ việc xây dựng, ban hành các đề án còn hạn chế.

Để đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tham mưu của các cơ quan Đảng Trung ương trong ban hành, sơ kết, tổng kết các chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế nói chung và phát triển KTTT định hướng XHCN nói riêng, cần quan tâm thực hiện một số giải pháp đề xuất sau đây:

- Đối với việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng, ban hành các chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

- + Giảm bớt việc ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ

(6) Tại Kết luận số 49-KL/TW ngày 12/6/2009 của Bộ Chính trị về một số vấn đề đổi mới các ra nghị quyết, chỉ thị và việc quán triệt, tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Chính trị, Ban Bí thư trong một nhiệm kỳ và trong một hội nghị Trung ương một cách thực chất hơn nữa.

+ Ban hành quy trình thống nhất về cách thức triển khai ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trong đó kèm theo các biểu mẫu chuẩn; quy định rõ thời hiệu ngay trong từng nghị quyết, chỉ thị, kết luận.

+ Rà soát kỹ các nội dung trong nghị quyết, chỉ thị, kết luận trong quá trình xây dựng đề tránh trùng lặp. Đồng thời, những nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong các nghị quyết, chỉ thị, kết luận nên được soạn thảo theo văn phong đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ, mang tính định lượng thay vì định tính; gắn với thời gian thực hiện rõ ràng để triển khai mục tiêu, yêu cầu của các nghị quyết, chỉ thị, kết luận đề ra.

+ Đổi mới cách thức, nội dung, chất lượng của việc học tập, quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận tại một số bộ, ngành, cơ quan và địa phương theo hướng thực chất hơn, tránh hình thức, chiếu lệ, tập trung giám sát chặt chẽ. Nâng cao hơn nữa trách nhiệm của cấp

ủy trong việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nghị quyết, chỉ thị, kết luận và xây dựng chương trình hành động phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức; ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong nghiên cứu, học tập các nghị quyết, chỉ thị, kết luận. Nội dung chương trình hành động, kế hoạch hành động của một số cấp ủy cần đổi mới về chất lượng, phải xác định cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp, những chỉ tiêu chi tiết với thời hạn thực hiện.

- Đối với việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tham mưu trong sơ kết, tổng kết các chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

+ Các cơ quan tham mưu của Đảng ở Trung ương được giao nhiệm vụ sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận cần chủ động triển khai những nội dung liên quan, bám sát vào chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trên cơ sở tuân thủ yêu cầu về thời gian sơ kết, tổng kết đối với các nghị quyết, chỉ thị, kết luận.

+ Nghiên cứu xây dựng và ban hành quy trình chuẩn thực

hiện nhiệm vụ sơ kết, tổng kết tương tự như nhiệm vụ ban hành các nghị quyết, chỉ thị, kết luận và quán triệt tới từng cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương nghiêm túc triển khai.

+ Xem xét giảm bớt nhiệm vụ sơ kết, tổng kết trên cơ sở đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

+ Nâng cao nhận thức và gắn trách nhiệm đối với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức trong việc tham gia vào ban chỉ đạo, tổ biên tập các đề án của cả nhiệm vụ tham mưu ban hành, lẫn nhiệm vụ tham mưu sơ kết, tổng kết. Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa các cấp ủy đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương trong việc thực hiện nhiệm vụ ban hành, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận.

+ Bố trí các nguồn lực phù hợp để thực hiện công tác tham mưu ban hành; sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, nhất là nguồn lực về tài chính và đặc biệt là cho các ban của Đảng ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo Chuyên đề số 16 về “Đổi mới phương thức lãnh đạo về kinh tế của Đảng” của Ban Kinh tế Trung ương thực hiện Kế hoạch số 21-KH/HĐLLTW của Hội đồng Lý luận Trung ương.
2. Báo cáo Đề án Đổi mới việc ban hành, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng của Ban Tuyên giáo Trung ương (năm 2021).
3. Báo cáo số 20-BC/BKTTW ngày 07/6/2021 của Ban Kinh tế Trung ương.
4. Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới.
5. Kỷ yếu Ban Kinh tế Trung ương 70 năm xây dựng và trưởng thành, (2020).



ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA NHẪM TẠO VIỆC LÀM, GÓP PHẦN BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI

● LÊ DUY BÌNH(*)

Sự phát triển mạnh mẽ của khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV)

Các DNNVV thuộc khu vực tư nhân đầu tiên được thành lập vào năm 1991 sau khi Luật Doanh nghiệp Tư nhân và Luật Công ty được ban hành vào năm 1990. Vào thời điểm đó, việc thành lập một DNNVV thuộc khu vực tư nhân vẫn còn rất phức tạp và tốn kém. Vì vậy, trong vòng 9 năm kể từ khi luật được ban hành cho

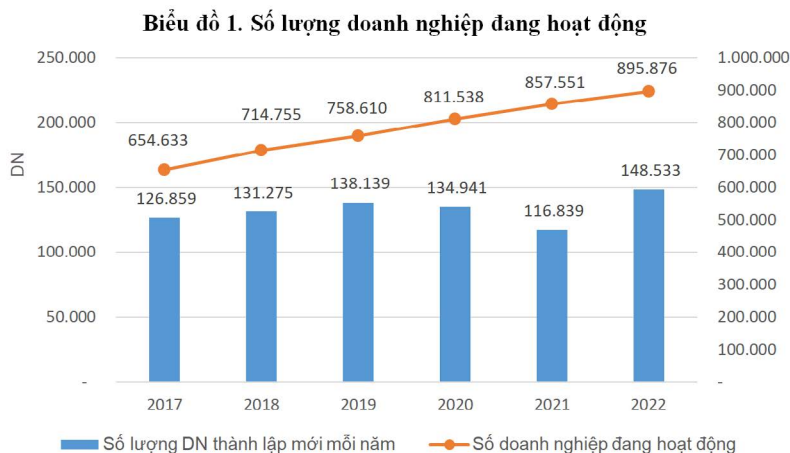
đến năm 1999, chỉ có 14.500 DN tư nhân được thành lập.

Luật Doanh nghiệp được ban hành vào năm 1999 đã mang lại sự phát triển đột phá về số lượng DNNVV tại Việt Nam. Với sự ban hành của Luật Doanh nghiệp, quyền tự do kinh doanh của người dân Việt Nam củng cố, các DN tư nhân cũng như quyền sở hữu tài sản của các doanh nhân được bảo vệ. Luật Doanh nghiệp cũng đã đưa ra những cải

cách mạnh mẽ chưa có tiền lệ về thủ tục đăng ký kinh doanh, loại bỏ rào cản kinh doanh, và thúc đẩy sự đổi mới trong tư duy của các cơ quan Nhà nước, các bộ, ngành, chính quyền địa phương về DN tư nhân nói chung và DNNVV nói riêng.

Ngay sau khi luật được ban hành, số lượng DN đăng ký hàng năm tăng lên đáng kể. Trong những năm gần đây, mỗi năm có hơn 100 ngàn DNNVV được

(*) Tiến sỹ, Giám đốc điều hành Economica Vietnam

Biểu đồ 1. Số lượng doanh nghiệp đang hoạt động

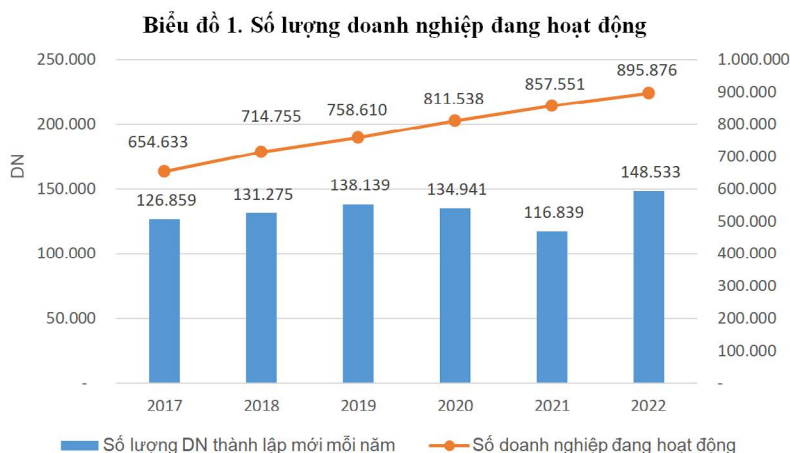
Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2023) và Tổng Cục Thống kê (2023)

đăng ký thành lập. Năm 2023, 159 ngàn DNNVV được thành lập, đạt mức kỷ lục từ trước tới nay. Nhờ đó, hàng tỷ đô la Mỹ đã được các doanh nhân, chủ DN đầu tư vào nền kinh tế thông qua các DNNVV được đăng ký theo Luật Doanh nghiệp. Mật độ DN đang hoạt động đã tăng lên là 9 DN trên 1000 người vào năm 2022. Luật Doanh nghiệp cùng

các cải cách khác về môi trường kinh doanh đã thực sự cởi trói và phát huy mạnh mẽ tinh thần khởi nghiệp của người dân Việt Nam và mang lại sự phát triển đột phá về số lượng DNNVV tại Việt Nam.

Phần lớn trong số các DN được thành lập hàng năm và các DN đang hoạt động là các DNNVV. Tính đến thời điểm

31/12/2021, 97,3% số DN đang hoạt động trên cả nước là DNNVV. Cụ thể, có 498.233 DN quy mô siêu nhỏ, chiếm 69,3% số DN cả nước, 176.217 DN quy mô nhỏ chiếm 24,5% và 25.402 DN quy mô vừa, chiếm 3,5%. Số lượng DN có quy mô lớn là 18.845 DN, chiếm 2,6%. Những con số này phần nào cho thấy quan trọng và quy mô của khu

Biểu đồ 2. Cấu trúc DN theo quy mô DN năm 2021⁽¹⁾

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2023).

(1) Số lượng DN và tỷ trọng trong tổng số DN đang hoạt động có kết quả SXKD.

vực DNNVV tại Việt Nam.

Tạo việc làm và đóng góp về an sinh xã hội (ASXH)

Các DNNVV đã đóng góp quan trọng cho tạo việc làm, giảm nghèo, cải thiện điều kiện sống, tăng trưởng bền vững và toàn diện ở Việt Nam. Trong vòng một vài thập kỷ vừa qua, Việt Nam đã gặt hái được nhiều thành công trong việc tạo việc làm, duy trì tỷ lệ thất nghiệp thấp, đạt nhiều thành tựu trong công tác xóa đói giảm nghèo với hàng triệu người thoát nghèo. Điều này là một phần là nhờ hàng triệu việc làm đã được tạo ra bởi khu vực DN nói chung và DNNVV nói riêng.

Tại thời điểm 31/12/2021, tổng số lao động đang làm việc trong các DN đang hoạt động có kết quả SXKD là 14,8 triệu người. Trong số đó, số việc làm mà các DNNVV đã tạo ra là 5,3. Những việc làm được tạo ra bởi các DNNVV đóng vai trò rất đáng kể trong việc tiếp nhận người lao động mới gia nhập vào thị

trường lao động mỗi năm. Điều này thậm chí còn trở nên ý nghĩa hơn khi thực tế cho thấy rằng các DNNN ngày càng đóng vai trò kém quan trọng hơn trong vai trò tạo việc làm. Số lao động làm việc tại các DNNN đã sụt giảm từ 1,37 triệu người vào năm 2015 xuống còn 0,98 triệu người vào năm 2021. Ở một góc độ nào đó, các DNNVV đã hỗ trợ cho quá trình tái cấu trúc của DNNN bằng cách tạo việc làm mới để quá trình giảm biên chế, quy mô lao động và nâng cao năng suất của khu vực DNNN thuận lợi hơn.

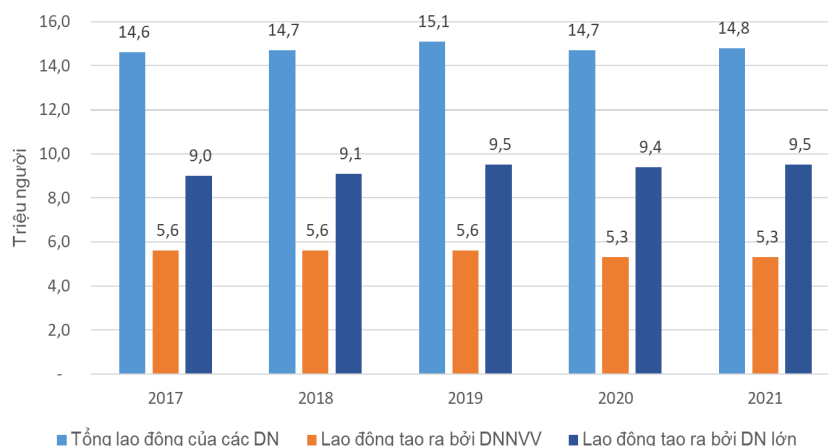
Việc làm do các DNNVV tạo ra đã giúp hàng triệu người lao động dịch chuyển từ các công việc có lương thấp hơn trong lĩnh vực nông nghiệp sang làm việc ở những ngành có năng suất cao hơn với mức lương cao hơn. Trung bình trong năm 2021, một người lao động trong DNNVV có mức thu nhập là 8,1 triệu đồng⁽²⁾. Mức thu nhập trung bình hàng tháng tại các DNNVV cao hơn nhiều so với

thu nhập trung bình của người nông dân và lao động ở vùng nông thôn - một công việc mà có thể các công nhân hiện đang làm việc trong DNNVV đã phải làm nếu các DNNVV đã không tạo ra cơ hội việc làm đó. Trong năm 2021, một công nhân trong các DNNVV thuộc khu vực tư nhân trong nước có thu nhập cao gấp 2,3 lần so với một nông dân bình thường⁽³⁾. Như vậy tính tổng thể, hiện nay các DNNVV đã giúp tăng đáng kể tổng thu nhập của 5,3 triệu lao động – những người có thể đã phải làm việc vất vả trong các ngành có thu nhập thấp hơn hoặc chịu tình trạng thiếu việc làm hoặc thất nghiệp nếu như các công việc này không

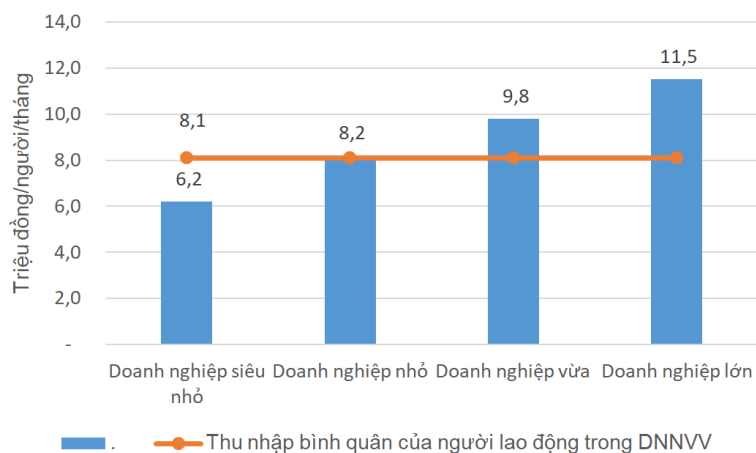
(2) Thu nhập bình quân tháng một lao động của DN đang hoạt động có kết quả SXKD năm 2021 đạt 10,3 triệu đồng (Tổng cục Thống kê, 2023).

(3) Thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2021 theo giá hiện hành tại khu vực nông nghiệp, nông thôn là 3.486 nghìn đồng (Khảo sát Mức sống Dân cư năm 2021, Tổng cục Thống kê).

Biểu đồ 3. Lao động của doanh nghiệp giai đoạn 2017-2021 theo quy mô doanh nghiệp



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2023).

Biểu đồ 4. Thu nhập bình quân của người lao động năm 2021 theo quy mô DN

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2023).

được các DNNVV thuộc khu vực tư nhân trong nước tạo ra.

Các DNNVV đóng góp đáng kể vào sự mở rộng của phạm vi che phủ của BHXH và các chương trình ASXH. Do tổng số lao động trong các DNNN suy giảm và lao động trong khu vực Nhà nước và khu vực công duy trì ở mức ổn định trong giai đoạn 2025-2023, các DNNVV đóng một vai trò quan trọng nhằm đóng góp cho việc tăng số người tham gia BHXH trên cả nước từ 12,29 triệu năm 2015 lên 18,26 triệu người vào năm 2023. Như vậy, trong giai đoạn này trung bình hàng năm độ che phủ về BHXH được mở rộng với sự tham gia mới của khoảng 746.000 người lao động mỗi năm. Phần lớn những người lao động tham gia và được che phủ bởi hệ thống BHXH được mở rộng này hiện đang làm việc trong các DN thuộc khu vực tư nhân, đặc biệt là các DNNVV.

Với những nỗ lực đang tiếp diễn về cải cách DNNN và cải cách biên chế tại khu vực công, rõ

ràng là các DN thuộc khu vực tư nhân với trụ cột là các DNNVV sẽ là khu vực chịu trách nhiệm chính cho mục tiêu khoảng 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH vào năm 2030 như đề ra tại Nghị quyết số 28-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương về cải cách chính sách BHXH.

Cần cải thiện về góc độ chất lượng việc làm và ASXH

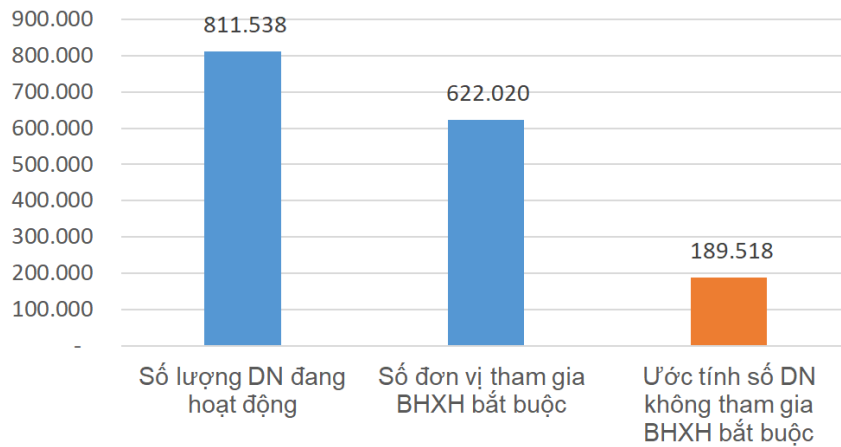
Mặc dù số lượng việc làm được các DNNVV tạo ra là rất đáng kể, nhưng điểm hạn chế

là vẫn còn một tỷ lệ đáng kể các việc làm này được xếp loại là việc làm không chính thức, tức là việc làm mà người lao động không được tham gia BHXH (theo định nghĩa của Tổ chức Lao động Quốc tế ILO).

Thống kê của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam cho thấy đến hết tháng 9/2022, DN cả nước chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN phải tính lãi lên gần 14.600 tỷ đồng, chiếm gần 3,4% số phải thu. Chậm đóng xảy ra ở tất cả loại hình DN, bao gồm các DNNVV,



Biểu đồ 5. Ước tính số lượng DN đăng ký theo Luật Doanh nghiệp song không tham gia BHXH bắt buộc năm 2020



Nguồn: Bộ KHĐT, Bộ LĐ-TBXH và Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (2020)

do chảy ì, dùng tiền cho hoạt động kinh doanh khác thay vì đóng BHXH. Ví dụ chỉ riêng tại tỉnh Quảng Nam, thống kê cho thấy năm 2022, toàn tỉnh có 2.453 đơn vị chưa đăng ký tham gia BHXH, với tổng số 23.360 lao động; có 3.110 đơn vị chưa tham gia đầy đủ cho lao động với số lao động chưa tham gia là 73.646 người. Như vậy, tổng số lao động thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc nhưng chưa tham gia BHXH là 97.006 người. Tại Hà Nội, DN nợ đóng BHXH cũng lên tới hơn 5.100 tỷ đồng (chiếm 8,8% số tiền cần thu), trong đó hơn 3.500 đơn vị nợ kéo dài từ hai năm trở lên.

Làm việc trong các DNNVV được đăng ký chính thức theo Luật Doanh nghiệp mà vẫn được phân loại là lao động phi chính thức là do nhiều người sử dụng lao động (các DN) báo cáo hoặc đăng ký số lượng lao động ít hơn so với con số thực tế sử dụng để trốn tránh nghĩa vụ đăng ký tham gia BHXH cho tất cả

người lao động của họ (chỉ tuân thủ một phần). Nhưng cũng có nhiều DN trốn tránh toàn bộ nghĩa vụ tham gia bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật hiện hành (hoàn toàn không tuân thủ). Nếu tính theo đơn vị, ước tính hiện có tới 23% các DN đăng ký chính thức và đang hoạt động song không tham gia BHXH. Theo Bộ KHĐT, đến năm 2020, số lượng DN đang hoạt động, có doanh thu và nộp thuế là 811.538 DN. Tuy nhiên, theo Bộ LĐ-TBXH, toàn bộ số đơn vị tham gia BHXH bắt buộc năm 2020 là 622.020 đơn vị. Như vậy, có khoảng ít nhất 190.000 DN trong đó phần lớn là các DNNVV đang hoạt động nhưng không tham gia BHXH bắt buộc.

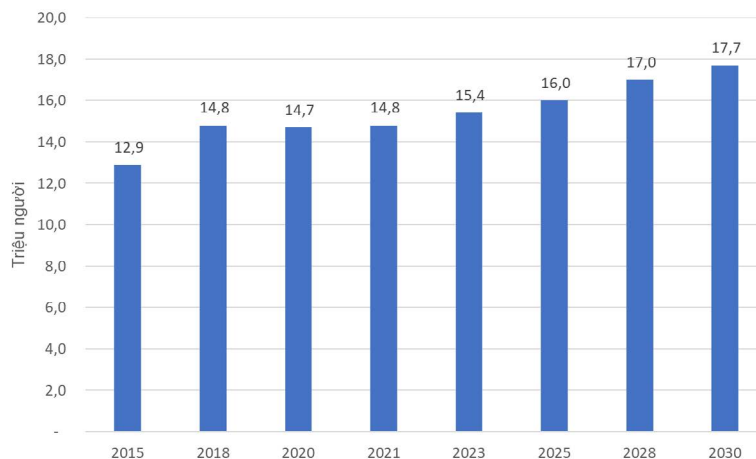
Pháp luật đã quy định rõ ràng về việc tham gia BHXH bắt buộc đối với việc làm tại các cơ sở kinh tế chính thức và DN. Nhưng trên thực tế, vẫn còn nhiều vấn đề khiến các cơ sở kinh tế đăng ký chính thức tuân thủ một phần hoặc hoàn

toàn không tuân thủ pháp luật về BHXH và điều này chủ yếu là do công tác thực thi pháp luật và truyền thông kém hiệu quả cũng như do các sản phẩm, dịch vụ của BHXH chưa thực sự hấp dẫn đối với cả người sử dụng lao động và người lao động.

Với sự gia tăng ngày một đáng kể về số lượng DN và về số người lao động, nâng cao tính tuân thủ các quy định về BHXH của các DNNVV sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với việc mở rộng lưới ASXH, đặc biệt là độ bao phủ của BHXH. Điều này không chỉ có ý nghĩa về mặt nâng cao chất lượng việc làm, bảo đảm ASXH mà còn có tác động trực tiếp tới chất lượng hoạt động và năng lực cạnh tranh của chính khu vực DNNVV.

Phát triển DNNVV gắn với gia tăng số lượng và chất lượng việc làm

DNNVV đóng vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm. Tuy nhiên, việc tạo việc làm cần

Biểu đồ 6. Dự báo số lao động trong các DN được đăng ký chính thức đến năm 2030

Nguồn: Niên giám Thống kê 2022, Tổng Cục Thống kê (2023) và tính toán của tác giả.

gắn với chất lượng việc làm, đặc biệt là từ góc độ việc làm chính thức và có tham gia BHXH.

Các chính sách thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển DN, phát triển DNNVV, cải thiện môi trường kinh doanh có đóng góp quan trọng vào mục tiêu gia tăng số lượng DNNVV đang hoạt động làm nền tảng cho việc tạo việc làm và nâng cao lượng việc làm trong nền kinh tế.

Trong giai đoạn 2015-2021, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm về số lượng lao động trong các DN được đăng ký chính thức là khoảng 2,0% mỗi năm. Phát triển DN nói chung, đặc biệt là các DNNVV sẽ đóng góp quan trọng cho việc duy trì tốc độ tăng trưởng về lao động làm việc trong khu vực DN. Nếu các nỗ lực hỗ trợ, phát triển DN và DNNVV được tăng cường và tốc độ tăng trưởng về số lượng lao động trong khu vực DN được duy trì như những năm vừa qua, ước tính số lượng lao động trong khu vực DN được đăng ký chính

thức sẽ tăng từ 14,8 triệu vào năm 2021 lên tới 17,7 triệu vào năm 2030.

Xu thế này cho thấy sự dịch chuyển dần của lao động phi chính thức sang khu vực kinh tế chính thức, đặc biệt là tại các DN được đăng ký theo Luật Doanh nghiệp. Các lao động này khi dịch chuyển sang khu vực chính thức, làm việc tại các DNNVV sẽ có cơ hội có thu nhập cao hơn so với làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp và có cơ hội cao hơn về tham gia BHXH nếu như các DNNVV tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về BHXH.

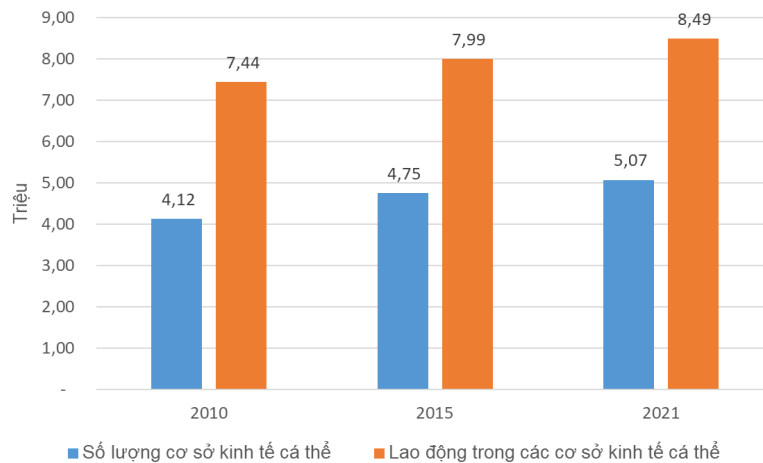
Cùng với các biện pháp nâng cao tuân thủ pháp luật về BHXH trong các DN chính thức bằng các biện pháp nêu ở phần trên, việc phát triển DN, thu hút vốn đầu tư nước ngoài sẽ đóng vai trò quan trọng đối với mục tiêu 60% lực lượng lao động trong độ tuổi có việc làm được tham gia BHXH như đã nêu trong Nghị quyết 21 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 28 của Ban Chấp

hành Trung ương Đảng.

Chính thức hóa hộ kinh doanh và phát triển DNNVV

Hộ kinh doanh cá thể là một thực thể kinh tế đặc thù tại Việt Nam. So với thông lệ quốc tế, hộ kinh doanh của Việt Nam có tính chất giống như các DN siêu nhỏ nhưng không được thống kê trong cơ sở dữ liệu về DNNVV do các hộ kinh doanh chỉ được đăng ký ở cấp huyện và không đăng ký theo Luật Doanh nghiệp. Hộ kinh doanh cá thể có tiềm năng lớn để có thể được khuyến khích chuyển đổi, chính thức hoá thành các DNNVV được đăng ký chính thức theo quy định pháp luật, và từ đó gia nhập lực lượng DNNVV chính thức, đóng góp tích cực hơn về phát triển kinh tế nói chung, tạo việc làm bền vững và đóng góp cho ASXH nói riêng.

Theo Tổng Cục Thống kê, tính đến cuối năm 2021 trên toàn quốc có khoảng 5,07 triệu hộ kinh doanh cá thể. Hộ kinh doanh là hình thức kinh doanh

Biểu đồ 7. Số hộ kinh doanh và số lao động trong các hộ kinh doanh

Nguồn: Niên giám Thống kê, Tổng Cục Thống kê (2023 và các năm)

thường được người dân áp dụng khi bắt đầu khởi nghiệp. Loại hình hộ kinh doanh được ưa thích vì nó có thể được đăng ký dễ dàng với thủ tục vô cùng đơn giản và có thể đăng ký ngay tại cơ quan chính quyền (UBND) cấp huyện, thành phố. Các quy định yêu cầu liên quan đến chế độ kế toán, sổ sách hết sức đơn giản. Hộ kinh doanh không bị ràng buộc chặt chẽ bởi các quy định và yêu cầu về BHXH, ngành nghề kinh doanh có điều kiện, môi trường, phòng cháy chữa cháy.

Phát triển hộ kinh doanh theo hướng chính thức hoá dần khu vực này sẽ có ý nghĩa lớn về nâng cao năng lực cạnh tranh của chính khu vực này, phát triển DNNVV đồng thời mang lại nhiều lợi ích về việc làm, chất lượng việc làm, tính chính thức của việc làm và mức độ che phủ của mạng lưới ASXH.

Chính thức hóa hộ kinh doanh cá thể đòi hỏi cách tiếp cận linh hoạt, toàn diện và có cấu trúc rõ ràng với nhiều biện

pháp khác nhau, thay vì sử dụng quy định ép buộc như một công cụ duy nhất. Điều quan trọng là phải tạo điều kiện thuận lợi và đơn giản hóa thủ tục hành chính để chủ hộ kinh doanh cân nhắc chi phí, lợi ích chính thức hóa và đi đến quyết định chính thức hóa, thay vì đơn thuần sử dụng quy định ép buộc như một công cụ duy nhất để hộ kinh doanh phải chuyển đổi sang chính thức hóa. Các biện pháp khi áp dụng phải phù hợp với tình hình thực tiễn hoạt động của các hộ kinh doanh hiện nay.

Theo kinh nghiệm quốc tế, một mô hình hay địa vị pháp lý đặc biệt phù hợp để hộ kinh doanh có thể chuyển đổi thành và chính thức hoá là hình thức cá nhân kinh doanh, DN cá thể hay DN một chủ (sole proprietorship). Hình thức DN cá thể này hiện đã được quy định trong Luật Doanh nghiệp dưới tên gọi *DN tư nhân*. Tuy nhiên, hình thức DN này theo các quy định hiện nay tại Luật Doanh

nh nghiệp thực sự không hấp dẫn với các hộ kinh doanh, không đủ sức hấp dẫn để khuyến khích họ chuyển đổi thành DN.

Những hạn chế cơ bản trong quy định hiện hành đối với loại hình *DN tư nhân* có bản chất là cá nhân kinh doanh, DN cá thể, (sole proprietorship) bao gồm: (i) về tên gọi, thuật ngữ “*DN tư nhân*” đã không phản ánh nội hàm cũng như bản chất của hình thức DN này là “DN cá thể” (sole proprietorship hay sole trader); (ii) không ứng xử nhất quán về bản chất là kinh doanh cá thể, cá nhân kinh doanh (sole proprietorship) đối với hình thức *DN tư nhân* trong Luật Doanh

(4) Các quy định và pháp luật hiện hành, bao gồm Luật Doanh nghiệp và các nghị định hướng dẫn của Luật Doanh nghiệp không xác định rõ ràng là hộ kinh doanh là thể nhân hay là pháp nhân. Đây chính là mấu chốt của vấn đề. Bất kỳ các cải cách pháp luật đối với hộ kinh doanh do vậy cần phải bắt đầu bằng việc đưa ra một câu trả lời rõ ràng, dứt khoát đối với vấn đề này.

ngiệp⁽⁴⁾; (iii) chi phí tuân thủ quá lớn đối với hình thức kinh doanh cá thể, cá nhân kinh doanh, những người ưa chuộng hình thức kinh doanh một chủ, tự làm khi đăng ký và sau khi đăng ký là *DN tư nhân*.

Do vậy, cải cách, đổi mới và phát triển khu vực hộ kinh doanh cần được thực hiện bằng việc đổi mới các quy định pháp luật về hình thức kinh doanh cá thể (sole proprietorship) dành cho cá nhân kinh doanh, DN cá thể, và cải cách các quy định liên quan tới hình thức *DN tư nhân* trong Luật Doanh nghiệp.

Trong thời gian tới cần xây dựng luật kinh doanh cá thể (sole proprietorship law). Luật này cần được xây dựng theo hướng là điều chỉnh đối với

tất cả các cá nhân kinh doanh, DN cá thể (sole proprietorship) trong đó hộ kinh doanh là một bộ phận cấu thành quan trọng. Luật này sẽ không chỉ mang tên gọi là Luật về Hộ kinh doanh mà là Luật Kinh doanh Cá thể (Sole Proprietorship Law). Với tên gọi như vậy, Luật này không những sẽ chỉ điều chỉnh hộ kinh doanh mà còn nhiều đối tượng khác hiện cũng chưa có một khung pháp lý thuận lợi, đơn giản, chi phí thấp để tiến hành đăng ký ví dụ như cá nhân kinh doanh, người kinh doanh trực tuyến, người lao động chuyên môn và tự do như freelancers, nghệ sỹ... Những đối tượng này cũng rất cần những quy định rõ ràng, đơn giản, thuận tiện và chi phí thấp để tham gia khu vực kinh tế chính thức.

Việc xây dựng một luật về kinh doanh cá thể, đồng thời bãi bỏ các quy định về loại hình DN tư nhân có tính chất là kinh doanh cá thể trong Luật Doanh nghiệp sẽ tách bạch các quy định về pháp nhân kinh doanh và cá nhân kinh doanh, làm rõ ràng và minh bạch hơn các quy định về hoạt động kinh doanh, hoạt động của DN. Từ đó tạo điều kiện thuận lợi hơn để các cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh đăng ký chính thức theo quy định pháp luật, hỗ trợ hàng trăm ngàn, hàng triệu hộ kinh doanh cá thể gia nhập đội ngũ DNNVV một cách chính thức, và từ đó góp phần gia tăng về việc làm, cải thiện chất lượng về việc làm, đặc biệt là việc làm chính thức, có tham gia BHXH ■





QUẢN LÝ CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TIỀN MẬT MÃ

● **HOÀNG CÔNG GIA KHÁNH^(*)**

● **TRẦN HÙNG SƠN^(*)**

Tiền mật mã (cryptocurrency) đã có những bước phát triển vượt bậc trên phạm vi toàn cầu, tuy nhiên sự thất bại của các công ty phát triển tiền mật mã, các vấn đề gian lận, lừa đảo liên quan đến tiền mật mã và sai sót trong việc quản lý tiền đầu tư của khách hàng đã nhấn mạnh sự cần thiết phải có chính sách quản lý và giám sát chặt chẽ loại tiền số này ở cấp độ toàn cầu. Mục tiêu của bài viết là trình bày khuôn khổ quản lý tiền mật mã và sàn giao dịch tiền mật mã trên phạm vi toàn cầu cũng như thực tiễn về vấn đề này tại Việt Nam. Nhìn chung, các quốc gia có các cách tiếp cận khác nhau trong việc xây dựng khuôn khổ pháp lý cho tiền mật mã và các sàn giao dịch tiền mật mã. Tại Việt Nam, việc quản lý tiền mật mã đã có những bước thay đổi chuyển từ cách tiếp cận “chờ đợi và quan sát” sang nghiên cứu và chuẩn bị cho việc xây dựng các quy định quản lý trong tương lai. Từ các nội dung trình bày, bài viết phác thảo một số hàm ý chính sách cho Việt Nam.

(*) PGS.TS, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

1. GIỚI THIỆU

Khu vực tài chính từ lâu đã là ngành sử dụng công nghệ trong hoạt động của mình, có thể nói sự phát triển của công nghệ đã tác động đến khu vực tài chính và dẫn đến sự ra đời của các phát kiến tài chính (financial innovation) mà tiền số (digital currency) là một trong những phát kiến tài chính. Bitcoin được giới thiệu lần đầu tiên vào năm 2008, đây là một loại tiền số ngang hàng được giao dịch ẩn danh và có chi phí giao dịch thấp hơn nhiều so với giao dịch được xử lý thông qua hệ thống tài chính truyền thống. Ngoài ra, theo Moore (2013) thiết kế phân quyền của Bitcoin và các loại tiền số khác giúp chống lại lạm phát. Bofinger (2018) cho rằng tương lai của tiền tệ sẽ kỹ thuật số hơn so với hiện nay, việc số hóa này sẽ làm thay đổi các hình thái truyền thống của tiền và tín dụng, từ đó dẫn đến những thay đổi về lý luận và thực thi chính sách tiền tệ. Tuy nhiên, đi liền với các lợi ích thì sự phát triển của các loại tiền số cũng mang lại những rủi ro và thách thức trong công tác quản lý như: (1) giảm tính riêng tư và mất an ninh tiềm ẩn trong các giao dịch cá nhân; (2) đối với các doanh nghiệp là sự bất định và phức tạp của môi trường kinh doanh; (3) đối với xã hội, sự phát triển của tiền số đặt ra các vấn đề liên quan đến sự cân bằng giữa quyền tự do với việc cần thiết phải giám sát và điều tiết, cũng như các vấn đề liên quan đến an ninh mạng và tội phạm số (Dodgson và cộng sự,

2015).

Tại kỳ họp thường kỳ tháng 11/2022, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Luật Phòng chống rửa tiền (sửa đổi) nhưng chưa luật hoá tiền ảo, tiền mật mã, tiền số và đề nghị Chính phủ sớm nghiên cứu vấn đề này. Do đó, mục tiêu của bài viết này nhằm phân tích các khuôn khổ quản lý liên quan đến tiền mật mã và sàn giao dịch tiền mật mã trên thế giới và tại Việt Nam. Kết quả phân tích này sẽ đưa ra các hàm ý chính sách cho Việt Nam.

2. QUẢN LÝ TIỀN MẬT MÃ VÀ SÀN GIAO DỊCH TIỀN MẬT MÃ: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

Khuôn khổ quản lý tiền mật mã

Nhìn chung ứng xử của các quốc gia đối với tiền mật mã có nhiều khác biệt. Chẳng hạn, El Salvador chấp nhận Bitcoin như tiền pháp định thì Trung Quốc lại cấm hoàn toàn tiền mật mã tư nhân. Các quốc gia đi đầu trong việc xây dựng các quy định đối với tiền mật mã bao gồm: Mỹ, Canada, Anh, Thụy Sĩ và El Salvador.v.v.

Tại Mỹ, tiền mật mã không được xem là tiền pháp định, còn sàn giao dịch tiền mật mã được cấp phép hoạt động và mỗi bang có các quy định khác nhau. Ủy ban Chứng khoán Mỹ (SEC), Ủy ban Giao dịch Hàng hóa Tương lai (CFTC) và Cơ quan quản lý thuế (IRS) có những quy định khác nhau đối với tiền mật mã.

- SEC: Tiền mật mã là chứng khoán. SEC muốn phân loại tài sản số là chứng khoán. SEC

quan tâm đến việc bảo vệ nhà đầu tư và yêu cầu tất cả các dịch vụ đủ điều kiện là “hợp đồng đầu tư” phải được đăng ký chính thức. Trong năm 2023, SEC đã siết chặt các quy định các công ty như Coinbase. Trong tháng 1 năm 2024, SEC đã phê duyệt 11 quỹ ETF Bitcoin giao ngay.

- CFTC: Tiền mật mã như một loại hàng hóa giống như dầu mỏ hoặc vàng và cho phép giao dịch các hợp đồng tương lai tiền mật mã. CFTC đã có các bước chuẩn bị cho việc xây dựng các quy định quản lý đối với các sàn giao dịch hợp đồng tương lai Bitcoin chưa đăng ký.

- IRS: Tiền mật mã là tài sản. Với việc phân loại này thì mọi hoạt động mua bán, giao dịch bằng tiền mật mã đều có khả năng phải chịu thuế và áp dụng thuế suất lãi vốn. IRS bắt đầu coi tiền số là tài sản vào năm 2014.

Canada quản lý các nền tảng giao dịch tiền mật mã bằng cách yêu cầu đăng ký với các cơ quan cấp tỉnh. Các công ty đầu tư tiền mật mã được phân loại là doanh nghiệp dịch vụ tiền tệ và tiền mật mã bị đánh thuế giống như các hàng hóa khác. Canada cho phép các quỹ giao dịch trao đổi tiền mật mã hoạt động trên Sở giao dịch chứng khoán Toronto.

Anh có cách tiếp cận đối với tiền mật mã khá cụ thể. Mặc dù Anh không có luật cụ thể về tiền mật mã, nhưng tiền mật mã không được coi là tiền pháp định và các sàn giao dịch là hợp pháp và phải đăng ký với FCA và tuân thủ các quy định phòng chống rửa tiền và tài trợ

khủng bố. Trong khi Cơ quan Thẩm định tiêu chuẩn quảng cáo (Advertising Standards Authority) thì quản lý các vấn đề liên quan đến quảng cáo tiền mật mã. Anh coi tiền mật mã là tài sản đầu tư và phải chịu thuế lãi vốn.

Thụy sĩ là quốc gia xây dựng được khuôn khổ pháp lý hoàn thiện nhất cho tài sản số. Luật về công nghệ sổ cái phân tán (DLT) đã được thông qua trong năm 2020, đưa ra khái niệm “chứng khoán DLT” và cho phép token hóa các quyền, khiếu nại và công cụ tài chính. Người dân ở Thụy Sĩ có thể nợ thuế thu nhập hoặc thuế tài sản đối với việc nắm giữ tiền mật mã.

El Salvador. Quốc gia Trung Mỹ này là quốc gia duy nhất tuyên bố Bitcoin là hợp pháp. Bitcoin có thể được sử dụng trên toàn quốc; trên thực tế, sự chấp nhận này là bắt buộc. El Salvador chấp nhận thanh toán thuế bằng Bitcoin và miễn thuế thu nhập từ tiền lãi Bitcoin cho người nước ngoài.

Liên minh Châu Âu đang ở giai đoạn thành lập thị trường tài sản số chung sau khi thông qua Luật tài sản số vào tháng 5/2023. Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất đang thành lập cơ quan đầu tiên trên thế giới chỉ tập trung vào tài sản ảo.

Báo cáo của PWC (2023) cho thấy có 42 quốc gia đang nghiên cứu, xác định, tư vấn, đàm phán và lập pháp để đưa tài sản số vào khuôn khổ quản lý các dịch vụ tài chính hiện có.



Trong đó tập trung vào 04 lĩnh vực trọng tâm chính: quy định cho stablecoin, tuân thủ quy tắc travel rule, hướng dẫn cấp phép và niêm yết cũng như phát triển khuôn khổ pháp lý cho tiền mật mã. Ngoài ra, nhiều chính quyền địa phương đã công bố kế hoạch trở thành trung tâm tài sản số, công nghệ và đổi mới toàn cầu.

Khuôn khổ quản lý sàn giao dịch tiền mật mã

Các sàn giao dịch tiền mật mã đang đóng một vai trò quan trọng trong hệ sinh thái tiền mật mã, do có sự khác biệt giữa tiền mật mã và các tài sản tài chính thông thường nên các hiểu biết về cách thức quản lý các sàn giao dịch tiền mật mã là rất quan trọng đối với các quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, việc xác định tình trạng pháp lý của các sàn giao dịch này là rất khó khăn do cấu trúc phức tạp của chúng. Trong số 16 sàn giao dịch tiền mật mã hàng đầu trên thế giới, chỉ có 04 sàn giao dịch là phải tuân thủ các

quy định chặt chẽ liên quan đến giao dịch (Bảng 1). Cụ thể, itBit, một sàn giao dịch có trụ sở tại Mỹ, được xem là an toàn nhất, khi chịu sự giám sát của Sở Dịch vụ Tài chính New York (DFS) và phải đăng ký như một ngân hàng. Điều này có nghĩa là sàn giao dịch phải tuân theo các quy định chặt chẽ liên quan đến hoạt động ngân hàng. Hai sàn khác là eToroX và LMAX Digital hoạt động như các hệ thống giao dịch đa phương, chịu sự giám sát của Cơ quan Giám sát Tài chính Liên bang Đức và Cơ quan Quản lý Tài chính của Anh (FCA). Tuy nhiên, việc giám sát 2 sàn này chủ yếu liên quan đến các hoạt động thông thường của ngoại hối (FX) và cổ phiếu, hơn là tiền mật mã. Sàn giao dịch Currency.com có trụ sở tại Belarus chịu sự kiểm soát toàn diện về việc báo cáo giao dịch, giám sát các hoạt động đáng ngờ, yêu cầu về phòng chống rửa tiền như sở giao dịch chứng khoán có trụ sở tại Belarus. Đây là điểm thú vị, vì Belarus không phải là một

trung tâm tài chính thế giới.

Có bảy sàn giao dịch hoạt động với tư cách là Doanh nghiệp Dịch vụ Tiền tệ (MSB) được cấp phép hoặc tương đương. Khi hoạt động như một MSB, các sàn giao dịch phải đăng ký với Mạng lưới thực thi luật pháp về tội phạm tài chính (FinCEN) ở Mỹ, và FCA ở Anh.

Ngược lại, có ba các sàn giao dịch không chịu bất kỳ sự giám sát nào. Đó là Bittrex có trụ sở tại Liechtenstein, Luno của Singapore và Bitfinex có trụ sở tại Quần đảo Virgin thuộc Anh. Đây cũng là các sàn giao dịch không được cấp phép bởi bất kỳ cơ quan quốc tế lớn nào trên thế giới.

Ngoài ra, dù có nhiều sàn giao dịch công bố sở hữu giấy phép công nghệ sổ cái phân tán (Distributed Ledger Technology) từ Ủy ban Dịch vụ Tài chính Gibraltar như: Currency.com, eToro, LMAX Digital, ... nhưng trên thực tế, dường như có rất ít sự giám sát liên tục đối với các sàn này sau khi được cấp phép. Chính vì thiếu giám sát nên đã xảy ra trường hợp nhiều sàn giao dịch tiền mật mã thực hiện các hoạt động đáng ngờ, chẳng hạn như cung cấp đòn bẩy giao dịch cho khách hàng và giao dịch “wash trade”, thậm chí một số sàn còn xâm phạm quyền lợi của các nhà đầu tư.

3. QUẢN LÝ TIỀN MẬT MÃ TẠI VIỆT NAM

Các loại tiền mật mã trên thế giới như BitCoin, Ethereum, Litecoin và Ripple.v.v. đều đã

xuất hiện và được giao dịch (không chính thức) tại Việt Nam, cùng với đó là các mô hình kinh doanh tiền mật mã. Từ những năm 2011-2012 đã có một số cá nhân thực hiện việc đầu tư Bitcoin trên các sàn giao dịch quốc tế. Đến tháng 12/2013 xuất hiện sàn giao dịch đầu tiên ở Việt Nam là Bitcoin Viet Nam. Theo thống kê Chainalysis (2022), người dùng ở Việt Nam đứng hạng 1 trong xếp hạng về mức độ chấp nhận sử dụng tiền mật mã. Hiện tại, mặc dù chưa được pháp luật thừa nhận - Ngân hàng Nhà nước không công nhận tiền mật mã là phương tiện thanh toán; Bộ Công Thương không công nhận tiền mật mã là hàng hóa, dịch vụ; Bộ Tư pháp không công nhận tiền mật mã là loại tài sản - nhưng tiền mật mã đã và đang trở thành những tài sản, phương tiện thanh toán, công cụ đầu tư, phương thức huy động vốn tại Việt Nam.

Mặc dù không được thừa nhận, nhưng tiền mật mã cũng không hoàn toàn bị cấm tại Việt Nam. Chính vì thiếu vắng một khuôn khổ pháp lý đối với tiền mật mã đã gây ra các khó khăn trong việc quản lý các hoạt động liên quan đến tiền mật mã như thất thu thuế, các hành vi vi phạm pháp luật liên quan tới hoạt động lừa đảo thông qua giao dịch tiền mật mã. Việc được biết đến đầu tiên liên quan đến tiền mật mã đó là vụ kiện truy thu thuế tại tỉnh Bến Tre vào tháng 9/2013, theo đó, vì không đủ cơ sở pháp lý nên Cục thuế tỉnh Bến Tre đã không

thể truy thu thuế của nhà đầu tư. Ngoài ra, các hoạt động liên quan đến tiền mật mã sau này có liên quan tới hoạt động lừa đảo như trường hợp lãnh đạo Công ty CP Modern Tech bị tố cáo đã chiếm đoạt hơn 15.000 tỷ đồng của nhà đầu tư trong năm 2018.

Sau một thời gian quan sát, các cơ quan quản lý đã đưa lĩnh vực tiền mật mã sang giai đoạn nghiên cứu, xây dựng và thí điểm sử dụng. Theo đó, tiền ảo dựa trên công nghệ chuỗi khối đã được giao cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nghiên cứu theo Quyết định số 942/QĐ-TTg về xây dựng Chính phủ điện tử giai đoạn 2021-2025. Tuy vậy, trong dự thảo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng, tiền mật mã cũng chưa được đề cập cụ thể trong dự thảo. Tại kỳ họp thường kỳ tháng 11/2022, Quốc hội đã thông qua Luật Phòng chống rửa tiền (sửa đổi) nhưng chưa luật hoá tiền ảo, tiền mật mã, tiền số và đề nghị Chính phủ sớm nghiên cứu vấn đề này.

4. KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Bài viết đã trình bày khuôn khổ quản lý tiền mật mã và sàn giao dịch tiền mật mã trên thế giới cũng như thực tiễn về vấn đề này tại Việt Nam. Nhìn chung, các quốc gia có các cách tiếp cận khác nhau trong việc xây dựng khuôn khổ pháp lý cho tiền mật mã. Tại Việt Nam, việc quản lý tiền mật mã đã có những bước thay đổi chuyển từ cách tiếp cận “quan sát và chờ

Bảng 1. Quản lý của các quốc gia đối với 16 sàn giao dịch tiền mật mã hàng đầu

STT	Sàn giao dịch	Quốc gia	Giá tham chiếu Bitcoin CME	Hình thức và nơi đăng ký hoạt động	Cơ quan quản lý	Quy định áp dụng
1	Coinbase	Mỹ	Có	Delaware, Mỹ	Ủy ban Giao dịch Chứng khoán Mỹ Đăng ký như một MSB với FinCEN	- Luật chuyển tiền cấp tiểu bang. - Đạo luật Bảo mật Ngân hàng Mỹ. - Đạo luật Yêu nước Mỹ.
2	Gemini	Mỹ	Có	New York, Mỹ	Sở Dịch vụ Tài chính của bang New York Không nằm trong FinCEN vì hoạt động như một công ty quản lý tài sản	NYSDFS đưa ra các quy định liên quan đến ngành hoạt động và Gemini phải tuân thủ các quy định về vốn, chống rửa tiền, bảo vệ người tiêu dùng, và các quy định về an ninh mạng.
3	Bitstamp	Vương quốc Anh	Có	Thực thể kinh doanh liên quan đến tài sản mật mã	Tổ chức thanh toán được ủy quyền và quản lý bởi Luxembourg Financial Regulator (CSSF) Hoạt động tách rời ở Mỹ với tên Bitsamp USA. Bị chi phối bởi nhiều luật khác nhau	Áp dụng tạm thời các quy định về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, chuyển tiền của FCA như một doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh liên quan đến tài sản mật mã.
4	Kraken	Mỹ	Có	Mỹ	FinCEN ở Mỹ FINTRAC ở Canada FCA ở Anh AUSTRAC ở Úc FSA ở Nhật Bản	Cấp phép hoạt động như một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ tiền tệ. Tự quản lý theo các quy định của MSB và phòng chống rửa tiền.
5	itBit	Mỹ	Có	New York, Mỹ	NYDFS	Đăng ký và chịu quản lý như một ngân hàng. Có thể cung cấp dịch vụ giao dịch trên 50 bang.
6	Luno	Singapore	Không	Singapore	Không được quản lý	Dự định đăng ký hoạt động ở một số quốc gia.
7	Cex.io	Vương quốc Anh	Không	UK (Operational) Hodling (Gibraltar) Financial (BVI)	MSB Mỹ	Đăng ký với FinCEN, đánh giá bởi IRS, và tuân thủ theo quy định liên quan.
8	Liquid	Nhật Bản	Không	Singapore/Nhật Bản (Quoine)	FSA của Nhật Bản	Tuân thủ theo quy định về phòng chống rửa tiền và lưu trữ hồ sơ.
9	LMAX Digital	Vương quốc Anh	Không	Gibraltar	FCA của Anh Ủy ban Dịch vụ Tài chính của Gibraltar	Được quản lý tại Anh như là một hệ thống giao dịch đa phương. Tuân theo MiFID II.
10	Bitfinex	Quần đảo Virgin, Anh	Có	BVI/Hoạt động tại Hong Kong	Không	Chịu sự giám sát của CFTC Mỹ - tuy nhiên, khuôn khổ quy định vẫn chưa rõ ràng.
11	eToroX	Gibraltar	Không	Gibraltar	FCA của Anh Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch tại Cyprus FinCEN của Mỹ Ủy ban Chứng khoán và Đầu tư Úc	MiFID ở Châu Âu và Anh, tuân thủ các quy định về báo cáo, phòng chống rửa tiền, định danh, lưu trữ dữ liệu.
12	bitFlyer	Nhật Bản, Mỹ	Không	Luxembourg	EMSA (EU) Luxembourg CSSF	Đăng ký tại EU theo PSD2. Đăng ký như một tổ chức thanh toán tại Luxembourg, tuân theo các quy định về phòng chống rửa tiền, định danh.
13	Currency.com	Belarus	Không	Belarus Gibralyar	Khu công nghệ cao Belarus	Quy định của Belarus về quản lý tiền, xử lý các giao dịch nghi ngờ, phòng chống rửa tiền.
14	Binance	Malta	Không	Quần đảo Cayman	Không có – Nhưng tuân thủ theo các quy định tại các quốc gia Singapore, Mỹ.	Vận hành một số sàn giao dịch trên nền tảng Binance trung tâm để tránh sự giám sát của các cơ quan quản lý.
15	Bittrex	Mỹ	Không	Liechtenstein	Không	Không
16	OKCoin	Hong Kong	Có	Malta Singapore Hong Kong	Đăng ký như một MSB ở Mỹ Nhà cung cấp dịch vụ tiền ảo với Kanto Local Finance Bureau tại Nhật	Đăng ký với FinCEN, giám sát bởi IRS, và tuân thủ các quy định liên quan.

đội” sang nghiên cứu và chuẩn bị cho việc xây dựng các quy định quản lý trong tương lai.

Từ các kết quả phân tích, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam:

- Để quản lý tiền mật mã, trước hết Việt Nam cần đưa nội dung này vào trong trong dự thảo cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng hoặc xây dựng cơ chế riêng cho tiền mật mã.

- Trong quá trình xây dựng khuôn khổ quản lý các loại tiền mật mã, nguyên tắc chung nên được áp dụng đó là: “Rủi ro giống nhau, hoạt động giống nhau thì cùng chịu các quy định điều tiết như nhau”. Theo đó, tiền mật mã và các sản phẩm tài chính truyền thống có chức năng kinh tế như nhau thì chịu các quy định như nhau vì mục đích quản lý thận trọng. Theo khuôn khổ quản lý thận trọng thì việc thiết kế chính sách không nên theo hướng ủng hộ hoặc ngăn cấm các công

nghệ cụ thể liên quan đến tiền mật mã. Ngoài ra, khuôn khổ này cần tính đến các rủi ro phát sinh thêm liên quan đến đặc tính độc đáo của tiền mật mã cũng như các yếu tố khác của tiền mật mã có liên quan với các công cụ tài chính truyền thống. Việt Nam cần phân loại tiền mật mã theo các chức năng kinh tế như kinh nghiệm các quốc gia trên thế giới, bao gồm: (1) phương tiện thanh toán và trao đổi; (2) công cụ đầu tư/chứng khoán; (3) công cụ tiện ích. Dựa trên phân loại theo chức năng kinh tế sẽ có các quy định cho phù hợp.

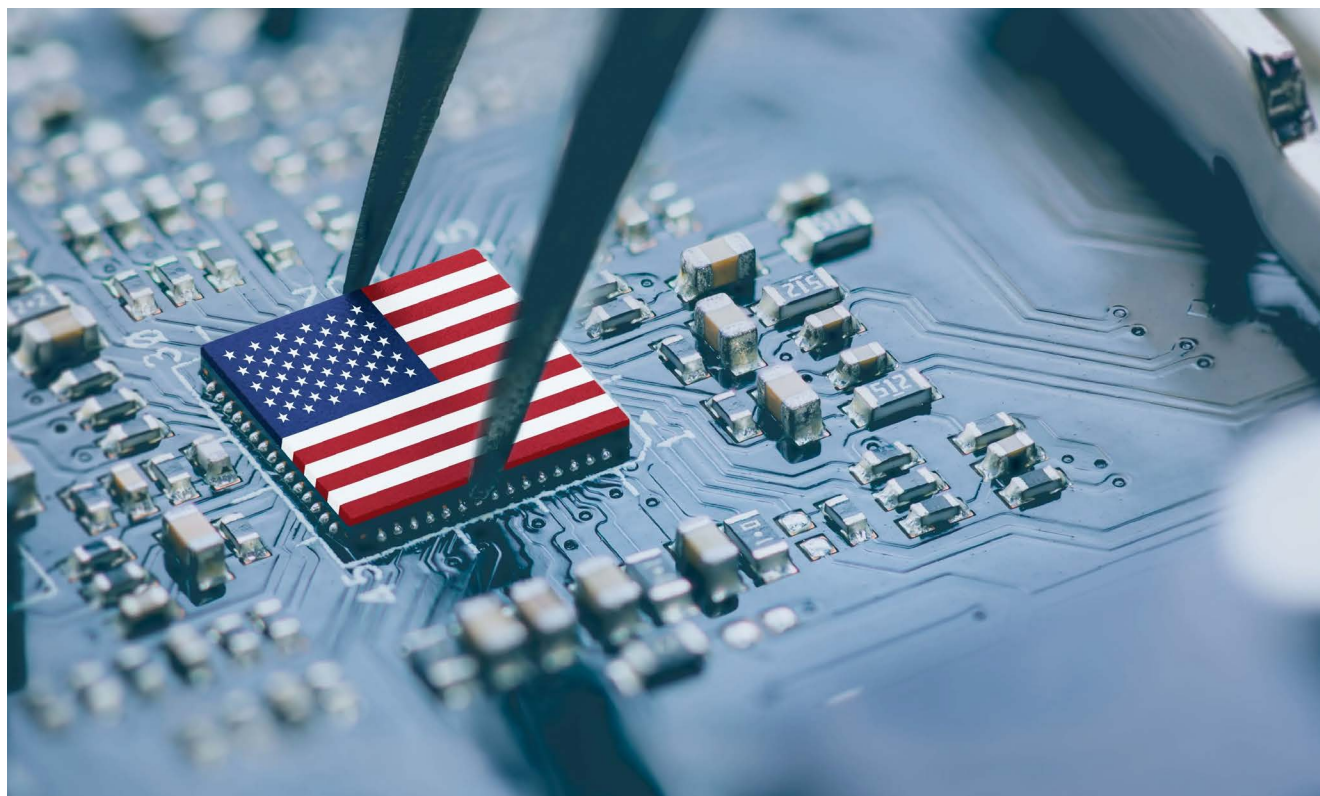
- Việc xây dựng khuôn khổ quản lý các loại tiền mật mã cần đơn giản và linh hoạt. Tránh việc phức tạp hóa các yêu cầu, quy định. Nếu thích hợp, khuôn khổ quản lý nên xây dựng dựa trên các quy định hiện có, đặc biệt đối với loại tiền mật mã có chức năng kinh tế và rủi ro tương đương như các loại tài sản khác nhằm duy trì tính nhất quán của các quy định

hiện hành. Ngoài ra, có thể đưa ra các quy định quản lý riêng cho các loại tiền mật mã (đã tồn tại nhiều năm) được xem là có “rủi ro cao” do đặc điểm của loại tiền này, nhưng đồng thời vẫn đánh giá rủi ro của các loại tiền mật mã khác dựa trên sự phát triển của chúng.

- Cuối cùng, thúc đẩy hợp tác quốc tế: Bản chất không biên giới của tài sản số cho thấy tầm quan trọng của các hoạt động quản lý, giám sát và thực thi pháp lý nhất quán giữa các quốc gia. Các công ty phát hành tài sản số và nhà cung cấp dịch vụ có khuynh hướng tránh các quy định và giám sát bằng cách di chuyển đến những nơi có quy định nhẹ nhàng hơn (so sánh tương đối). Do vậy, Ủy ban ổn định tài chính (FSB) đã khuyến nghị về yêu cầu chia sẻ thông tin giữa các nước. Đặc biệt, liên quan đến mức độ tuân thủ của các nước, đặc biệt là ở những nước chưa thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BIS (2021). *Supervising crypto assets for anti-money laundering*. FSI Insights on policy implementation No 31.
2. Bofinger, P. (2018). *Digitalisation of money and the future of monetary policy*. <https://voxeu.org/article/digitalisation-money-and-future-monetary-policy>
3. Chainalysis (2022). *The 2022 Geography of Cryptocurrency Report*. <https://blog.chainalysis.com/reports/2022-global-crypto-adoption-index/>
4. Dodgson, M., Gann, D., Wladawsky-Berger, I., Sultan, N., and George, G. (2015). *Managing Digital 5. Money*. *The Academy of Management Journal*. Vol. 58, No. 2, 325–333.
6. FINMA (2018). *Guidelines for enquiries regarding the regulatory framework for initial coin offerings (ICOs)*.
7. Moore, T. (2013). *Discussion The promise and perils of digital currencies*. *International journal of critical infrastructure protection*. Vol 6, 147 – 149.
8. PWC (2023). *Navigating the Global Crypto Landscape with PwC: 2024 Outlook*.



QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP BÁN DẪN MỸ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

● NGUYỄN HỒNG QUANG(*) ● NGUYỄN ĐỨC HUY(**)

Traï qua hơn nửa thế kỷ hình thành và phát triển, bán dẫn đã trở thành một trong những ngành công nghiệp quan trọng hàng đầu thế giới. Vi mạch (chip) bán dẫn là “bộ não” của mọi thiết bị, máy móc phục vụ nhu cầu hàng ngày, công nghệ lõi của các hệ thống hạ tầng thiết yếu, khí tài quân sự. Xã hội càng “thông minh” thì vai trò của chip bán dẫn càng lớn.

Mỹ là quốc gia đi đầu trong ngành bán dẫn, với 6 trong 10 công ty bán dẫn lớn nhất thế giới có trụ sở tại Mỹ, chiếm gần 50% tổng doanh thu toàn cầu. Năng lực và sức sáng tạo của khu vực tư nhân là nhân tố chủ đạo, song Chính quyền liên bang Mỹ cũng nắm vai trò quan trọng xuyên suốt lịch sử phát triển của ngành công nghiệp mang tính chiến lược này, mới đây nhất là việc Tổng thống Joe Biden ký

ban hành Đạo luật “Tạo động lực hữu ích để sản xuất chip bán dẫn tại Mỹ”(CHIPS) với khoản đầu tư kỷ lục cho ngành bán dẫn Mỹ, cùng với việc triển khai hàng loạt biện pháp thắt chặt kiểm soát tiếp cận công nghệ nguồn của Mỹ.

Việt Nam đang đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu theo tinh thần Nghị

(*) Tiến sỹ, Phó Vụ trưởng Vụ Châu Mỹ, Bộ Ngoại giao

(**) Vụ Châu Mỹ, Bộ Ngoại giao

quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045, trong đó xác định việc phát triển công nghiệp điện tử, bao gồm ngành bán dẫn, là “con đường chủ đạo”. Chính phủ cũng đang xây dựng Chiến lược quốc gia về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn. Theo đó, việc hiểu rõ lịch sử hình thành cũng như nắm bắt định hướng, chính sách phát triển ngành bán dẫn hiện nay của Mỹ - quốc gia đi đầu thế giới trong ngành công nghiệp này, có thể sẽ giúp Việt Nam rút ra những bài học kinh nghiệm, nắm bắt được cơ hội, tạo đột phá thúc đẩy sự phát triển ngành công nghiệp bán dẫn của Việt Nam.

Lịch sử hình thành và phát triển ngành công nghiệp bán dẫn của Mỹ - Dấu ấn “bệ phóng” của Chính quyền liên bang

Năm 1947, tại phòng thí nghiệm AT&T Bell Labs, bang New Jersey, Mỹ, nhóm kỹ sư John Bardeen, Walter Brattain và William Shockley đã phát minh linh kiện bán dẫn điện trở chuyển đổi (transistor) – một bước đột phá trong việc tìm ra thiết bị thay thế ống chân không. Tiếp nối thành tựu này, kỹ sư Jack Kilby của tập đoàn Texas Instruments đã lần đầu tiên chế tạo thành công vi mạch (integrated circuit) tích hợp các thiết bị điện tử lên bề mặt một tấm silicon, đặt nền móng cho thời kỳ hoàng kim của ngành công nghiệp điện tử với nền tảng là công nghệ bán dẫn.

Sớm nhận ra tiềm năng và tầm quan trọng chiến lược của công nghệ bán dẫn, Chính quyền các Tổng thống John Kennedy (1961-1963) và sau đó là Lyndon Johnson (1963-1969) đã triển khai nhiều biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp trong nước trong lĩnh vực này. Trước những khó khăn trong thương mại hóa do giá thành vi mạch bán dẫn khi đó cao gấp nhiều lần so với ống chân không vốn được sử dụng phổ biến trong các thiết bị điện tử gia dụng, các cơ quan liên bang Mỹ, đi đầu là Bộ Quốc phòng, đã đặt hàng các doanh nghiệp Mỹ cung cấp vi mạch bán dẫn số lượng lớn để phục vụ sản xuất trang thiết bị quân sự, không gian... Trong suốt thập niên 1960, chính quyền liên bang Mỹ đã “tài trợ” cho hơn 90% đầu ra của vi mạch bán dẫn sản xuất tại Mỹ.

Nhờ các biện pháp của chính quyền liên bang, cụ thể là của Bộ Quốc phòng Mỹ, các doanh nghiệp Mỹ đã sớm chuyển hóa những đột phá trong nghiên cứu thành những sản phẩm của doanh nghiệp để phát triển ngành công nghiệp bán dẫn số một thế giới. Trong các thập niên 1960 và 1970, Mỹ là quốc gia duy nhất làm chủ hoàn toàn công nghệ trong cả ba công đoạn thiết kế, chế tạo và đóng gói chip bán dẫn, chiếm hơn 80% thị phần toàn cầu cả trong sản xuất và tiêu dùng.

Sang đến thập niên 1980 và nhất là kể từ thập niên 1990 sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, toàn cầu hóa đã tăng tốc để trở thành xu thế chủ đạo, ngành bán

dẫn Mỹ từng bước điều chỉnh mô hình kinh doanh, xây dựng các chuỗi cung bán dẫn toàn cầu. Trong đó, nhiều công ty bán dẫn Mỹ đã chuyển sang mô hình “fabless” (không nhà máy chế tạo), chỉ tập trung vào công đoạn thiết kế lõi có giá trị gia tăng lớn nhất trong chuỗi sản xuất bán dẫn, đưa các dây chuyền chế tạo và đóng gói ra nước ngoài, tập trung tại Châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan và phần nào là Singapore, Malaysia...

Trong giai đoạn này, các Chính quyền liên bang Mỹ nhìn chung không can thiệp vào các hoạt động kinh tế nói chung và ngành bán dẫn nói riêng. Các doanh nghiệp Mỹ xây dựng các chuỗi cung bán dẫn dựa trên lợi ích của doanh nghiệp, trong đó các yếu tố như nguồn lao động, nguyên liệu, việc tiếp cận thị trường đóng vai trò chính. Nói cách khác, cũng giống như toàn cầu hóa giai đoạn này, ngành công nghiệp bán dẫn Mỹ cơ bản được vận hành theo quy luật thị trường. Trong xu thế chuyển các công đoạn chế tạo, đóng gói ra nước ngoài, số lượng nhà máy đặt tại Mỹ của các công ty bán dẫn Mỹ liên tục giảm, chỉ còn 50% năm 2021, so với hơn 80% vào thập niên 1980. Tỷ trọng chip bán dẫn được chế tạo tại Mỹ giảm xuống chỉ còn 12% vào năm 2021, thấp hơn Đài Loan (20%), Hàn Quốc (19%), Nhật Bản (17%) và Trung Quốc (16%).

Tuy nhiên, Chính quyền liên bang Mỹ vẫn có những biện pháp cụ thể để duy trì, củng

cổ lợi thế nền tảng của Mỹ về công nghệ nguồn, nhất là trong công đoạn thiết kế có giá trị gia tăng cao nhất. Năm 1984, Tổng thống Ronald Reagan đã ký ban hành đạo luật “Hợp tác Nghiên cứu Quốc gia” (National Cooperative Research Act), cho phép các tập đoàn công nghệ cao của Mỹ được hưởng miễn trừ thuế và miễn áp dụng luật chống độc quyền nếu tham gia vào các liên danh hợp tác nghiên cứu & phát triển công nghệ cao, trong đó có bán dẫn. Đây là tiền đề cho sự ra đời của Liên minh SEMATECH (Semiconductor Manufacturing Technology) vào năm 1987, với sự tham gia của 14 tập đoàn bán dẫn hàng đầu của Mỹ và khoản ngân sách hỗ trợ 100 triệu USD/năm từ chính quyền liên bang. Cơ chế này đã giúp khuyến khích tăng cường đầu tư nghiên cứu & phát triển, thúc đẩy chia sẻ ý tưởng, tránh

trùng lặp trong cộng đồng bán dẫn Mỹ trong suốt những thập niên toàn cầu hóa. Nhờ đó, dù không còn nắm giữ vị thế độc tôn trong cả ba công đoạn sản xuất như giai đoạn trước, song ngành bán dẫn Mỹ vẫn đảm bảo vị trí số một về công nghệ nguồn, nhất là trong công đoạn thiết kế được coi là phức tạp và quan trọng nhất trong quy trình sản xuất chip, tạo ra nhiều giá trị gia tăng nhất cho sản phẩm. Mỹ chiếm 65% lực lượng chuyên gia, lao động thiết kế chip tay nghề cao của thế giới, nắm công nghệ nguồn và thống trị phần mềm tự động hóa thiết kế điện tử (EDA) với 97% thị phần toàn cầu.

Sự “can dự trở lại” của Chính quyền liên bang - chính sách phát triển ngành bán dẫn của Mỹ dưới thời các Tổng thống Trump và Biden

Bước vào thập niên 2010, ngành bán dẫn Mỹ phải đối mặt

với 03 thách thức lớn sau đây:

Thứ nhất là cạnh tranh ngày càng gay gắt từ Trung Quốc với những khoản trợ cấp chính phủ quy mô lớn. Kể từ năm 2014, khi Bộ Tài chính và Ngân hàng Phát triển Trung Quốc đồng sáng lập Quỹ Đầu tư Công nghiệp Vi mạch Tích hợp Trung Quốc (còn được gọi là “Đại Quỹ”), đã huy động được khoảng 120-150 tỷ Nhân dân tệ/năm (tương đương 16-20 tỷ USD/năm) đầu tư vào ngành bán dẫn Trung Quốc, trong đó 67% tập trung cho công đoạn chế tạo chip bán dẫn tại Trung Quốc. Bên cạnh đó, các biện pháp sao chép công nghệ Mỹ của các nước, đặc biệt là Trung Quốc, cũng khiến các công ty Mỹ thiệt hại khoảng 100 tỷ USD/năm theo ước tính của Hiệp hội Bán dẫn Mỹ (SIA).

Thứ hai là nguy cơ an ninh khi những công nghệ bán dẫn tối tân của Mỹ được sử dụng trong



các khí tài quân sự, hạ tầng viễn thông thiết yếu bị xâm nhập, đánh cắp. Trên thực tế, Chính quyền Trump đã có nhiều biện pháp tập trung ngăn cản Trung Quốc tiếp cận công nghệ nguồn theo hướng ngăn cản các công ty Trung Quốc nhập khẩu của Mỹ. Dù đã đạt được một số kết quả đáng kể trong việc ngăn cản các công ty hàng đầu của Trung Quốc như Huawei, ZTE tiếp cận công nghệ Mỹ, song do nhu cầu lợi nhuận tại thị trường lớn là Trung Quốc, các công ty bán dẫn Mỹ vẫn để một số chủng loại chip công nghệ cao xuất sang Trung Quốc, được Trung Quốc sử dụng trong các siêu máy tính, phần mềm trí tuệ nhân tạo, thiết bị quân sự, tình báo và an ninh...

Thứ ba là rủi ro đứt gãy chuỗi cung do chuyển sản xuất ra nước ngoài, thể hiện rõ trong giai đoạn dịch Covid-19 khiến nhiều công ty Mỹ thiếu nguồn cung và tình trạng lạm phát cao thời gian qua. Các ngành công nghiệp Mỹ chịu ảnh hưởng lớn nhất là ô tô, máy tính, điện thoại thông minh; trong đó, riêng ngành sản xuất ô tô tại Mỹ ước tính thiệt hại khoảng hơn 200 tỷ USD trong năm 2021 do thiếu hụt nguồn cung chip bán dẫn.

Chính quyền Biden tiếp nối Chính quyền Trump xác định bán dẫn là một ngành công nghiệp trọng yếu thuộc an ninh quốc gia Mỹ, cần có cách tiếp cận “toàn chính phủ” để duy trì, củng cố vị thế số một của Mỹ. Thực tế triển khai chính sách của Chính quyền Biden thời gian qua gồm 03 nhóm biện pháp chính:

Nhóm biện pháp thứ nhất là

trợ cấp cho công đoạn chế tạo trong nước, tăng đầu tư nghiên cứu & phát triển, bao gồm việc phân bổ 39 tỷ USD trong vòng 5 năm hỗ trợ tài chính cho các công ty xây dựng các cơ sở chế tạo, đóng gói - thử nghiệm tại Mỹ; miễn 25% thuế đầu tư đối với các khoản đầu tư vào chế tạo chip bán dẫn hoặc sản xuất các thiết bị, nguyên liệu phục vụ chế tạo chip bán dẫn tại Mỹ; phân bổ 11 tỷ USD cho các chương trình nghiên cứu & phát triển bán dẫn của Bộ Thương mại Mỹ, 2 tỷ USD cho quỹ nghiên cứu & phát triển bán dẫn của Bộ Quốc phòng Mỹ; phân bổ 500 triệu USD cho chương trình phát triển nguồn nhân lực bán dẫn của Quỹ Khoa học Quốc gia.

Đáng chú ý, Quốc hội Mỹ mặc dù vẫn có ý kiến băn khoăn về vấn đề trợ cấp cho doanh nghiệp, song đồng thuận tương đối cao về tầm quan trọng của việc phát triển ngành bán dẫn Mỹ, cho rằng đây là ngành công nghiệp then chốt trong đảm bảo vị thế lãnh đạo toàn cầu của Mỹ trong tương lai. Một số nghị sỹ cho biết thông thường sẽ không ủng hộ các khoản trợ cấp lớn cho doanh nghiệp tư nhân, song cho rằng đây là ngoại lệ trong bối cảnh các đối thủ cạnh tranh, đặc biệt là Trung Quốc thời gian qua đã triển khai những khoản đầu tư khổng lồ thúc đẩy phát triển ngành bán dẫn trong nước; đồng thời kêu gọi Chính quyền thắt chặt hơn nữa các biện pháp ngăn chặn Trung Quốc đánh cắp sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực này.

Nhóm biện pháp thứ hai là củng cố, đa dạng hóa chuỗi cung

theo hướng đẩy mạnh vai trò của đồng minh, đối tác, đáng chú ý có việc công bố báo cáo rà soát chuỗi cung bán dẫn, trong đó nêu hợp tác đảm bảo nguồn cung với đồng minh, đối tác là một biện pháp trọng tâm; nêu khái niệm “friend-shoring” (chuyển sản xuất sang các “nước bạn”) với nội hàm củng cố, đa dạng hóa chuỗi cung bán dẫn thông qua hợp tác với những đối tác tin cậy để giảm rủi ro đứt gãy; cho phép các công ty nước ngoài được hưởng ưu đãi thuế khi đầu tư xây dựng nhà máy chế tạo chip bán dẫn tại Mỹ; tăng cường hợp tác song phương cũng như đa phương thông qua các cơ chế G7, Bộ Tứ, Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPEF), Hội đồng Công nghệ Thương mại Mỹ - EU phối hợp phát triển chip bán dẫn, cơ chế không chính thức “Chip 4” (Mỹ - Nhật Bản - Hàn Quốc - Đài Loan)...

Theo Bộ trưởng Thương mại Mỹ Gina Raimondo, chính sách của Mỹ không nhằm đưa toàn bộ dây chuyền chip bán dẫn về Mỹ, mà hướng tới củng cố chuỗi cung thông qua việc kết hợp tăng cường hoạt động chế tạo trong nước và phối hợp đồng minh - đối tác, tránh lặp lại tình trạng đứt gãy vừa qua; cho biết Mỹ sẽ tiếp tục đẩy mạnh “friend-shoring” chuỗi cung bán dẫn trên cơ sở lòng tin đối với đối tác và năng lực của đối tác.

Nhóm biện pháp thứ ba là tăng cường bảo vệ công nghệ nguồn, thông qua việc duy trì các biện pháp kiểm soát xuất khẩu, ngăn chặn tiếp cận công

nghe cao đã được Chính quyền Trump triển khai với các tập đoàn hàng đầu của Trung Quốc như Huawei, ZTE, SMIC...; đồng thời bổ sung các biện pháp giới hạn khác, đáng chú ý có việc cấm các thực thể Mỹ đầu tư vào 59 công ty công nghệ Trung Quốc bị Mỹ cáo buộc có quan hệ với quân đội, tình báo Trung Quốc, trong đó có Huawei, SMIC, Hikvision...; kiểm soát xuất khẩu công nghệ phần mềm thiết kế chip điện tử có sự hỗ trợ của máy tính (ECAD) được sử dụng trong sản xuất chip kích cỡ <3 nanomet; yêu cầu các công ty NVIDIA và AMD ngừng xuất khẩu dòng chip trí tuệ nhân tạo sang Trung Quốc; không cho phép các công ty bán dẫn đã nhận trợ cấp, ưu đãi thuế theo Đạo luật CHIPS được đầu tư chế tạo chip bán dẫn tối tân (<7 nanomet) tại Trung Quốc; không cho phép công dân có hộ chiếu

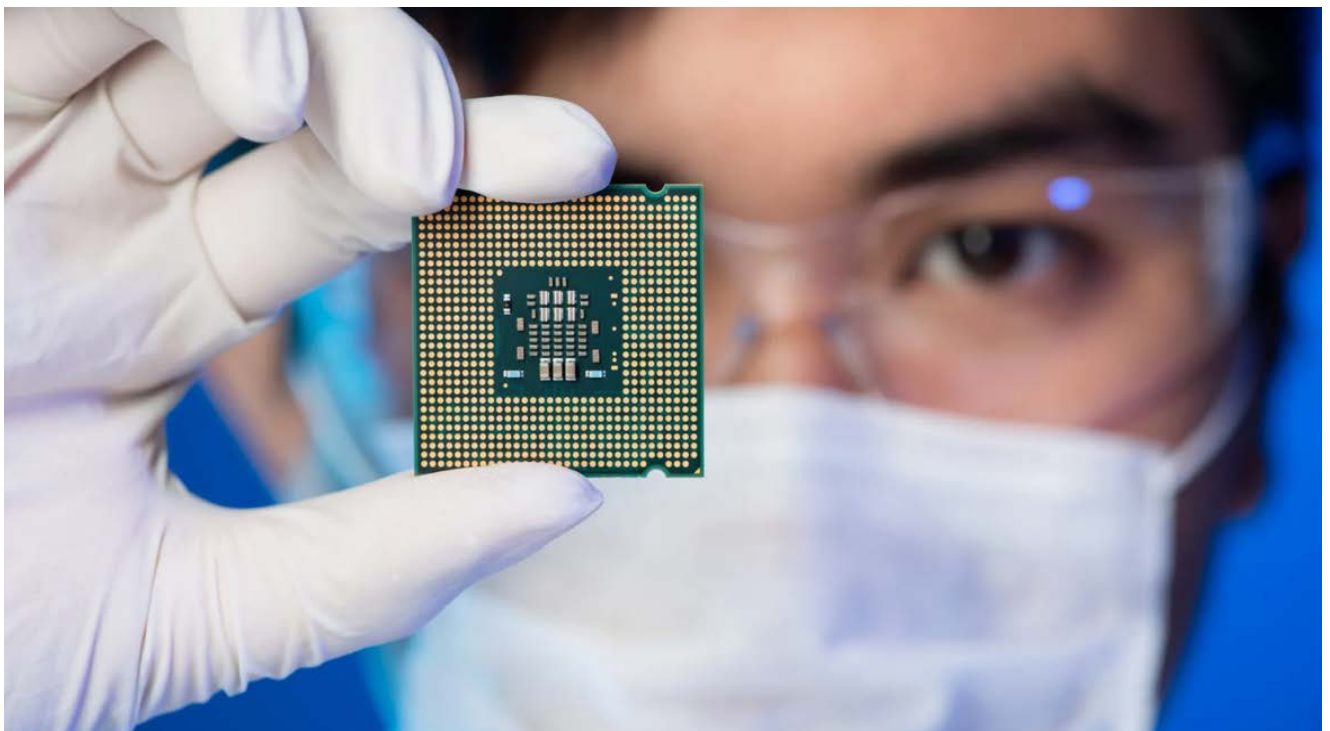
Mỹ (bao gồm cả người sinh ra ở Trung Quốc nhưng có hộ chiếu Mỹ) làm việc cho các công ty bán dẫn của Trung Quốc; đề ra những tiêu chí cụ thể về chủng loại, độ cao cấp của các loại chip, thiết bị bán dẫn được phép xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hiệu quả bước đầu

Về bản chất, những triển khai chính sách vừa qua của Chính quyền Biden mà nổi bật là việc ban hành Đạo luật CHIPS là hình thức “trợ cấp chính phủ” quy mô lớn của Mỹ cho ngành bán dẫn, nhằm củng cố hơn nữa vị thế dẫn đầu của Mỹ về công nghệ nguồn thông qua việc đầu tư lớn cho nghiên cứu và phát triển, đồng thời thắt chặt hơn kiểm soát công nghệ chip rất tinh vi và phức tạp từ các công ty Mỹ sang Trung Quốc; qua đó thúc đẩy hoạt động chế tạo chip bán dẫn tại Mỹ, nâng cao khả

năng tự chủ của Mỹ, giảm phụ thuộc nhất định vào nguồn cung nước ngoài.

Còn khá sớm để đánh giá tổng thể hiệu quả từ các chính sách trợ cấp, ưu đãi của Chính quyền Biden. Song bước đầu, có thể thấy rõ hiệu ứng, “cú hích” đối với ngành bán dẫn Mỹ, nhất là trong công đoạn chế tạo. Vừa qua, các tập đoàn bán dẫn hàng đầu thế giới đã công bố những khoản đầu tư lớn, dài hạn xây dựng nhà máy chế tạo chip bán dẫn tại Mỹ để tận dụng những trợ cấp, ưu đãi nêu trên. Trong các công ty Mỹ, đáng chú ý có IBM công bố kế hoạch đầu tư 20 tỷ USD cho phát triển máy tính lượng tử, chế tạo chip bán dẫn và các lĩnh vực công nghệ cao khác ở bang New York; Micron công bố kế hoạch đầu tư 100 tỷ USD trong 20 năm để xây dựng một tổ hợp nhà máy chế tạo chip bán dẫn tại bang



New York – dự kiến sẽ là tổ hợp nhà máy chế tạo chip bán dẫn lớn nhất nước Mỹ, dự kiến khởi công năm 2024. Trong các công ty nước ngoài, đáng chú ý có SK Telecom của Hàn Quốc công bố dự án đầu tư 22 tỷ USD chế tạo chip bán dẫn tại Mỹ; TSMC của Đài Loan đang xây dựng nhà máy chế tạo chip 5 nanomet trị giá 12 tỷ USD tại bang Arizona, dự kiến hoàn thiện và đi vào hoạt động năm 2024.

Một điểm đáng chú ý khác là từ góc độ lợi nhuận, các công ty bán dẫn rõ ràng không hề muốn từ bỏ thị trường Trung Quốc, song phải vấp phải “lực cản” đáng kể từ các công cụ chính sách của Chính quyền liên bang Mỹ. Các công ty bán dẫn của Mỹ và nước ngoài khi đã hưởng trợ cấp ưu đãi của chính quyền Mỹ sẽ phải điều chỉnh để không vi phạm lệnh cấm Trung Quốc tiếp cận công nghệ nguồn của Mỹ theo Đạo luật CHIPS và các biện pháp vừa qua của Bộ Thương mại Mỹ. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược hiện nay, xu thế này nhiều khả năng sẽ khó đảo ngược. Chính quyền Mỹ có thể sẽ tiếp tục triển khai những biện pháp ràng buộc tương tự để củng cố hơn nữa vị thế kiểm soát của công nghệ nguồn của Mỹ, qua đó sẽ tiếp tục tác động đến chuỗi cung toàn cầu về chip bán dẫn theo hướng làm gia tăng xu thế phân tách công nghệ giữa Mỹ và Trung Quốc.

Bài học kinh nghiệm và khuyến nghị cho Việt Nam

Có thể thấy, những điều chỉnh chính sách của Mỹ và các nước đồng minh, đối tác đang làm

thay đổi bản đồ bán dẫn thế giới. Bản đồ này thay đổi theo hướng nào còn cần theo dõi thêm, nhưng một điều chắc chắn là các nước như Việt Nam lần đầu tiên có cơ hội tham gia thực chất vào ngành này. Mặc dù vậy, do đây là ngành công nghiệp rất phức tạp, liên quan đến nhiều nước, nhiều công ty nên ngoài quyết tâm và nguồn lực, thì việc thường xuyên nghiên cứu hiểu về ngành này, hiểu về xu thế, hiểu về kinh nghiệm thành công và thất bại của các nước là rất quan trọng.

Trong suốt chiều dài lịch sử phát triển ngành công nghiệp bán dẫn của Mỹ, tuy cách tiếp cận có điều chỉnh tùy theo bối cảnh tình hình, song Chính quyền liên bang Mỹ luôn đóng vai trò rất quan trọng, từ nhận thức sớm về tiềm năng, tầm quan trọng chiến lược của ngành bán dẫn cho đến những biện pháp cụ thể đồng hành cùng doanh nghiệp như trợ cấp, đảm bảo đầu ra, tăng cường đầu tư nghiên cứu & phát triển, phối hợp với đồng minh, đối tác... Hiện nay, không chỉ Mỹ mà nhiều quốc gia khác trên thế giới và trong khu vực đang chủ động và quyết liệt hơn trong việc tạo “cú hích” cho sự phát triển của ngành bán dẫn trong nước, xác định bán dẫn là ngành công nghiệp chiến lược, cần có những hình thức hỗ trợ đặc thù của nhà nước để thúc đẩy phát triển. Việt Nam với xuất phát điểm sau sẽ không phải là ngoại lệ nếu muốn “đi tắt, đón đầu” ngành công nghiệp mang tính định hình tương lai này.

Việt Nam đang sở hữu một số lợi thế để phát triển ngành bán

dẫn, nhất là môi trường an ninh chính trị ổn định, nguồn lao động trẻ, nhóm sinh viên quan tâm đến khoa học tự nhiên đông đảo, có năng lực và sức sáng tạo. Tuy vậy, kinh nghiệm cho thấy, ngay cả với những nước có tiềm lực dồi dào và nền khoa học - công nghệ phát triển như Mỹ, thì việc đầu tư quy mô lớn để xây dựng một hệ sinh thái bán dẫn hoàn chỉnh, cùng lúc tham gia vào toàn bộ các công đoạn từ thiết kế, chế tạo cho đến đóng gói là tốn kém, khó khả thi, nhất là khi xuất phát điểm của ngành bán dẫn Việt Nam về cơ bản mới đang chỉ ở cấp độ gia công.

Thay vào đó, cách tiếp cận phù hợp hơn với Việt Nam là theo lộ trình, trước mắt có thể tập trung đầu tư vào một số công đoạn mà Việt Nam có điều kiện, năng lực như thiết kế hay đóng gói - thử nghiệm, chế tạo chip phân khúc phổ thông, đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo tại chỗ, hợp tác quốc tế và cải thiện hạ tầng, từ đó tiến tới tham gia các công đoạn tạo ra giá trị gia tăng cao hơn. Cần tạo điều kiện để nhiều doanh nghiệp trong nước tham gia vào các phân khúc trong ngành bán dẫn và công nghiệp phụ trợ. Trong suốt lộ trình phát triển này, bên cạnh năng lực và sức sáng tạo của doanh nghiệp, quan trọng không kém là vai trò điều phối, định hướng, hỗ trợ, đồng hành của các Bộ, ban, ngành, địa phương, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi để ngành công nghiệp bán dẫn Việt Nam bứt phá ■